



Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Trị sự: **ĐĐ. Thích Quảng Hiếu**
Thư ký: **ĐĐ. Thích Đồng Thiện**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**
Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình ảnh: **Donvikro (Pixabay.com)**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 638-0989

(714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hưởng vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email: baivochanhphap@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn.

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ THƯ TÒA SOẠN, trang 2
- ◆ TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Diệu Âm lược dịch), trang 4
- ◆ BÁO TIN, CHÚC XUÂN (thơ ĐNT Tín Nghĩa), trang 9
- ◆ BIÊN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 10
- ◆ ĐẠO VÀ THƠ, THƠ VÀ XUÂN... (thơ Minh Đạo), trang 12
- ◆ THÔNG TƯ: Thông tri các Phật sự quan trọng năm 2020 (GHPGVNTNHNK), trang 12
- ◆ THƯ MỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI KHOẢNG ĐẠI KỶ III NHIỆM KỶ IV (2020-2024) (GHPGVNTNHNK), trang 14
- ◆ BÓNG ĐỎ MỀNH MANG (thơ TN. Tịnh Quang), trang 16
- ◆ THƠ VÀ ĐÁ, THAY LỜI TỰA (Tuệ Sỹ), trang 17
- ◆ GIÁO LÝ NGHIỆP (Thích Tâm Thiện), trang 19
- ◆ TAM GIỚI BÁT AN DƯ NHƯ HÒA TRẠCH (thơ Thích Viên Thành), trang 22
- ◆ ĐẦU NĂM MỞ CỬA HẠNH PHÚC (TN. Hằng Như), trang 26
- ◆ LỜI CHÚC ĐẦU NĂM 2020,... (thơ Tánh Thiện), trang 61
- ◆ GIỮ TÂM NHƯ CHẶN TRÂU (Quảng Tánh), trang 31
- ◆ PHỦ ÔNG CÁT LẬU – Câu Chuyện Dưới Cờ (Thị Nguyên Nguyễn Đình Khôi), trang 32
- ◆ HỘI AN NAM PHẬT HỌC TRUNG KỶ, t.t. (Nguyễn Lang), trang 33
- ◆ GỌI XUÂN (thơ Thực Độ), trang 37
- ◆ CHIÊM BAO HẠC TRẮNG (TN. Huệ Trân), trang 38
- ◆ TỰ DO, ĐỀ NÓI (thơ Pháp Hoan), trang 39
- ◆ THÔNG BÁO KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN 10 (TK. Thích Tuệ Phát), trang 42
- ◆ KHÁT KHÔNG UỐNG NƯỚC (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 45
- ◆ KHI THIÊN NI CHİYONO CHỨNG NGỘ (Nguyễn Giác), trang 46
- ◆ BUỘC RÀNG (thơ Tiểu Lục Thần Phong), trang 49
- ◆ TƯỜNG NIỆM 200 NĂM NGUYỄN DU QUA ĐỜI... (Huỳnh Kim Quang), trang 50
- ◆ THÚY KIỀU, CUNG ĐÀN VI DIỆU (thơ Tâm Nhiên), trang 53
- ◆ CỘNG ĐỒNG CÁC TẾ BÀO (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 54
- ◆ XIN ĐƯỢC PHÉP CHỐI TỪ MỘT MÙA XUÂN (thơ Trần Thiên Thi), trang 56
- ◆ THƯ MỜI THAM DỰ BUỔI SINH HOẠT CÓ MẶT CHO NHAU 6 (Tâm Thường Định), trang 57
- ◆ TRUYỆN CỰC NGẮN (Steven N.), trang 58
- ◆ ĐỒNG TÂM (thơ Hiền Nguyên), trang 59
- ◆ MA HỒI (Tiểu Lục Thần Phong), trang 60
- ◆ NHÂN QUẢ NHIỆM MÀU (thơ Thục Uyên), trang 62
- ◆ STORY OF A WOOD-CUTTER'S SON (Daw Tin), trang 63
- ◆ ÁO THỨC 1, 2, 3, 4 (thơ Phù Du), trang 64
- ◆ VƯỜN CẢI HOA VÀNG (Diệu Nga), trang 65
- ◆ XUÂN YÊU THƯƠNG, CHÚC XUÂN... (thơ Diệu Viên), trang 70
- ◆ NÀNG KỶ NỮ PHỆ SA (Truyện cổ Phật giáo), trang 71
- ◆ NẤU CHAY: BÚN RIÊU CHAY (Vũ Quỳnh) trang 72
- ◆ CHÙM TỬ CỤ LỤC BÁT VỀ BÓNG VÀ HÌNH (thơ TK Vĩnh Hữu), trang 74
- ◆ NÚI XANH MÂY HỒNG – chương 2 (Vĩnh Hào), trang 76
- ◆ TRÀ XUÂN, XUÂN SỚM... (thơ Lãng Nguyệt), trang 79



Báo Chánh Pháp số 99, tháng 02.2020, do Chùa Phật Đà & Tu viện Pháp Vương (CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

AN TRONG CỠ BẤT AN

Những cánh rừng bạt ngàn, nối nhau rực cháy suốt mấy tháng cuối năm ở Úc. Hình ảnh lửa phừng đặng trên báo chí, truyền hình thật kinh hãi! Tưởng chừng hỏa ngục được ghi lại trong những bản kinh cổ tôn giáo. Hàng trăm nghìn gia đình phải di tản, dạt về hướng ven biển để tránh lửa, nhưng vẫn không tránh khỏi cái chết đối với một số người; và thảm thương nhất là muông thú: tin tức cho hay khoảng một tỉ động vật hoang dã bị thiêu chết. Nạn cháy rừng ở Úc được toàn thế giới chú tâm theo dõi, đau xót, lo âu, đóng góp cứu trợ và cầu nguyện. Rồi mưa xuống. Mưa thật lớn trên những cánh rừng thưa, cây cỏ tróc gốc, khiến tạo nên lũ lụt ở một số nơi. Tai nổi tai, họa nối họa, chẳng biết đâu mà lường.

Nhưng thiên tai thực ra chẳng phải là điều gì lạ lắm trên hành tinh này. Cảnh giới này vốn là cảnh giới bất an, bất toàn.

Cộng nghiệp của loài người và các loài khác trên trái đất là cùng sinh sống trên một quả cầu lửa được bọc bằng lớp vỏ mỏng (*Crust*) có độ dày từ 8 đến 45 cây số trong khi phần ruột bên trong, gồm lớp phủ (*Upper và Lower Mantle*), có bề dày 2,900 cây số từ mặt đất, với nhiệt độ của dung nham (*Magma*) từ 700 đến 1,300 độ C; cho đến lõi ngoài (*Outer Core*), rồi lõi trong cùng trung tâm trái đất (*Inner Core*) sâu khoảng 6,377 cây số. Ở lõi ngoài, nhiệt độ từ 3,700 đến 4,300 độ C; còn ở lõi trung tâm, nhiệt độ lên đến 7,000 độ C. Nhiệt độ ở mức ấy, trên mặt đất và bầu khí quyển, người ta không thể nào tưởng tượng ra nổi.

Nói chung là muôn loài đang sống trên bề mặt của một hành tinh mà cốt lõi nguyên thủy là một khối lửa, nguội và rắn lại từ 4 tỉ rưỡi năm trước, trong khi đại dương hình thành từ 3 tỉ 800 triệu năm, và sự sống của một số thực vật và thú vật mới bắt đầu từ 500 triệu năm trước; còn loài người tiền sử thì chỉ xuất hiện sớm nhất cách nay từ 4 đến 6 triệu năm.

Nhìn bề dày của trái đất mà so với thân người bé nhỏ, rồi nhìn cái bao la vô tận của không gian vũ trụ với hàng nghìn tỉ tinh tú trong hàng nghìn tỉ thiên hà mà so với trái đất bé tí...; ngẫm niên đại thành hình của trái đất 4 tỉ rưỡi năm so với thời kỳ xảy ra Big Bang gần 14 tỉ năm, và tuổi của ngân hà, thiên hà... mới hay, đời người trăm năm thật chẳng là bao.

Thế nhưng đời người không phải chỉ có thân, không phải chỉ có tuổi tác. So sánh làm gì với tuổi tác và cái bao la của sơn hà đại địa, của ngân hà và thiên hà xa xăm!

Con người còn có tâm, và chính cái tâm này có thể vẽ nên muôn vàn cảnh giới, thiên đàng/địa ngục, thánh/phàm, hạnh phúc/khổ đau, giác ngộ/vô minh...

Cũng một tâm ấy, giữ bình thường, thì là bản tâm, chân tâm. Vọng động, manh động lên bởi tham ái thì là vọng tâm.

Cũng không thể nói là "giữ" cho tâm bình thường. Vì có một sự cố gắng nào đó để giữ cho tâm bình thường, đã là vọng động.

Cũng không thể nói cứ để mặc như thế, trơ lì như gỗ đá là thể hiện được chân tâm.

Tâm linh hoạt, ảo diệu, như gương, soi và chiếu tất cả. Nó luôn có mặt như thế, ở đây và ở kia, chốn này và cùng khắp.

Nói thì đơn giản nhưng để có được một tâm như vậy, nhà đạo phải trải ngay đêm sáu thời, trừng trừng nhìn vào chốn ấy, miên mật quán sát *bộ mặt thực xưa nay* (1): xuất sinh từ đâu và diệt đi về đâu. Quán tâm như ngọn sóng. Cõi nâng về mặt trời (2). Quán ngọn sóng từ đâu khởi sinh, và khi diệt thì về đâu. Dõi theo tâm như dõi theo tia nắng mặt trời. Mặt trời là nơi sinh xuất tia nắng, muốn trở về với mặt trời thì cõi tia nắng mà về. Tức là tâm sinh từ đâu thì diệt cũng từ đó. Tìm

đến tận nguồn sinh bằng chính chỗ về, chỗ diệt, giống như sóng sinh từ nước thì khi diệt nó cũng trở về nước. Bản tâm nằm ở nơi ấy.

Tâm bình thì thế giới bình. Tâm an thì thế giới an.

Cảnh giới bất an này đều từ vọng tâm mà dậy khởi. Nước trôi, lửa cháy, chiến tranh, giặc giã... đều từ một tâm tham mà tràn lan khắp chốn. Thế giới hiện bày từ vọng tưởng đảo điên của con người. Nói cách khác, con người đã vẽ nên cảnh giới tương xứng với tham tâm, vọng tưởng của nó. (3)

Nhưng vọng tưởng ấy, thực ra, không cần phải diệt trừ; mà chân tâm, cũng không cần phải vọng cầu (4). Không thể diệt trừ cái không có thật. Cũng không thể cầu mong cái gì đã sẵn có, luôn có.

Lặng lặng đi, đứng, ngồi, nằm - một tâm ấy trong tự tại an nhiên, không đặt tên, phán xét. (5) Chính nơi đó, bộ mặt Chúa Xuân hiện hiện. (6)

Trầm xộng thoảng một cảnh thiên.
Sương mai dầm một vườn sau.

Hoa xuân rung nhẹ bên thềm hiên vắng.

Một chung trà nóng, mời tri âm.

- 1) Bản lai diện mục, một thuật ngữ nhà Thiền chỉ cho chân tâm.
- 2) Các pháp quán tâm của Thiền.
- 3) Chánh báo và y báo.
- 4) "*Bất trừ vọng tưởng bất cầu chân*" (Huyền Giác - Chứng Đạo Ca)
- 5) "*Hành diệc thiên, tọa diệc thiên / Ngủ mặc động tịnh thể an nhiên.*" Trúc Thiên dịch từ Chứng Đạo Ca: "Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền / Nói im động tịnh thảy an nhiên."
- 6) "Đông hoàng điện," bộ mặt của Chúa Xuân (trong câu "*Như kim khám phá đông hoàng điện*," bài Xuân Vãn, của Trần Nhân Tông).



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

MÔNG CỔ: Quốc hội Mông Cổ phê chuẩn Lễ Phật Đản là một ngày công lễ

Ngày 20-12-2019, Quốc hội Mông Cổ đã phê chuẩn dự luật sửa đổi cho Luật về các ngày Công Lễ, được đệ trình bởi các thành viên nghị viện vào tháng 8 năm ngoái.

Bản sửa đổi tuyên bố Ngày Đức Phật hay ngày Đức Phật Cô Đàm đàn sinh, giác ngộ và nhập niết bàn là một ngày công lễ. Theo Phật lịch, lễ này nhằm ngày rằm của tháng hệ đầu tiên. Vào năm 2020, Lễ Phật Đản sẽ là ngày 5-6 dương lịch.

Trong cuộc thảo luận, các thành viên quốc hội chỉ ra rằng nên tổ chức Ngày Đức Phật như một ngày để khuyến khích lòng từ bi, sự đồng cảm và lòng tốt, và quảng bá tình yêu đối với mẹ thiên nhiên, cha mẹ và gia đình.

(AKIPRESS.COM – December 24, 2019)



Phật tử Mông Cổ
Photo: AKIPRESS.COM

HÀN QUỐC: Phật tử tham gia lễ Giáng sinh

Tại một ngôi chùa ở Seoul, lễ Giáng sinh được Phật tử Hàn Quốc tổ chức sớm với một cây thông Giáng sinh đại diện cho tất cả tôn giáo.

Trước lễ Giáng sinh, cây

thông Giáng sinh đã được thắp sáng vào ngày 20-12-2019 tại một buổi lễ do Tông phái Phật giáo Hàn Quốc Jogye tổ chức.

Lễ thắp sáng có sự tham gia của các vị lãnh đạo tôn giáo, bao gồm Hòa thượng Wonhaeng, sư trưởng Tông phái Jogye, Tổng thư ký Kim Young-ju của Hội đồng các Giáo hội Quốc gia và Giám mục Kim Hee-joong của Hội đồng Công giáo Hàn Quốc.

Trong buổi lễ, một ban hợp ca thiếu nhi từ chùa đã hát những bài thánh ca Giáng sinh.

Từ năm 2010, lễ thắp sáng cây thông đã được tổ chức vào mỗi dịp Giáng sinh tại chùa này như một biểu tượng hòa hợp giữa các tôn giáo khác nhau ở Hàn Quốc (KBS WORLD – December 24, 2019)



Ban hợp ca thiếu nhi từ chùa của Tông phái Jogye hát những bài thánh ca Giáng sinh trong lễ thắp sáng cây thông Giáng sinh
Photo: Yonhap News

HOA KỲ: Bức tranh Phật giáo Cao Ly quý hiếm tại Bảo tàng Nghệ thuật Cleveland

Viện Bảo tàng Nghệ thuật Cleveland đã công bố những vụ mua lại mới cho bộ sưu tập thường trực của viện, bao gồm một bức tranh Phật giáo Cao Ly quý hiếm.

Bảo tàng này đã mua

được bức Đệ Tứ Điện Diêm Vương từ một loạt các bức tranh mô tả 10 vị diêm vương. Các bức tranh cuộn với chủ đề Phật giáo này đã đạt đến đỉnh cao của thành tựu trong thời Goryeo (918-1392) ở Cao Ly.

Chỉ có khoảng 160 tranh từ thời Goryeo, và rất ít tranh trong số này xuất hiện trên thị trường Hoa Kỳ và Âu châu trong 25 năm qua. Trước khi về bảo tàng Cleveland, tranh Đệ Tứ Điện Diêm Vương từng được trưng bày tại các tổ chức uy tín như Bảo tàng Quốc gia Hàn Quốc.

(news5cleveland.com – December 26, 2019)



Bức tranh Đệ Tứ Điện Diêm Vương của Phật giáo Cao Ly
Photo: Howard Agriesti

NHẬT BẢN: Quét bụi tượng Đại Phật tại chùa Nanzoin

Ngày 26-12-2019 tại thị trấn Sasaguri ở tỉnh Fukuoka, những người thờ cúng dùng các cành tre để quét bụi một tượng Phật khổng lồ trong một sự kiện cuối năm thường niên

tại chùa Nanzoin.

Là điểm thu hút tại địa phương, pho tượng dài 41 m, cao 11 m và nặng 300 tấn nói trên là một trong những tượng Phật nằm bằng đồng lớn nhất thế giới.

Tượng được xây vào năm 1995 để lưu giữ tro cốt của Đức Phật. Một tổ chức Phật giáo ở Miến Điện đã tặng tro cốt này cho chùa Nanzoin để bày tỏ sự cảm kích về việc chùa đã gửi vật phẩm tặng trẻ em tại Miến Điện và Nepal.

(The Mainichi - December 26, 2019)



*Phật tử quét bụi tượng Đại Phật tại chùa Nanzoin, Nhật Bản
Photo: Toyokazu Tsumura*

CỘNG HÒA TUVA (Liên bang Nga): Kamby Lạt ma thứ 8 đăng quang để lãnh đạo Tăng đoàn Phật giáo tại Tuva

Kyzyl, Tuva - Kamby Lạt ma thứ 8, tăng sĩ cao cấp nhất ở Cộng hòa Tuva, đã đăng quang vào ngày 19-12-2019 tại Nhà nghệ thuật Dân gian của Bộ Văn hóa ở thủ đô Kyzyl.

Jampel Lodoy, sư trụ trì của ngôi chùa huyền thoại Ustuu-Khuree, đã được bầu làm Lạt ma tối cao của nước cộng hòa Tuva vào ngày 29-11 tại chùa Tsechenling. Đây là lần thứ hai ông giữ vị trí cao nhất nói trên.

Lễ đăng quang có sự tham dự của các nhà lãnh đạo chính trị của Tuva, các đại diện của Giáo hội Chính thống Nga (Kitô giáo), hội pháp sư, các Lạt ma đến từ Mông Cổ láng giềng, và các tín đồ Phật giáo từ khắp Tuva.

Năm 1997, tổ chức của Lạt ma Kamby được hồi sinh là cơ quan tôn giáo cao nhất ở Tuva. Lạt ma tối cao của nước cộng hòa Phật giáo này được bầu trên cơ sở dân chủ với nhiệm kỳ

5 năm.

(Buddhistdoor Global - December 27, 2019)



Kamby Lạt ma thứ 8, Jampel Lodoy



Sholban Kara-ool, chủ tịch nước Tuva, đọc diễn văn tại lễ đăng quang của Kamby Lạt ma thứ 8



*Ông Sholban Kara-ool và Kamby Lạt ma thứ 8 trong lễ đăng quang
Photos: savetibet.ru*

NHẬT BẢN: Quét dọn bụi của cả năm tại 2 ngôi chùa ở Kyoto

Kyoto, Nhật Bản - Ngày 20-12-2019, theo một truyền thống thường niên có từ 500 năm trước, các tín đồ đã quét dọn bụi bặm của cả năm tại 2 ngôi chùa Nishi-Honganji và Higashi-Honganji.

Tại chùa Nishi-Honganji ở phường Shimogyo, việc dọn dẹp bắt đầu sau khi sư trưởng 42 tuổi Kojun Otani khua cây chổi dài khoảng 4 mét. Các tín đồ và chư tăng đập những

tấm nệm sàn trong chánh điện, dùng những gậy tre để hất bụi lên không trung. Một chiếc quạt khổng lồ được dùng để quạt bay bụi đi.

Tại chùa Higashi-Honganji ở cùng phường, các tín đồ làm việc cạnh nhau khi đập bụi nệm sàn. Một vị sư trưởng của chùa là Choken Otani, 89 tuổi, đã kết thúc buổi quét dọn này bằng cách dùng một gậy tre viết chữ "Kotobuki", nghĩa là "chúc mừng", lên không trung.
(tipitaka.net - January 1, 2020)



*Phật tử quét dọn bụi của cả một năm tại chùa Nishi-Honganji ở Kyoto
Photos: Yoshiko Sato*



HOA KỲ: Đức Đạt lai Lạt ma có tên trong số những người đàn ông được ngưỡng mộ nhất năm 2019: Cuộc thăm dò của Gallup

Đức Đạt lai Lạt ma, nhà lãnh đạo Tây Tạng lưu vong và là nhân vật Phật giáo quan trọng nhất, nằm trong số 10 người đàn ông được ngưỡng mộ nhất ở Hoa Kỳ trong năm thứ 9 liên tiếp.

Đức Đạt lai Lạt ma, 84 tuổi, được xếp hạng thứ 9 trong năm 2019 từ một cuộc thăm dò công khai được thực hiện bởi công ty Gallup ở Washington, nổi tiếng về các cuộc thăm dò dư luận trên toàn thế giới.

Cuộc thăm dò này được thực hiện trong số 1,000 người trưởng thành ở Hoa Kỳ.

Đức Đạt lai Lạt ma là một nhân vật tâm linh và hòa giải được kính trọng tại Hoa Kỳ và những nơi khác. Ngài đã được trao giải Templeton vào năm 2012 tại Hoa Kỳ và Giải thưởng Nobel Hòa bình vào năm 1989 vì sự ủng hộ tích cực của ngài cho hòa bình.

(NewsNow - January 1, 2020)



*Đức Đạt lai Lạt ma
Photo: Phayul*

ẤN ĐỘ: Diễn viên Mỹ Richard Gere tham dự buổi thuyết pháp của Đức Đạt lai Lạt ma tại Bồ Đề Đạo Tràng

Diễn viên người Mỹ Richard Gere đã đi theo con đường tâm linh để chào đón năm mới khi

ông tham dự một buổi thuyết pháp của Đức Đạt lai Lạt ma tại Bồ Đề Đạo Tràng, Bihar.

Được biết, đây không phải là lần đầu tiên nam diễn viên phim "Người đàn bà đẹp" đến thăm Ấn Độ và tham dự một buổi pháp giảng như vậy.

Người ta thấy nam diễn viên 70 tuổi này đắm mình trong những lời cầu nguyện sâu sắc, lắng nghe tiếng tụng kinh trong cảnh quan này trong suốt buổi thuyết pháp.

Sau đó Gere tiếp xúc với các tín đồ khác và hòa nhập với các thiện hữu, những người rất hào hứng khi gặp gỡ ngôi sao Hollywood này.

(ANI - January 4, 2020)



Diễn viên điện ảnh Mỹ Richard Gere (ảnh trái) và Gerald Butler (ảnh phải) đón năm mới 2020 tại Ấn Độ

TÍCH LAN: Tổng thống và Thủ tướng tham dự hội nghị Đại Tăng đoàn Vibhajjavada

Hội nghị Đại Tăng đoàn Vibhajjavada được tổ chức để tiếp tục duy trì Phật pháp và tặng các bản kinh Tam Tạng cho 5,000 tu sĩ. Hội nghị này diễn ra vào ngày 4-1-2020 tại sân vận động trong nhà Sugathadasa. Lễ bế mạc được tổ chức dưới sự bảo trợ của Tổng thống Gotabaya Rajapaksa và Thủ tướng Mahinda Rajapaksa vào tối ngày 5-1.

Sự kiện này bao gồm các bài diễn văn và thảo luận mở rộng với dự tham gia của Đại Tăng đoàn thông thái để thảo luận về các cách thức và phương tiện nhằm bảo tồn giáo lý nguyên thủy của Đức Phật.

Tổng thống và Thủ tướng đã tặng Đại Tăng đoàn các phù hiệu Tam Tạng kinh. Bản "Kế hoạch 10 năm" để phát

huy Phật giáo và bản đề nghị thành lập "Quỹ tài trợ Kinh điển Phật giáo Nguyên thủy" để cung cấp miễn phí các văn bản Tam Tạng kinh cho chùa chiền trên toàn quốc cũng đã được trình bày với Tổng thống và Thủ tướng.

(news.lk.com - January 5, 2020)



Hội nghị Đại Tăng đoàn Vibhajjavada tại sân vận động trong nhà Sugathadasa, Colombo (Tích Lan)

Photo: businessnews.lk

ÚC ĐẠI LỢI: Hiệp hội Nữ Phật tử Úc Sakyadhita gây quỹ giúp nạn nhân cháy rừng

Hiệp hội Nữ Phật tử Úc Sakyadhita Úc đã ra mắt một công thông tin cho mọi người trên thế giới để gây quỹ giúp những người bị ảnh hưởng bởi trận cháy rừng tàn khốc năm nay. Các vụ cháy rừng 2019-2020 này có cường độ lớn vượt, giết chết 25 người. 500 triệu động vật và phá hủy hơn 1,500 ngôi nhà.

Hiệp hội Nữ Phật tử Úc Sakyadhita là một chi nhánh của Hiệp Hội Nữ Phật tử Quốc tế, được thành lập vào năm 1987 tại Bồ Đề Đạo Tràng, Ấn Độ để hoạt động vì lợi ích của nữ Phật tử trên khắp thế giới. Tổ chức này hiện có gần 2,000 thành viên tại 45 quốc gia trên toàn thế giới, thu hút cả tín đồ và tu sĩ cùng đến với nhau mỗi năm qua các hội nghị và hợp tác.

(Buddhistdoor Global - January 6, 2020)

Cháy rừng tại Úc





*Gấu Koala gặp nạn do cháy rừng
Photos: gofundme.com*

ĐÀI LOAN: Hội Từ Tế Đài Loan tặng đồ dùng cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn

Đài Bắc, Đài Loan - Ngày 10-1-2020, Hội Phật giáo Từ Tế thông báo rằng hội đã bắt đầu phân phối các nguồn cung cấp từ thiện đến các gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên khắp Đài Loan.

Tổ chức nhân đạo phi chính phủ này có kế hoạch tổ chức 43 bữa tiệc tối trước Tết Âm lịch cho các gia đình có thu nhập thấp hơn được tận hưởng tinh thần ngày lễ này.

Hội Từ Tế cho biết rằng thay vì tặng những túi quà Tết 5-kg, các gia đình sẽ nhận những phiếu quà tặng, cho phép họ mua các nhu yếu phẩm hàng ngày (ngoại trừ thuốc lá hoặc rượu) từ các siêu thị.

Có khoảng 21,000 gia đình sẽ được hưởng lợi từ chương trình này. Và các hội viên Từ Tế cũng đã chuẩn bị những gói bột mì, mì chay và cháo ngọt cho người nhận để chia sẻ niềm vui của Tết Nguyên Đán.

(Taiwan News - January 10, 2020)



Hội Từ Tế tổ chức các bữa tiệc tối cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn—Photo: Từ Tế

PAKISTAN: Lễ hội Gandhara để thúc đẩy du lịch tôn giáo

Chính quyền tỉnh Khyber Pakhtunkhwa (KP) sẽ tổ chức Lễ hội Gandhara vào tuần đầu tiên của tháng 4 để thu hút các quốc gia Phật giáo về di sản hàng thế kỷ của họ nằm rải rác trong tỉnh này.

Bên cạnh việc sắp xếp các chuyến tham quan khoảng 20 di tích Phật giáo tại KP cho khách quốc tế tham gia lễ hội, nghệ thuật Gandhara cũng sẽ được trưng bày để thu hút sự chú ý của du khách đối với di sản của họ - mà nay thuộc quyền sở hữu của đất nước Pakistan.

Lễ hội sẽ giúp tỉnh KP thu hút đầu tư nước ngoài và nội địa vào lĩnh vực du lịch, và các quốc gia Phật giáo có thể đóng vai trò nòng cốt trong việc nâng cấp các địa điểm linh thiêng của họ trải khắp tỉnh. Chính quyền KP đã dành 1 tỷ rupee trong ngân sách hiện tại để nâng cấp và bảo tồn các địa điểm tôn giáo nằm rải rác trong tỉnh.

Hiện nay KP sở hữu khoảng 6,000 di tích tôn giáo được ghi nhận, và chính quyền tỉnh đang tập trung vào việc duy trì 20 di tích có tầm quan trọng lớn.

(thenews.com.lk - January 8, 2020)

AFGHANISTAN: Ghép lại các tượng Phật từ hơn 7,500 mảnh vỡ tại Bảo tàng Quốc gia Afghanistan

Các nhà nghiên cứu từ Viện Đông phương của trường Đại học Chicago Hoa Kỳ đang làm việc với các nhà bảo tồn từ Bảo tàng Quốc gia Afghanistan để sửa chữa một số mô tả hình thể đầu tiên của Đức Phật, vốn bị phá hủy vào năm 2001 khi Taliban đập vỡ tan tành các bức tượng tôn giáo tại bảo tàng này.

Được tài trợ bởi các khoản tài trợ từ Đại sứ quán Hoa Kỳ ở thủ đô Kabul của Afghanistan, nhóm nghiên cứu đang cần thận ghép lại các bức tượng từ hơn 7,500 mảnh vỡ đã được lưu giữ trong các rương ở tầng hầm của bảo tàng sau sự tàn

phá của Taliban.

Nhiều bức tượng đến từ địa điểm khảo cổ Phật giáo-cổ Hy Lạp Hadda ở Afghanistan. Hadda có niên đại từ vùng Gandhara cổ xưa, là một nút chính của Con đường Tơ lụa nối liền Ấn Độ, Trung Hoa với thế giới Hy Lạp và Ba Tư. Số tượng này có niên đại từ thế kỷ thứ nhất đến thế kỷ thứ 6 sau Công nguyên, bao gồm các tác phẩm điêu khắc đứng cũng như các nhóm tượng có kích thước từ 2 m đến chỉ vài cm.

(Buddhistdoor Global - January 10, 2020)



Các tượng Phật được ghép từ hơn 7,500 mảnh vỡ tại Bảo tàng Quốc gia Afghanistan



Photos: uchicago.edu

ẤN ĐỘ: Hội nghị Phật giáo Quốc tế lần thứ 4 tại thành phố Ahmedabad, bang Gujarat

Gujarat, Ấn Độ - Tại Ahmedabad vào ngày 12-1-2020, một hội nghị Phật giáo quốc tế kéo dài ba ngày, được tổ chức theo chủ đề hòa bình, di sản

và đoàn kết, đã được khai mạc bởi Phó hiệu trưởng Đại học Gujarat, ông Himanshu Pandya, và một tu sĩ Phật giáo từ Miến Điện, Mahendra Thero.

Cháu nội trai của cố Tiến sĩ/ nhà luật học B R Ambedkar, Bhimrao Ambedkar; Tổng Giám đốc Cảnh sát, Anil Pratham; Diễn viên Kannada Chetan Kumar và khoảng 100 nhà sư Phật giáo từ Châu Á, Châu Âu và Châu Mỹ đã tham dự lễ khai mạc tại Hội trường Ban Giám đốc của Đại học Gujarat.

Đây là Hội nghị Phật giáo Quốc tế lần thứ 4 được tổ chức bởi Hội Sanghakaya, phối hợp với Đại học Gujarat, nhằm quảng bá và làm hồi sinh văn hóa Phật giáo tại bang Gujarat.

(indiaexpress - January 13, 2020)



Khoảng 100 nhà sư Phật giáo từ Châu Á, Châu Âu và Châu Mỹ đã tham dự lễ khai mạc Hội nghị Phật giáo Quốc tế lần thứ 4 tại thành phố Ahmedabad, bang Gujarat (Ấn Độ)

ẤN ĐỘ: Ưu đãi Du lịch Năm Mới của Tổng công ty Du lịch và Cung ứng Đường sắt Ấn Độ (IRCTC)

New Delhi, Ấn Độ - IRCTC Du lịch đã đưa ra một khuyến mại cho Tàu du lịch mạng mạch Phật giáo vào dịp năm mới.

Theo ưu đãi này, nếu bạn trả tiền cho một người thì người đồng hành của bạn sẽ chỉ phải trả 50%. Điều này có nghĩa là khi đặt vé trả đủ cho người lớn đầu tiên, thì người lớn thứ hai cùng đi sẽ được giảm 50% tiền vé người lớn.

Đây là một tour du lịch 8-ngày và đã bắt đầu vào ngày 28-12- 2019. Chuyến tàu tiếp theo sẽ bắt đầu vào ngày 25-1-2020.

Ưu đãi trên có sẵn cho các chuyến khởi hành vào các ngày 25-1, 8-2, 22-2, 14-3, 28-3- 2020.

Chuyến đi kéo dài 8 ngày này sẽ bắt đầu từ Delhi và sẽ bao gồm các điểm đến như Bồ đề Đạo tràng, Rajgir & Nalanda, Varanasi, Lâm Tì Ni, Kushinagar, Sravasti, Agra.

(ET Now News - January 12, 2020)



*Biểu trưng của Tổng công ty Du lịch và Cung ứng Đường sắt Ấn Độ (IRCTC)
Photo: Google*

ANH QUỐC: Di sản văn bản Phật giáo sẽ được thảo luận tại Hội nghị Thư viện Anh Quốc

Luân Đôn, Anh Quốc - Vào ngày 7 và 8-2-2020, Thư viện Anh Quốc sẽ tổ chức hội nghị "Mở khóa Di sản Văn bản Phật giáo" để xem xét một loạt các bản thảo và văn bản từ lịch sử Phật giáo - từ các cuốn sách Thái Lan được chiếu sáng nhiều màu cho đến các văn bản y học Phật giáo được tìm thấy dọc theo các tuyến đường thương mại của Con đường Tơ lụa cổ đại.

Thư viện Anh Quốc tọa lạc tại Luân Đôn và Đại học Luân Đôn sẽ tổ chức hội nghị này, với sự tham dự của các học giả lớn của Anh, cùng với một người đến từ Vienna, Áo và một người khác từ Boston, Mỹ.

Hội nghị được tổ chức cùng với cuộc triển lãm lớn về Phật giáo của thư viện, mở cửa cho đến ngày 23-2-2020. Trọng tâm của triển lãm là các bản thảo và tác phẩm nghệ thuật của Phật giáo, bao gồm các cuộn sách đầy màu sắc, đồ tạo tác thủ công và sách từ 20 quốc gia khác nhau.

(Buddhistdoor Global - January 21, 2020)



Thư viện Anh Quốc



Văn bản Phật giáo tại Thư viện Anh Quốc



Photos: bl.uk

BÁO TIN

*Đông đến hoa đào nở,
Hơi lạnh với cành mai,
Báo tin xuân đến nhiều hương sắc,
Vạn vật, nhân sinh rộn rã cười.
Cành đào vừa hé nở,
Nụ mai mím miệng cười,
Tin xuân đưa đến cùng nhân loại,
Hương sắc điểm tô đến cho đời.
Mai cười đùa gió lạnh,
Đào nở đón xuân về,
Tin xuân đưa tới niềm hy vọng,
Trông ngóng trời xa đượm tình quê.*

CHÚC XUÂN

*Bắt chước Người xưa cũng chúc xuân,
Xuân mang hạnh phúc đến bội phần,
Tin vui đem đến cùng Giáo hội,
Chuyện khổ xa lìa với Quốc dân.*

*Đạo pháp thoát ly cơn hoạn nạn,
Tặng ni vui lập cảnh qua phân.
Xuân đem tất cả điều mong ước:
Đời - Đạo vương tròn, đúng ý xuân*

thơ ĐNT TÍN NGHĨA

Photo: Đường Bình



BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH

(Giải thích những bài Tụng của bộ luận Biện Minh Trung Đạo
và Nhị Biên, trích từ trong **Thái Hư Toàn Thư**)

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

II.- PHẦN LƯU THÔNG:

A.- THIẾT LẬP AN ĐỊNH THỂ CỦA LUẬN (Phẩm biện minh thứ nhất)

Bài Tụng:

“Chỉ vì Tướng làm chướng ngại chân thật và tu tập các pháp đối trị, tức là tu tập Phần Vị này thì đắc quả Vô Thượng Thừa.”

Giải Nghĩa:

*- Chỗ gọi là Tướng trong bài Tụng thứ nhất, chính là Phẩm Biện Tướng, nghĩa là phẩm biện minh tất cả pháp tướng của hữu lậu và vô lậu.

*- Chỗ gọi Chướng, chính là các pháp phiền não chướng và sở tri chướng của hữu lậu.

*- Chỗ gọi Chân Thật, chính là pháp chân thật thanh tịnh của vô lậu.

*- Chỗ gọi Tu Đối Trị, chính là các pháp Ba Mươi Bảy Phần Bồ Đề của hành giả ba Thừa cần phải tu.

*- Chỗ gọi Tu Phần Vị, chính là giai đoạn phải trải qua khi tu tập đoạn trừ phiền não.

*- Chỗ gọi Đắc Quả, chính là quả báo chỗ chứng đắc sau khi đoạn trừ xong phiền não.

*- Chỗ gọi Vô Thượng Thừa, chính là chuyên phân biệt kết quả hành trì của Đại Thừa Vô Thượng.

B.- PHÂN BIỆT NGHĨA CỦA LUẬN

1.- THÔNG SUỐT BIỆN TRUNG BIÊN

A.- BIỆN MINH CẢNH:

1/- Biện Minh Tướng:

Ngoại trừ bài Tụng thứ nhất, văn tụng của Phẩm Biện Minh Tướng cộng chung có hai mươi hai bài Tụng. Mười một bài Tụng trước biện

minh Pháp Tướng, mười một bài Tụng sau biện minh Tánh Không. Pháp Tướng cũng gọi là Thức Tướng, Tánh Không cũng gọi là Pháp Tánh. Nói chung lại là biện minh đạo lý tướng và tánh của các pháp.

a)- **Biện Minh Pháp Tướng:** (gồm 7 biện minh)

a/1- **Biện Minh Tướng Trung Đạo.**

Bài Tụng:

“Hư vọng phân biệt thì có (1), ở nơi hai năng thủ và sở thủ thì không, trong năng thủ sở thủ đó chỉ có cái Không. Ở nơi tánh không của hai thủ kia cũng có hư vọng phân biệt đây. Cho nên nói tất cả pháp không phải không và không phải chẳng không, có tánh không và có hư vọng phân biệt, chính là tương hợp (quan hệ) với Trung Đạo.”

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây, căn cứ theo chín thứ Tướng của Luận giải thích phân làm hai: một bài tụng nói về Tướng Có và một bài tụng nói về Tướng Không. Văn tụng đây nếu quán chiếu thẳng vào chính là trình bày rõ Tướng Trung Đạo. Ở đây, Tướng Có và Tướng Không hợp nhau lại trên lãnh vực hư vọng chính là Tướng của năng thủ sở thủ biến hiện tựa hồ giống như chân thật, dùng để hình dung không chân thật của Tâm Thức phân biệt. Nhân vì sự sanh khởi của Tâm Thức phân biệt là do duyên nơi cảnh sở thủ, cho nên mới có sự phân biệt của năng thủ, pháp năng thủ và pháp sở thủ đều là hư vọng không thật, chỉ cái chỗ Có đây chính là Tâm Thức Phân Biệt, vì thế nên gọi là Có. Ở nơi Hai đều không đây, nghĩa là ở trong cái Có của hư vọng phân biệt, hai thể của năng thủ và sở thủ đều là



HT Thắng Hoan

không; nguyên vì hai thứ nói trên chỉ là nương nơi Tâm Thức Phân Biệt mà giả hiện, cho nên đều không có thể tánh thật tại. Còn trong đó chỉ có cái Không mà thôi, nghĩa là trong cái Có của hư vọng phân biệt, thể tánh tồn tại của năng thủ và sở thủ thì không có thật và cái Thật Có ở đây chính là Tánh Không, trong đó không có mặt năng thủ và sở thủ. Ở nơi kia cũng có ở nơi đây, nghĩa là ở nơi trong tánh hai không của hai thứ đều không kia thì cũng chỉ có hư vọng phân biệt ở nơi đây mà thôi. Cho nên nói tất cả pháp không phải không không phải chẳng không, nghĩa là chỉ cho tất cả pháp thuộc hữu vi và vô vi, nguyên vì hữu vi là của hư vọng phân biệt và vô vi là của hai không, không phải là không có, cho nên gọi là Không Phải Không. Lại nữa nguyên vì thật thể của hai thứ tuyệt đối là không, nhưng hư vọng phân biệt thì cũng có mà không phải chân thật, cho nên gọi là Không Phải Chẳng Không. Có (Tánh) Không và Có (hư vọng phân biệt), nghĩa là: Vì Có, chính là chỉ cho có Tánh Không của thẳng nghĩa và có hư vọng phân biệt của thế tục. Vì Không, tức là chỉ cho hai thứ thì không và hư vọng phân biệt thì có không thật. Vì Có, tức là trong phân biệt thì có cái Không và trong cái không thì có Phân Biệt, đây chính là tương hợp (quan hệ) với Trung Đạo, nghĩa là tất cả pháp đã không phải là hoàn toàn thiên về Không, cũng không phải là hoàn toàn thiên về Không Phải Không (Có). Thật tế không phải không mà đích thực chính là không, lý do vì đã lìa khỏi hai bên (nhị biên) cho nên mới tương hợp với Trung Đạo.



a/2- Biện Minh Tự Tướng.

Bài tụng:

“Thức sanh biến nghĩa (Thức sanh khởi biến hiện cảnh giới sáu trần) Tự (tựa hồ) hữu tình, ngã và liễu (hiểu biết); cảnh đây thật không phải có; cảnh đã không cho nên Thức cũng không. Tánh hư vọng phân biệt; do nghĩa (cảnh giới) đây được thành, không phải thật có, hoàn toàn là không; mong đợi diệt phiền não để giải thoát.”

Giải Nghĩa:

Bài tụng đây chính là biện minh Tự Tướng của Thức hư vọng phân biệt. Nói đến Thức sanh khởi biến hiện nghĩa (cảnh giới) tựa hồ: chữ Thức ở đây thông thường là chỉ cho Nhãn Thức, Nhĩ Thức, v.v... gồm có tám Tâm Thức và các Tâm Sở. Tám Tâm Thức này khi sanh khởi phải nương nơi Nhân và mượn nơi Duyên để biến hiện cảnh giới sáu Trần hơi giống Biển Kế Sở Chấp, đồng thời chấp cảnh giới sáu trần

biến kể này cho là thật có, nên gọi là Biển Tự Nghĩa (biến hiện tựa hồ cảnh giới); chữ Nghĩa đây chính là chỉ cho cảnh giới. Ngã và liễu (hiểu biết), câu này nên đem hai chữ biến tự của câu trước nối lại với nhau để đọc thì có nghĩa là biến hiện tựa hồ hữu tình, biến hiện tựa hồ ngã, biến hiện tựa hồ liễu biệt (phân biệt hiểu biết).

Biến Hiện Tự Hồ Hữu Tình, nghĩa là biến hiện tựa hồ có thân thể thật của hữu tình, của mình và của người. Biến Hiện Tự Hồ Ngã (biến hiện tựa hồ Ngã thật của mình), nghĩa là nguyên do Thức thứ bảy của Ý Căn, suốt tất cả thời gian và tương ứng không gián đoạn với bốn thứ phiền não ngã si, ngã ái, ngã mạn, ngã kiến mà chấp sai lầm Kiến Phần của Thức thứ tám làm Nội Ngã của mình. Biến Tự Hồ Liễu, nghĩa là sáu Thức trước duyên nơi sáu Trần mà biến hiện tựa hồ của Năng Liễu Biệt (công năng phân biệt hiểu biết). Nhưng sáu

Trần, năm Căn, Ý Căn và bốn cảnh của sáu Thức (Bốn cảnh gồm có: Tánh Cảnh, Chân Đới Chất Cảnh, Tự Đới Chất Cảnh và Độc Anh Cảnh), quán chiếu triệt để, xét đến cùng đều là không, xác thực là không phải có; nhân vì những cảnh đây đều do Thức hư vọng phân biệt sanh khởi mà biến hiện tựa hồ có đích thực, cho nên nói những cảnh đây thật không phải có. Cảnh đã không thì Thức cũng không, nghĩa là tất cả Tâm Thức mỗi khi sanh khởi đều nương nơi cảnh mà sanh, nhưng hiện tại cảnh sở duyên đã hoàn toàn không có thì năng duyên của Thức làm sao có độc lập được? Thức hư vọng phân biệt căn cứ nơi văn nghĩa của một bài tụng trước đây có thể thành lập là đã không phải có thật, nhưng cũng không phải là không hoàn toàn, nguyên vì Tâm phân biệt hữu lậu của chúng sanh nơi ba cõi có khả năng tu các hạnh Bát Nhã và nhờ đó để diệt hết phiền não sớm được giải thoát, cho nên gọi là mong đợi diệt phiền não để giải thoát. Thức hư vọng phân biệt nếu như có thật thì không thể nào dùng nó để đối trị diệt được phiền não, còn như nếu không hoàn toàn thì không cần phải đợi đợi trị để diệt phiền não. Vì chấp có thật và chấp hoàn toàn không của hai thứ (Cảnh sở duyên và Thức năng duyên) đều có lỗi cả.

(còn tiếp)

(1) Cảnh giới hư vọng phân biệt sở dĩ có là do Tâm Thức phân biệt nương nơi nhân mượn nơi duyên xây dựng nên. Cảnh giới hư vọng phân biệt đây chính là Cảnh Sở Thủ bao gồm sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp do sáu Căn Năng Thủ thân nhận.

ĐẠO VÀ THƠ

Sống ĐẠO vui đời có ánh THƠ,
Tâm bình học ĐẠO chấy dòng THƠ.
THƠ hay nguyện lớn, cần nương ĐẠO,
ĐẠO cả rộng bàn, dựa ý THƠ.
Khởi tín bày THƠ chân sáng ĐẠO,
Sanh lòng hiểu ĐẠO chóng xuôi THƠ.
THƠ ngời pháp ôn trau niêm ĐẠO,
Bè báu ĐẠO vàng diễn giải THƠ.

ĐẠO và THƠ

Đối họa

Hương thiên lạc ĐẠO nắn vắn THƠ,
Thấm ĐẠO đường trần lắng ý THƠ.
Pháp trái THƠ khai cầu lý ĐẠO,
Kinh truyền ĐẠO thấu diễn lời THƠ.
Loạn THƠ trái nghĩa đau niêm ĐẠO,
Lời ĐẠO chạnh lòng chướng nẻo THƠ.
Tâm động THƠ say hoài cách ĐẠO,
Nương đời qui ĐẠO đẹp dòng THƠ.

THƠ VÀ XUÂN

THƠ dống đưa hồn ngẩn nét XUÂN,
THƠ đây nhựa sống bởi cùng XUÂN.
THƠ mang nghĩa thấm xuôi nguồn cội,
THƠ gói hương nồng vẹn cõi XUÂN.
THƠ trẻ vun tình luôn bắt nhịp,
THƠ già khởi sắc chẳng hờn XUÂN.
THƠ mong khắp chốn vui đồng cảm,
THƠ vẫy thêm niêm hạnh phúc XUÂN.

XUÂN

(Thuận nghịch độc, Bát điệp Xuân)

(Thuận):

Vàng ánh XUÂN xanh lá trái đôi,
Dạt dào XUÂN chiếu rạng nơi nơi.
Tan dân giá khắp XUÂN trời ngập,
Để mãi XUÂN này đức phúc khơi.
Làng xóm rộn XUÂN vui thấu lẽ,
Tuổi XUÂN tròn mộng đẹp trao lời.
An XUÂN, gọi hết bao điều lỡ...
Chan chứa XUÂN mừng thật khổ vui.

(Nghịch):

Voi khổ thật mừng XUÂN chứa chan,
Lỡ điều...bao hết gọi XUÂN an.
Lời trao đẹp mộng tròn XUÂN tuổi,
Lễ thấu vui XUÂN rộn xóm làng.
Khơi phúc đức này, XUÂN mãi để,
Ngập trời XUÂN khắp, giá dân tan.
Nơi nơi rạng chiếu XUÂN dào dạt,
Đôi trái lá xanh XUÂN ánh vàng.

XUÂN VỀ –VỀ XUÂN

(Đối xứng- Thủ vĩ ngâm)

XUÂN về khắp nẻo rộn về XUÂN
SẮN ngát hương tràn tỏa ngát SẮN
LẮNG nghĩa triêm ân dày nghĩa LẮNG
CHÂN tình đáp lẽ trọn tình CHÂN
TRÁI hòa đức độ nên hòa TRÁI
DẮNG cả tâm từ sống cả DẮNG
RÕ hiểu cho nhau cần hiểu RÕ
XUÂN về khắp nẻo rộn về XUÂN

XUÂN ĐẾN – ĐẾN XUÂN

Đối họa

(Đối xứng – Thủ vĩ ngâm)

XUÂN đến muôn nơi sắp đến XUÂN
SẮN vườn hoa nở ngát vườn SẮN
LẮNG phiến chó trôi đầu phiến LẮNG
CHÂN đủ không màng quả đủ CHÂN
TRÁI hết từ bi thù hết TRÁI
DẮNG tràn quảng đại ái tràn DẮNG
RÕ niêm an dạ vui niêm RÕ
XUÂN đến muôn nơi sắp đến XUÂN.

MINH ĐẠO

01.2020



Thơ và Đá, thay Lời Tựa

TUỆ SỸ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



Nguyễn Đức Sơn & Tuệ Sỹ (2013)

Trong buổi sơ ngộ, Sơn tự giới thiệu, hay một người khác, là Sao Trên Rừng; tôi đã biết anh, một người làm thơ. Một con người đang sống thì phải làm một việc gì đó để sống. Nhưng làm thơ, là làm gì?

Suốt buổi sáng hôm ấy, anh nói liên tục. Và tôi thì đang làm một việc, như mọi người đang làm. Anh làm những gì anh đang nói. Tôi làm những gì tôi đang nghĩ.

Năm mươi năm sau, lang thang độc hành trên đoạn đường thiên lý, tôi ghé thăm Sơn Núi, bước nhăm nhà; được xua đuổi như một kẻ bán nhang lường gạt. Tôi nhăm nhà, bởi vì đi tìm một Sơn Núi chưa từng hiện hữu; bị xua đuổi như một kẻ lường gạt, bởi đi tìm đâu đó một ngôi sao vọng tưởng như vẫn còn lấp lánh trên rừng già âm u ma quái.

Tôi đã hư cấu một huyền thoại hoang đường từ một con người quái dị, trải qua những thăng trầm bi kịch sinh tồn. Mỗi một con người tự đắm mình, chìm nổi, trong dòng sông sử tính của bi kịch sinh tồn. Nhìn lên quãng không gian hư vô bằng bạc, nó tự gán định mệnh của mình vào một ngôi sao bất thực. Sao Trên Rừng, lẻ loi, cô độc, soi bóng trong giọt sương mong manh trên đầu ngọn cỏ, tìm đâu ý nghĩa tồn tại của nhân sinh:

*Mai sau tắt lửa mặt trời,
Chuyện linh hồn với luân hồi có không?*

Suốt buổi sáng hôm ấy, anh vẫn nói liên tục, và tôi vẫn lang thang với những ý tưởng mơ hồ trong hai câu thơ mà không biết ai đã đọc cho nghe.

Rồi 50 năm sau, tôi từ bóng tối tử tù bước ra, để cùng anh lang thang trên các đường phố Sài Gòn đầy rác và bụi bằng chiếc xe thổ mộ từ thời tiền sử của anh; nó sẵn sàng vứt tôi xuống đường như một định mệnh mù quáng nào đó đã ném tôi và anh vào giữa cuộc tồn sinh mà anh nguyên rủa bằng những ngôn từ phạm thánh. Anh tự gọi mình là Sao Trên Rừng, trong buổi đầu, với những thắc mắc siêu hình, như một ngôi sao lẻ loi, cô tịch, in dấu tồn sinh mà loài người vừa mới ra khỏi bóng tối tịch mịch man dại của sử tính, từng bước đấu tranh sinh tồn, tâm tính hồn nhiên như giọt sương mai trên nụ hoa hồng trong nắng sớm. Chỉ trong thoáng chốc, sử tính tàn bạo trong tia nắng, giọt sương mai chảy tan, nước mắt và máu nhuộm màu gót chân lịch sử, từng dấu ấn khổ lụy nhân sinh.

Không phải tôi đang huyền thoại hóa một con người, thăng hoa những lời thơ phạm thánh. Nhưng bởi, gần 50 năm hòa bình mà những giọt máu hận thù chưa đóng vảy trên vết thương dân tộc. Những người làm thơ đang làm gì trên vết thương nhức nhối ấy? Làm cái không làm, nói những lời không nói; mỗi người trong góc tối đơn độc của mình, như từng viên sỏi bị vất bỏ lẫn lóc bên vệ đường bởi những bóng ma được khoác cho màu áo thánh nhân, hiền sĩ, những bóng ma oan ức được vinh danh anh hùng dân tộc.

Mọi lời thơ, mượt mà như hơi thở của tình yêu đầu đời, hoặc gay gắt cuồng nộ của gã lang thang vô lại, hay âm thầm theo bước chân của tên tử tội đi lần đến pháp trường, hoặc được nghe từ nắng trưa rực cháy vinh quang bởi những ngọn lửa tham tàn điên đảo, hay từ trong bóng tối lao tù, đầu đố, vẫn còn ngưng đọng trong quãng lặng chuỗi giai điệu phạm thánh. Anh sao lấp lánh phút chốc tan vỡ thành

những viên sỏi.

Tôi đã cách điệu hóa chuỗi tương tục sử tính từ thơ của Sơn là như vậy. Không ghi dấu ấn nơi đó thành những tâm tình thời đại, những âm vang của lịch sử một thời, hay bất cứ ý nghĩa nào. Chỉ là một cái nhìn phiến diện. Bởi vì, mặc dù tôi đã biết anh từ thời những người yêu thơ gọi anh, hay anh tự gọi, là Sao Trên Rừng, tôi có rất ít thơ của anh để đọc. Thịnh thoảng anh chỉ cho tôi nghe một vài bài, đã chỉ đủ cho tôi viết một đoạn ngắn, không phải cá biệt về Sơn, mà từ thơ Sơn quay lại suy nghĩ về chính mình: làm thơ là làm gì, thơ là gì, là sự lựa chọn ngẫu hứng, hay định mệnh quái ác đã ném ta vào thế giới điên đảo vọng tưởng, quái tượng mà quái nháy múa trên những đám côn trùng sâu bọ bết máu lẫn lóc trong bóng tối âm thầm?

Từ buổi bình minh của nhân loại, thơ là những bản tình ca trong cuộc tình hôn phối chư thiên và nhân loại, từ những nhớ nhung trần trọc bởi yếu điệu thực nữ, quần tử hạo cầu. Tôi cũng đã đọc thơ Sơn từ những buổi đầu như vậy. Nhưng rồi, cùng với những bước leo thang của chiến tranh tàn bạo; những ngôi sao trên bầu trời thanh bình bỗng chuyển mình thành những cụm hỏa châu, soi sáng hồ hầm bom đạn đầy đầy xác chết. Làm thơ, là làm gì? trong ánh hỏa châu, trong tiếng khóc của bà mẹ mất con, của người vợ mất chồng? Thơ Sơn, Sao Trên Rừng, biến dạng thành những viên sỏi, những tảng đá vô tri vô cảm, để phạm thánh, để nguyện rửa cả một xã hội mà anh xem là cái chuồng khỉ. Anh xách cái chuồng khỉ ấy, trên những tờ giấy báo nhãn nhó, ném cho tôi mà không nói một lời. Và ra đi.

Anh chạy trốn chiến tranh, trong những hũ gạo, trong những vách tường hai lớp. Bị tống vào quân lao, bị đẩy ra chiến trường làm lao công tải đạn, có thể bị giết chết như một con chó lạc loài. Rồi với sự giúp đỡ của những người đồng cảm, những người hầu như chưa hề biết đến một câu thơ của anh, anh được ngụ



Nguyễn Đức Sơn tại quán cà phê Paris, Sài Gòn, 2007

trung trong chiếc áo thầy tu, trốn khỏi chiến trường chết chóc, và tiếp tục sống tạm bợ di chuyển từ chùa này sang chùa khác, để tránh những trận càn quét quân địch.

Cho đến khi hòa bình được tuyên bố, anh lại lần trốn xã hội và vẫn tiếp tục nguyện rửa xã hội trong một thứ chủ nghĩa xã hội không có con người, nói như Trần Đức Thảo sau 20 năm im lặng. Cả gia đình anh sống bên ngoài xã hội như một bộ lạc tiền sử. Tôi không thể nói gì về thơ Sơn, cũng không thể nói gì về bi kịch tồn sinh ấy. Bởi, đời sống thực của Sơn là những chuỗi nghịch lý của thương và ghét, yêu và hận.

Đọc thơ Sơn, như người điên mất trí nhớ ném từng viên sỏi vào hồ nước để nhìn những đợt sóng lăn tăn. Tôi thật vô cảm với những chữ thơ khô khan như sỏi đá vô tri, tự bộc lộ thơ thành đá, đá thành thơ, hay thơ là đá, đá là thơ. Sỏi đá vô tri thì chìm xuống đáy nước, và những gợn sóng nhấp nhô trên mặt nước gợi hứng cho cảm xúc lãng mạn một cách phù phiếm.

Tôi đã hẹn sẽ đến thăm Sơn trên đồi Phương Bối. Thế rồi, những đoạn đường thiên lý độc hành của tôi lần lượt biến dạng; cọp, beo, chồn, cáo, cũng lần lượt biến mất. Chúng biến đi đâu? Sơn, một con người của nghịch lý, của những mâu thuẫn thiên thần và ác quỷ, bỗng chốc nghiêm nghị như một triết gia bản thể luận, tuyên bố một chân lý vừa khám phá: chúng tất cả đang lần lượt đầu thai trong thế giới loài người.

Trong những cái mâu thuẫn ấy, tôi đang chôn chân trong cát bụi bốc theo dấu vết xe ngựa thị thành, vẫn mơ về đỉnh đèo Đà Lạt, ngắm nhìn những đợt phù vân tan hợp trên đỉnh Trường Sơn, giữa rừng khuya nằm đợi một ngôi sao lẻ loi, cô độc và một câu hỏi mập mờ:

*Mai sau tắt lửa mặt trời,
Chuyện linh hồn với luân hồi có không?*

Bây giờ, tai và mắt anh không bận đến nghe và nhìn cái xã hội, cùng với bạn bè, mà anh nguyện rửa, và cũng không còn những câu hỏi vớ vẩn đã từng đè nặng lên tâm kịch nhân sinh. Còn tôi thì vẫn lặng lẽ giữa những lớp khói bụi của văn minh, dòn dập bởi những đợt sóng nổi chìm, mơ hồ giữa hai bờ mộng thực, quanh quẩn trong thế giới mộng ảo, và vọng tưởng. Thịnh thoảng, bắt gặp đâu đó giữa tập thơ, những bài thơ, đoạn thơ, cảm cái vô cảm:

*Gò đồng
Ngang qua
Ma
Một lũ
Đang ngồi cú rù
Không thấy đứa nào hỏi
Trái đất
Mới hay cũ*

Tuệ Sỹ

BÓNG ĐỒ MÊNH MANG

Chiều nao,
Khói trắng bay bay
Lạnh đôi tay
Chợt nhớ mùa đông xưa... viễn xứ
Ta đã quên tháng ngày
Đêm xuống, trăng lên, rung rung ngọn tre đũa trước ngõ.
Máy độ ra đi
đường vắng xa, cây khô vàng một nẻo.
Giấc mơ xưa, lừa về
Ngôi nhà ba gian
Có người ngồi trước cửa
Chờ ta...
Bao mùa thu đường xao xác lá
Bước chân vang
Bụi mờ bay theo gót...
Ngày trở về,
Lối xưa cỏ hoang mịt mù
Đường quanh co phủ lối
Miên man... bốn bề gió thổi
Nhà xưa trống vắng, không cửa vào ra...
Chỉ một người
Lạnh lùng hóa đá, chờ ta...
Tháng năm mỉm cười,
Quên thời gian điếm bạc.
Ta lại đi
Cuộc lữ thứ nghìn năm
Sương trắng phủ đầu
Mộng trùng dương, giấc mơ mây bay vạn dặm.
Xa xôi...
Đường cũ vội quên,
Lối về... chỉ bước chân êm lặng
Sỏi đá chợt nhẹ nhàng
Cùng bóng đồ mệnh mang...



thơ

THÍCH NỮ TỊNH QUANG

GIÁO LÝ NGHIỆP

Thích Tâm Thiện

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

A* Dẫn nhập

Trong kinh Majjhima Nikàya (Trung Bộ), Đức Phật dạy rằng: *"Con người là chủ nhân của nghiệp, là kẻ thừa tự nghiệp. Nghiệp là thai tạng mà từ đó con người được sinh ra; nghiệp là quyền thuộc, là nơi nương tựa"* (Owners of their karma are the beings, heir of the karma. The karmar is their womb from which they are born, their karma is their friend, their refuge - 155). Như thế, sự hiện hữu của mỗi con người đồng thời là sự hiện hữu của nghiệp thiện và bất thiện từ (vô lượng kiếp) quá khứ. Mỗi con người cá thể là điểm trung tâm của nghiệp; ngoài mỗi cá thể ấy sẽ không có bất kỳ một cái nghiệp nào được bàn đến.

B* Nội dung

I) ĐỊNH NGHĨA:

Nghiệp là gì?

Theo từ nguyên, nghiệp, tiếng Sanskrit gọi là karma, Pàli gọi là kamma có nghĩa là hành động có tác ý (volitional action). Nói cách khác, nghiệp luôn luôn được bắt nguồn từ những tạo tác của tâm (ý) thông qua những hoạt động của thân, miệng, và ý, gọi chung là tam nghiệp. Do đó, một hành động (tạo tác), nếu không phát sinh từ tâm thì không thể gọi là nghiệp, mà hành động chỉ được gọi là hành động hay hành động duy tác (kriyà). Và như vậy, định nghĩa của nghiệp là: hành động có tác ý, hay hành động được phát sinh từ tâm.

II) NỘI DUNG CỦA NGHIỆP:

Thông thường, nói đến nghiệp là nói đến vấn đề thiện, ác trong vòng sinh diệt và tương tục của đời sống con người. Thông qua việc tạo nghiệp (thiện hay ác) mà con người tự xây dựng cho mình một định nghiệp - một đời sống khổ đau hay hạnh phúc.

Nhưng khổ đau hay hạnh phúc là những cảm nhận của riêng mỗi con người khác nhau. Vì thế, sẽ không có một khuôn mẫu ước lệ nào có thể quy ước một cách đầy đủ về nghiệp. Tuy nhiên, cơ sở của nghiệp là tâm (ý), do đó, khảo sát về nghiệp chính là khảo sát về cội nguồn của tâm. Đức Phật dạy:

"Ý dẫn đầu các pháp

Ý làm chủ tạo tác

Nếu với ý nhiễm ô (ác)

Nói năng hay hành động

Khổ não bước theo sau

Như chiếc xe theo chân con

vật kéo." (Dhp 1)

"Ý dẫn đầu các pháp

Ý làm chủ tạo tác

Nếu với ý thanh tịnh (thiện)

Nói năng hay hành động

An lạc bước theo sau

Như bóng không rời

hình." (Dhp 2)

Qua bài kinh trên, chúng ta nhận rõ rằng chính mỗi tương quan nhân quả từ nơi tâm ý của con người đã hình thành nên cái nghiệp thiện hay ác mà con người phải thọ nhận. Vì thế, Đức Phật dạy về nghiệp là nhằm đánh thức con

người thức tỉnh nơi tâm ý của chính mình (tự tịnh kỳ ý) để từ đó đi vào một đời sống an lạc giải thoát. Tất nhiên, cái mà gọi là nghiệp ở đây là những gì thuộc pháp hữu lậu (nghiệp hữu lậu), tức là những gì thuộc thiện - ác, khổ đau - hạnh phúc v.v... nó gắn liền với đời sống đạo đức, luân lý của con người, với những cảm thọ vui buồn - khổ lạc, mà không phải là những gì thuộc vô lậu - giải thoát. Do đó, trong một số trường hợp, khi các kinh văn đề cập đến nghiệp và lậu, chúng ta cần hiểu rằng đó là một lối diễn đạt nhằm phân biệt giữa cái thiện, ác và cái đã thoát ly mọi ý niệm về thiện, ác. Chẳng hạn, tham - sân - si là nghiệp bất thiện, nghiệp ác; nhưng tự thân không tham - không sân - không si là cái nghiệp thiện, hay cái nghiệp thanh tịnh - giải thoát. Bởi lẽ,



thanh tịnh - giải thoát tự bản thân nó đã thoát ly mọi khái niệm thiện - ác, hữu - vô. Do vậy, khi bàn đến nội dung của nghiệp, ở đây chúng ta chỉ thuần túy nói đến nghiệp thiện và nghiệp ác, tức là nghiệp hữu lậu mà không nói đến nghiệp vô lậu. Cổ nhân, định nghĩa "Nghiệp là hành động có tác ý, hay hành động được phát sinh từ tâm" chỉ được dùng cho tất cả nghiệp hữu lậu, tức là mọi vấn đề liên quan đến thiện và ác.

III) PHÂN LOẠI NGHIỆP:

Thông thường, nghiệp được tạo tác trên cơ sở của thân, khẩu và ý. Tất nhiên, cả ba nghiệp trên đều xuất phát từ ý hay còn gọi là tâm. Như thế, khi xét đến nghiệp của một von người là xét đến thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Ngoài ba nghiệp này, không còn một cái nghiệp nào khác. Tuy nhiên, nghiệp có những tính chất và chức năng khác nhau nên chúng được phân làm nhiều loại và có nhiều tên gọi khác nhau.

1) Phân loại 1 (theo tên gọi)

Theo trình tự, trước hết, giáo lý về nghiệp được chia thành hai loại:

a/ Nghiệp thiện: Tư duy và hành động về các điều lành như thực hành Ngũ giới và Thập thiện giới.

b/ Nghiệp ác: Tư duy hành động về các điều lành như thực hành những điều trái ngược với Ngũ giới và Thập thiện giới.

Từ hai loại nghiệp trên, chúng ta phải xét đến quá trình tạo tác, tư duy và hành động để hình thành nên nghiệp (thiện hay ác). Do đó, nếu xét về tiến trình của nghiệp (process of karma) thì nghiệp được chia thành hai loại nữa:

a/ Nghiệp nhân: Những tư duy, hành động tạo nghiệp chưa đưa đến một kết quả. **b/ Nghiệp quả:** Những tư duy, hành động tạo tác sau một tiến trình đã tạo thành nghiệp, còn gọi là nghiệp quả hay nghiệp báo.

Trong thực tế, khi nói đến nghiệp, hàng Phật tử thường chú trọng đến nghiệp báo (nghiệp quả) hơn là nghiệp nhân. Và đây là chỗ thiếu sót của chúng sanh khi đối diện với nghiệp. Và cũng chính điều này khiến cho chúng sanh quan tâm đến quả báo hơn là gieo nhân. Nghiệp quả hay nghiệp báo còn được gọi là quả dị thực (nghiệp đã chín muồi).

2) Phân loại 2 (theo tiến trình)

Xét theo tiến trình (từ nhân đến quả) của nghiệp thì có hai loại nghiệp cơ bản:

a/ Định nghiệp: Là nghiệp được lưu chuyển trong thời gian ổn định và từ nhân đến quả thống nhất với nhau. Ví dụ, trứng gà sau khi được ấp trong một thời gian sẽ nở ra con gà. Nói chung, các nghiệp nhất định sẽ đưa đến kết quả (như ăn thì sẽ no) thì được gọi là định nghiệp.

b/ Bất định nghiệp: Là nghiệp không dẫn đến kết quả, hoặc kết quả sẽ thành tựu trong thời gian bất định, hoặc có thể giữa

kết quả và nguyên nhân không hoàn toàn thống nhất với nhau, thì được gọi là bất định nghiệp.

3) Phân loại 3 (theo thời gian)

Nếu căn cứ theo thời gian, chúng ta nhận ra hai loại nghiệp, một đã chín muồi và một đang và sẽ diễn tiến trong dòng nghiệp tạo tác:

a/ Nghiệp cũ: Là nghiệp đã được tích lũy từ nhiều đời sống quá khứ, và hiện tại nó đã chín muồi. Chẳng hạn thân thể của ta (cao, thấp, mập, ốm, thông minh, ngu đần, hạnh phúc hay bất hạnh v.v...) ngày nay là do cái nghiệp đã được gieo từ trong vô thủy. Các nghiệp quả (y báo và chánh báo) của thân này là quả dị thực của các nghiệp từ vô thủy. Ngoài thân này, không hề có một cái nghiệp riêng lẻ, cũ xưa nào khác.

b/ Nghiệp mới: Nếu như thân thể này là nghiệp cũ thì mọi tạo tác đang làm và sẽ làm của ta ngày hôm nay là do các tạo tác trước đó. Và sự thành đạt của ngày mai như thế nào sẽ tùy thuộc vào tư duy và hành động của ngày hôm nay. Kinh Tương Ưng IV, Đức Phật dạy: "Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý là nghiệp cũ. Các hành động của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý trong hiện tại là nghiệp mới".

Trong Truyện Kiều, thi hào Nguyễn Du đã chỉ rõ cái nghiệp cũ và mới của con người:

*"Sư rằng phúc họa đạo trời
Cội nguồn cũng ở lòng người mà ra
Cớ trời mà cũng có ta
Tu là cội phúc, tình là dây oan."*

Họa và phúc (thiện, ác) là đạo trời, nhưng cái đạo trời ấy cội nguồn của nó chính là ở tại lòng người (tâm, ý) mà sinh ra. Và trời ở đây là nghiệp cũ, còn ta chính là nghiệp mới.

4/ Phân loại (theo tính chất)

Như đã trình bày, nghiệp báo là sự chín muồi (quả dị thực) của các nghiệp thuộc về bất thiện. Do đó, khi nói đến nghiệp báo (nghiệp quả) là nói đến tiến trình nhân - quả của nghiệp. Theo giáo lý về nghiệp, một nhân không thể tạo thành một quả, mà phải có các duyên phụ trợ. Cho nên, nói đủ phải nói là nhân - duyên - quả. Duyên là các nhân phụ làm cho nhân chính thành quả; như nước, phân, đất, sự cần mẫn chăm bón của con người (là các duyên) làm cho hạt giống thành tựu nảy nở. Vì thế, khi tìm hiểu về quả dị thực (sự chín muồi) của nghiệp, ta phải tìm hiểu về 3 đặc tính sau:

a/ Dị thời di thực: Thời gian chín muồi của nghiệp quả khác với thời gian tạo nghiệp (nghiệp nhân). Ví dụ như trái xoài, thời điểm khi sinh ra cho tới khi nó chín muồi là khác nhau (khác thời mà chín).

b/ Dị loại nhi thực: Kết quả bị biến chất (dị loại) so với thời gian mới tạo nghiệp. Ví dụ, trái xoài khi nhỏ thì chua nhưng khi chín thì ngọt (biến chất rồi mới chín).

c/ Biến di nhị thực: Kết quả bị biến thái và biến tướng (biến dị) so với thời gian mới tạo nghiệp. Ví dụ trái xoài non thì màu xanh, đến khi chín thì màu vàng.

5) Phân loại 5 (theo năng lực)

Năng lực của nghiệp được hình thành theo từng loại nghiệp khác nhau trong một tiến trình tâm lý rồi đưa đến sự hình thành các đặc tính của nghiệp.

a/ Tập quán nghiệp: Là nghiệp được huân tập bởi một thói quen trong đời sống hàng ngày. Có thể đó là thói quen thuộc tâm lý, hành vi, cách ứng xử v.v... Ví dụ, hút thuốc lá là một Tập quán nghiệp.

b/ Tích lũy nghiệp: Là các nghiệp được tích lũy dần như rót nước vào thùng, có thể xem thân của ta như là một tích lũy nghiệp từ vô thủy.

c/ Cục trọng nghiệp: Là các nghiệp gây ảnh hưởng xấu ác cực mạnh và sâu trong tâm lý của con người như phạm các tội ngũ nghịch (giết cha, mẹ (giết người) v.v..).

d/ Cận tử nghiệp: là nghiệp lúc sắp chết hay những sức mạnh tâm lý của con người trước lúc tắt thở. Nghiệp này cực kỳ hệ trọng trong việc hướng dẫn nghiệp thức đi tái sinh. Những tư tưởng cuối cùng của người chết sẽ tạo nên một cận tử nghiệp (thiện hoặc bất thiện). Một người có thể suốt đời làm ác, nhưng trước lúc tắt thở, nỗ lực sinh khởi về thiện pháp, về những điều thiện trong đời, và nhờ ý lực đó có thể tái sinh vào cõi tốt đẹp (tương tự như vậy đối với các trường hợp ngược lại). Từ đó, qua những kinh nghiệm cận tử, chúng ta cần huân tập các thiện nghiệp trong đời sống của mình để tạo thành một sức mạnh (ý lực) đoạn trừ các ác nghiệp ngay trong đời sống hàng ngày và cả đến giờ phút lâm chung.

6) Một số danh từ về nghiệp mà bạn cần biết

- Bạch nghiệp (nghiệp trắng): các nghiệp thiện
- Hắc nghiệp (nghiệp đen) các nghiệp ác
- Phi hắc bạch nghiệp: các hành động duy tác (không thiện không ác)
- Biệt nghiệp: nghiệp riêng của mỗi người
- Cộng nghiệp: nghiệp chung của tập thể (gia đình)
- Thành nghiệp: nghiệp đưa đến thánh đạo
- Duy tác nghiệp: nghiệp không có sanh y (không có quả)
- Chướng nghiệp: nghiệp cản trở sự kết thành của quả
- Đoạn nghiệp: nghiệp tiêu diệt các năng lực sanh nghiệp

IV) THÁI ĐỘ TÂM LÝ TIẾP THỌ NGHIỆP:

Đây là một vấn đề vô cùng quan trọng trong giáo lý nghiệp báo. Vì mỗi người đều có cái nghiệp riêng do vô minh, ái thủ đã tạo nên, do đó đương nhiên phải đối diện với quả báo của mình. Sự trốn tránh nghiệp lực là

điều vô ích. Cụ Nguyễn Du, trong Truyện Kiều đã nói rằng:

*"Đã mang lấy nghiệp vào thân
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa
Thiên căn ở tại lòng ta
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài"*

Vì thế, vấn đề quan trọng được đặt ra đối với người đang trên đường tu tập không phải là nghiệp mà chính là thái độ tâm lý tiếp thọ nghiệp. Kinh Nipata, Đức Phật dạy rằng: *"Người đã tiêu diệt ái kiến, phá tan lớp tối tăm dày đặc trong tâm sẽ không còn thành thang đi mãi. Đối với người ấy, vấn đề nhân quả nghiệp báo không còn nữa."*

Đoạn kinh trên cho ta thấy rằng tâm lý của người giải thoát sẽ hóa giải mọi nghiệp của chính họ. Như một nhà sư vô cố bị tù, ở trong tù mà lòng thì vô cùng bình an, không hề dao động; nghĩa là nhà sư ấy không còn bị nghiệp lực chi phối nữa. Chẳng hạn, cùng một hành động xảy ra đối với hai người nhưng thái độ thọ nhận hành động (nghiệp) thì hoàn toàn khác nhau như trường hợp "nhà giàu đứt tay bằng ăn mày đổ ruột." Do đó, đối với nghiệp, thái độ tâm lý của người tiếp thọ thì quan trọng hơn là chính cái nghiệp ấy. Ngài Huyền Giác, trong Chứng đạo ca, bảo rằng: *"Sát na diệt khước A Tỳ nghiệp,"* có nghĩa là khi đã giác ngộ thì mọi nghiệp chướng (nặng như A Tỳ) trong tích tắc cũng đều bằng tiêu. Vì lý do này, nên trong kinh thường nói đến thọ nghiệp (chịu đựng nghiệp) và phi thọ nghiệp (không bị chi phối bởi nghiệp).

*** Kết luận**

Đức Phật dạy rằng: *"Không ai làm cho ta nhiễm ô, cũng không ai làm cho ta trong sạch; trong sạch hay ô nhiễm là tự nơi ta, chỉ có ta làm cho ta ô nhiễm, chỉ có ta làm cho ta trong sạch"* (Dhp). Lời dạy trên đã mở ra con người một hướng đi rất chủ động trong việc tạo nên một đời sống an lạc giải thoát ngay tại cuộc đời này.



TAM GIỚI BẤT AN DU NHƯ HỎA TRẠCH

*Nạn cháy rừng đang hoành hành khắp Úc
Từ Sydney, đến Nam Úc, Queensland...
Đã thiêu rụi bao nhà cửa rừng xanh
Khói bụi mờ sức khỏe nhiều đe dọa*

*Cũng hành hạ làm chết linh cứu hỏa
Biết bao người phải sơ tán khắp nơi
Những “biểu tượng” (1) bị cháy phồng toí bời
Rừng tan hoang muôn loài đều huỷ diệt*

*Hãy hành động đừng thờ ơ thương tiếc
Ngăn ngừa ngay những địa điểm dân cư
Dập tắt lửa cầu nguyện phát lòng từ
Cùng “ăn chay” (2) giữ màu xanh cho đất*

*Do chăn nuôi nhu cầu ăn súc vật
Trong bầu trời khí độc hại thiên nhiên
Cũng từ nơi mê vật chất kim tiền
Nên đạo đức nhân sinh đành tạm biệt*

*Nên tiến bộ để tài nguyên cạn kiệt
Hay giản đơn mà bảo vệ thiên nhiên?
Chỉ Tam Bảo và quy hướng cửa thiền
Tịnh tâm ý sống “ít muốn biết đủ”*

*Toàn môi sinh hoà thiên nhiên vui thú
Mới an bình Phật Tổ đã kinh qua
Tham sân si đoạn tuyệt sống an hoà
Cùng chia sẻ những gia tài trí tuệ*



*Nhưng cuộc đời bao lâu nay vẫn thế
Theo nghiệp duyên trôi lăn mãi hồng trần
Trong lục đạo (3) tạo nghiệp để xoay vần
Muôn xuôi dòng nên phải vào biển khổ*

*Hãy ngược dòng tu hành mới thoát khổ
Giới nghiêm trì định hiển tuệ phát sinh
Trời vẫn xanh vạn vật mãi thanh bình
Không có sanh nên rồi không có diệt!*

*Tuy đơn giản căn bản ta cần biết
Tâm yên lành là thế giới bình an
Biết hướng nội vũ trụ được bảo toàn
Không tranh chấp thuận tự nhiên mà sống!!!*

Những ngày khói lửa nóng cao độ cuối năm 2019
Chùa Pháp Hoa - Nam Úc 20/12/2019

TK. THÍCH VIÊN THÀNH

Ghi chú:

1/ Những biểu tượng, loài thú: Kangaroo, Koala, Emu, những loài hoa Wattle (làm nên của quốc huy), Waratah (biểu tượng Tiểu bang NSW), Pink Heath (biểu tượng Tiểu bang Victoria), Cooktown Orchid (biểu tượng Tiểu bang Queensland). mấy ngày nay bị cháy huỷ diệt.

2/ Bão lũ, hạn hán, động đất, sóng thần, sạt lở đất, ruộng ngập mặn v.v... xảy ra trên khắp nơi khiến những nhà hoạt động môi trường rất lo ngại. Một trong những nguyên do chính theo giới khoa học là lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính do từ những nhà máy chăn nuôi, và phá rừng khiến cho trái đất nóng lên, tác động đến sự biến đổi khí hậu, gây nên thiên tai khắp mọi miền. Do vậy ăn chay sẽ góp phần rất lớn trong việc giảm “lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính”.

3/ Lục đạo: Trời, người, a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đây là 6 con đường mà “thần thức” mọi người phải đi qua. Nếu ai tu hành làm lành lánh dữ thì về cõi: Trời, Người, A-tu-la, nếu ai ác nhân thất đức thì sẽ đến: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đây là một vòng luân hồi, cứ vậy mà xoay chuyển, cũng giống như “hơi nước” không mất đi đâu. Hơi nước gặp nóng bốc hơi bay lên, thành mây gặp lạnh đông lại thành mưa rơi xuống, vào ao, hồ, sông, biển... và cứ như vậy xoay vần.

ĐẦU NĂM MỞ CỬA HẠNH PHÚC

Thích Nữ Hằng Như

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

DẪN NHẬP

Hai tuần qua, mọi người khắp nơi trên thế giới đã từng bùng ăn Tết Dương Lịch 2020. Là người Mỹ gốc Việt định cư ở Hoa Kỳ, Canada, hay những quốc gia khác trên thế giới, chúng ta cũng nằm trong số người đó. Tính đến nay, nhiều gia đình đã trải qua ba, bốn thế hệ. Ông bà, cha mẹ, con cái, dâu, rể, cháu, chắt... Con cái chúng ta sinh ra và lớn lên ở đất nước này, nên chúng ta cần học hỏi, hoà nhập vào nền văn hoá xã hội nơi đây là điều đương nhiên. Riêng thế hệ ông bà, cha mẹ dù định cư ở đâu cũng không quên phong tục tập quán của mình, nhất là khi Xuân về Tết đến, khiến cho chúng ta chạnh lòng nhớ ray rút những mùa Xuân đầy ắp kỷ niệm thân thương nơi chôn nhau cắt rốn ở quê nhà. Cho nên, hằng năm ở đây, chúng ta thường đón tới hai cái Tết. Đó là Tết Dương lịch quen gọi là Tết Tây và Tết Âm lịch là Tết Ta còn gọi là Tết Nguyên Đán. Tết Nguyên Đán năm nay nhằm ngày 25 tháng Giêng 2020. Tính theo thứ tự mười hai con giáp, năm nay là năm Kỷ Hợi và năm tới là năm Canh Tý.

Vào ba ngày Tết, các ngôi chùa khắp nơi trên thế giới là tụ điểm quan trọng của các Phật tử đưa ông bà cha mẹ con cháu đến chùa lễ Phật, cầu thọ, cầu phước, cầu lộc, cầu bình an hạnh phúc cho bản thân và gia đình suốt một năm dài. Ở quê nhà, ngày lễ Tết năm nào cũng rơi vào mùa Xuân. Mùa Xuân là mùa bắt đầu cho cuộc sống mới sinh sôi nảy nở. Là mùa mà cây lá đâm chồi, nảy lộc, hoa Xuân tươi thắm. Nói đến mùa Xuân, người ta nghĩ tới sự mới mẻ vui vẻ tràn đầy sức sống. Trước đó, nhà nhà đều được quét dọn trong ngoài sạch sẽ. Trên bàn thờ Phật, hay bàn thờ Tổ Tiên được chưng bày bánh mứt hương hoa đầy đủ. Trong nhà bếp, các bà nội trợ chuẩn bị nấu những món ăn truyền thống nhiều hơn ngày thường để dành đãi con cháu ở xa về, hay để mời khách, khi họ tới nhà chúc Tết. Ngày mừng một Tết, hầu hết những gia đình theo đạo Phật hay đạo Ông Bà đều không dùng mặn. Nghĩa là

cả nhà đều ăn chay và kiêng cử chuyện rầy rà, la mắng lớn tiếng trong nhà.

Ba ngày Xuân, ở Việt Nam mọi người đều được nghỉ làm, trẻ con cũng được nghỉ học ở nhà vui Tết. Người lớn trẻ con đều vận quần áo mới, ăn uống thả giàn, chơi đùa thoải mái. Ở hải ngoại thì những ngày này không phải là ngày lễ chánh của Quốc gia nên mọi người vẫn đi làm. Đi làm thì đi làm, nhưng ngoài giờ làm việc, mọi người ít nhiều cũng dành thời gian để đón Tết vui Xuân, dù ngày Tết Ta ở đây luôn rơi vào mùa Đông lạnh lẽo.

Bề mặt thì ai ai cũng vui vẻ đón Xuân trong niềm hân hoan hạnh phúc. Trên khuôn mặt người nào cũng nở nụ cười phô trương sự tươi thắm trong mấy ngày đầu năm. Nhưng ai biết được trong lòng họ đang buồn rầu, lo lắng bất an. Cho nên mùa Xuân tuy đã đến nhưng cửa ngõ hạnh phúc trong lòng nhiều người bị khoá chặt, dù có cố gắng bao nhiêu thì cánh cửa hạnh phúc vẫn không nhúc nhích. Có cách nào để mở cánh cửa hạnh phúc cho tất cả mọi người hay không?

HẠNH PHÚC LÀ GÌ ?

Muốn mở cánh cửa hạnh phúc. Trước hết chúng ta thử tìm hiểu ý nghĩa của hai chữ hạnh phúc là gì? Có nhiều cách giải thích về hai chữ Hạnh Phúc:

- Hạnh phúc là một trạng thái tâm vui vẻ, thích thú, thoải mái của con người về một vấn đề gì.

- Hạnh phúc là trạng thái phúc lạc trong tâm hồn và mãn nguyện với đời sống trong hiện tại, có nghĩa là có đầy đủ những gì mình mong muốn.

- Theo các nhà nã bộ thì hạnh phúc đến từ bên trong, do tâm con người quyết định. Hạnh phúc trước hết là cảm giác của một người với nhiều cường độ khác nhau như: Lãng lãng, phấn chấn, vui vẻ, sung sướng, yêu đời...

Nghiên cứu từ góc độ sinh học thì kết quả của hạnh phúc là do sự phối hợp ăn ý của bốn chất sinh hoá học tiết ra trong não bộ. Đó là:

Dopamine, Endorphine, Serotonin, Acetylcholine. Dopamine khiến ta cảm thấy vui vẻ, hỷ lạc. Endorphine khiến ta cảm thấy thần kinh như được xoa dịu, cảm thấy thoải mái vì những sự đau nhức trong thân tan biến. Serotonin xua đuổi sự lo âu, trầm cảm, nó giựt chúng ta ra khỏi sự lười biếng đã dưng, giúp ta cảm thấy phấn chấn, vui thích và hăng say yêu đời, yêu người, yêu việc. Còn Acetylcholine thì giúp cho ta cảm thấy khoẻ khoắn, thân thể nhẹ nhàng, tràn đầy sức sống. Đó là cảm giác hạnh phúc. Nhưng hạnh phúc không tồn tại mãi vì năng lượng vui vẻ phần khích sung sướng... sẽ cạn dần và chấm dứt. Điều quan trọng là làm sao kích thích những chất này luôn được tiết ra trong não bộ con người.

- Hiểu theo ý nghĩa nhà Phật thì Hạnh là đức hạnh, sống không làm khổ mình hay khổ người. Khi nghĩ đến người khác với tâm từ bi là đức. Hành động từ bi là hạnh. Còn Phúc là đầy đủ phúc đức, công đức. Nói chung hạnh phúc là nền tảng đạo đức của Phật giáo. Nếu định nghĩa theo tục đế, hạnh phúc là trạng thái tâm hoan hỷ hài lòng về một vấn đề gì, thì ý nghĩa của hạnh phúc trong nhà Phật có thể tạm hiểu là trạng thái bình an thanh thản không vướng bụi trần vui buồn khổ đau, tương đương với "trạng thái Niết Bàn". Trạng thái Niết Bàn là trạng thái Nhận Thức Biết trong tĩnh lặng, bình yên, tuy có hỷ lạc nhưng không dính mắc với nó.

YẾU TỐ MANG ĐẾN HẠNH PHÚC

Các nhà khoa học sau khi nghiên cứu đã công bố người hạnh phúc là người biết đưa tay đón nhận những yếu tố làm cho họ hạnh phúc.

Yếu tố đưa đến hạnh phúc của con người thường là tiền bạc, sức khoẻ, tiện nghi đời sống, gia đình (vợ chồng con cái), bạn bè và địa vị trong xã hội v.v...

- Con người sinh ra đời, nhu cầu cần thiết đầu tiên để sống là cơm ăn, áo mặc, nhà ở. Khi đang đói mà có được đĩa cơm ăn no bụng, thì người ta cảm thấy hạnh phúc. Có một ly nước uống đỡ khát, người ta cảm thấy hạnh phúc. Trời Đông lạnh lẽo có quần áo ấm mặc, người ta cảm thấy hạnh phúc. Suốt ngày đi làm quần quật, đêm về có nơi trú ngụ, người ta cảm thấy hạnh phúc. Thiếu một trong những nhu cầu này, người ta cảm thấy mình là kẻ bất hạnh, vì phải trải qua những ngày tháng đói khát, quần áo không đủ ấm thân, sống lầy lắt đầu đường xó chợ, không có được mái nhà che mưa chắn gió, dù chỉ là mái nhà tranh vách đất... Muốn có cơm ăn, áo mặc, nhà ở thì phải có tiền. Cho nên người ta nói tiền là yếu tố mang hạnh phúc đến cho con người.

- Tiện nghi đời sống thời đại ngày nay khiến cho con người ta không phải cực khổ. Bước ra khỏi nhà có xe hơi, nên người ta không phải đổ mồ hôi, mỏi rả chân vì đi bộ hay còng lưng đạp chiếc xe máy cũ. Mùa Hè trong nhà có máy điều hoà không khí mát mẻ, mùa Đông

ấm áp. Nhà bếp có tủ lạnh, có máy rửa chén, lò điện lò gas, có máy nấu cà phê, máy xay sinh tố, có máy giặt máy sấy quần áo. Những tiện nghi đời sống này cũng là một trong những yếu tố mang hạnh phúc đến cho con người.

- Một gia đình vui vẻ, chồng hiền, vợ đẹp, con ngoan. Anh mắt yêu thương cử chỉ dịu dàng chia sẻ trách nhiệm của người phối ngẫu hay tiếng cười ngây thơ ngoan ngoãn của trẻ con là yếu tố tạo nên một gia đình đầm ấm, khiến cho con người ta cảm thấy an lòng sung sướng.

- Bên cạnh cuộc sống gia đình, bạn bè thân thiết chia sẻ niềm vui nỗi buồn hay nâng đỡ lẫn nhau trong công việc làm ăn hằng ngày, cũng mang niềm hạnh phúc đến cho con người.

- Địa vị tốt trong xã hội cũng là một yếu tố khiến con người cảm thấy hạnh phúc.

Ngoài những yếu tố vật chất nhận được từ bên ngoài, mang đến hạnh phúc cho con người, còn có những quan niệm khác về hạnh phúc. Đó là hạnh phúc không đến từ vật chất bên ngoài, mà hạnh phúc do chính bản thân mình tạo nên và ban phát ra cho mọi người xung quanh.

- Khi mang niềm vui hạnh phúc đến cho người khác thì mình cảm thấy vui vẻ hạnh phúc.

- Khi tâm thanh thản bình yên tức không phiền muộn lo âu thì con người ta đang hưởng hạnh phúc.

- Đức Phật thì dạy rằng: Nguồn hạnh phúc chân thật cao cả nhất là trân quý tha nhân. Ý nói khi chúng ta lo lắng cho phúc lạc và hạnh phúc của người khác một cách chân thành thì lòng chúng ta trở nên nồng hậu, nghĩa là tình cảm thắm thiết nồng nhiệt rộng mở và gắn bó trong ta đối với người xung quanh. Thấy người được hạnh phúc, ta cũng cảm thấy một niềm hạnh phúc, một niềm phúc lạc chân thật trong ta.

- Đức Đạt Lai Lạt-Ma thứ 14 cũng lặp lại ý của Đức Phật: Hạnh phúc dựa vào nội tâm an lạc, và nội tâm an lạc thì dựa vào lòng nồng hậu. Nghĩa là nội tâm ta bình yên vui vẻ thì đó là hạnh phúc. Mà nội tâm được an lạc phát xuất từ lòng trân trọng thương mến trân quý tha nhân.

CÓ MẤY LOẠI HẠNH PHÚC?

Theo như định nghĩa trên, chúng ta có thể phân chia hạnh phúc làm hai loại.

1. Hạnh phúc thế gian: Là loại hạnh phúc tương đối của người bình thường, khi thoả mãn được những gì họ mong muốn. Thứ hạnh phúc này đến rồi đi nhanh chóng, bởi vì lòng mong muốn của đa số con người thường là "được voi đòi tiên". Ban đầu chỉ mong mỏi có cơm ăn áo mặc nhà ở. Khi được thoả mãn, họ cảm thấy vui vẻ hạnh phúc. Nhưng khi có cơm ă, áo mặc, nhà ở thì nhu cầu đòi hỏi cao hơn. Ăn thì phải ăn ngon. Mặc thì phải mặc đẹp. Bước ra đường phải có xe đưa rước. Chỗ ở phải



sang trọng thì mới được coi là hạnh phúc.

Khi đạt được những thứ này rồi, con người lại cảm thấy chưa hoàn toàn hạnh phúc. Lúc bấy giờ tâm lý này sinh ra những thứ cần thiết khác, chẳng hạn như cần phải đáp ứng nhu cầu tình cảm, sắc đẹp, tiền tài, danh vọng v.v... Những ham muốn này phải bỏ rất nhiều công sức nhưng không dễ gì đạt được. Không đạt được thì khổ. Nếu đạt được rồi cũng khổ vì phải lo giữ gìn. Và không may vượt khỏi tầm tay thì lại càng khổ hơn.

Đó là nói về tiền tài vật chất. Bây giờ nói về tình yêu gia đình, về bạn bè, về sức khỏe. Thử hỏi những thứ này có bao giờ mãi mãi làm cho con người được hài lòng? Ban đầu thì bằng lòng với những gì đang có. Nhưng sau đó lòng ham muốn dẫn con người đi xa hơn. Ở đời có câu "*Giàu đổi bạn sang đổi vợ*" (hay ngược lại). Khi có chút dư giả tiền bạc rồi thì thay lòng đổi dạ không còn cảm thấy vui về hạnh phúc với những người đã từng cùng mình chia ngọt xẻ bùi xây dựng một gia đình ấm êm. Nói như thế không có nghĩa là trên đời này thiếu người thủy chung.

Cho nên chúng ta thấy trên thực tế hạnh phúc chỉ ở lại, khi con người ta chấm dứt sự ham muốn tức lòng tham thái quá. Nhưng đã là con người, có ai mà không tham, ít khi nào người ta chịu dừng lại, chịu chấp nhận bấy nhiêu đó là đủ!

2) Hạnh phúc vượt thế gian: Là thứ hạnh phúc chân thật bền lâu, là trạng thái hạnh phúc thâm lặng, thanh thản khác với cảm giác vui thú bông bột khi đạt được điều mong muốn. Loại hạnh phúc này không đến từ những thành công vật chất, mà hạnh phúc này có được do công phu tu tập phát huy trí huệ tâm linh, phát huy lòng từ bi hỷ xả. Người có hạnh phúc này thường trú trong Tâm Phật là Tâm Vô sanh, không sinh không diệt nên không hạnh phúc cũng không khổ đau. Trạng thái tâm này luôn tĩnh lặng, thanh thản, niềm hỷ lạc bao phủ khắp châu thân mà tâm không hề dính mắc hưởng thụ. Vì không hưởng thụ nên không có gì để mất. Hạnh phúc này là thứ "*hạnh phúc tâm linh*". Hạnh phúc mà không (hưởng) hạnh phúc mới thực sự là hạnh phúc tuyệt đối.

CHÌA KHÓA MỞ CỬA HẠNH PHÚC

Ở đời mục đích để có hạnh phúc của mỗi người mỗi khác nhau. Cùng là thành viên trong một gia đình, trong một cộng đồng, xã hội, đỉnh điểm hạnh phúc của người này không giống người kia. Thí dụ trong gia đình, người chồng người cha có thể xem địa vị, sự nghiệp, tiền bạc và quyền lực là hạnh phúc của họ. Người vợ người mẹ, hạnh phúc của họ có thể là tình yêu hôn nhân, tình yêu gia đình, tình thương con cái. Hạnh phúc của những đứa con trong gia đình có thể là được sống trong tình yêu thương của cha mẹ, có đầy đủ cơm ăn áo mặc, được cắp sách đến trường, được thầy cô yêu quý. Người Phật tử cảm thấy hạnh phúc khi giữ tròn được giới hạnh của mình. Ở trường học, hạnh phúc của thầy giáo, cô giáo là thấy học trò mình học hành cố kết quả tốt thì họ cảm thấy hạnh phúc. Hạnh phúc của kẻ trộm cắp là "*chôm chia*" của cải, tiền bạc của thiên hạ về cho mình nhiều chừng nào thì hạnh phúc nhiều chừng đó, họ không cần biết hành động của mình đã để lại sự buồn khổ cho nạn nhân bị mất trộm như thế nào, và hậu quả đến với họ sau này ra sao? Cho nên trạng thái hay mức độ hạnh phúc cũng như mục đích để đạt hạnh phúc của mỗi người đều không giống nhau là như vậy!

Trong nhà Phật thường đề cập đến chữ "*khổ*" đối nghịch với chữ "*lạc*". Khổ tạm hiểu là trạng thái không hài lòng, không vừa ý hay là sự bất mãn của tâm.

Khổ là một đế trong tứ đế. Tứ Đế là giáo lý Phật pháp cơ bản, là bài pháp đầu tiên Đức Phật giảng dạy cho năm đệ tử đầu tiên, và năm vị này đã đắc quả A-La-Hán. Đó là Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế. Đế nghĩa là Chân lý. Gọi là Chân lý vì đây là sự thật tự nhiên, tất cả mọi người không ai là không khổ. Vấn nạn khổ xảy ra trước thời Đức Phật và sau khi Đức Phật nhập diệt hơn 2,500 năm đến bây giờ con người ta vẫn còn khổ. Giàu cũng khổ. Nghèo cũng khổ. Đẹp cũng khổ. Xấu cũng khổ. Làm Tổng thống cũng khổ. Làm thường dân cũng khổ. Trong kinh ghi nhận con người có 8 cái khổ. Đó là Sinh, Lão, Bệnh, Tử, Cầu bất đắc, Ái biệt ly, Oán tăng hội, chấp Ngũ uẩn thì khổ (Sầu, Bi, Ưu, Khổ, Nỗi).

Ai cũng khổ hết, vậy làm sao để hết khổ đây? Đức Phật dạy muốn diệt Khổ phải tìm ra nguyên nhân gây Khổ. Nguyên nhân gây Khổ trong kinh gọi là Tập đế. Tập đế ở đây chính là lậu hoặc, là tham ái, tham dục. Tham cái gì? Đó là tham tài, sắc, danh, thực, thúy. Trong kinh gọi chung là khát ái. Khát ái là khao khát không bao giờ biết đủ để dừng lại những ham muốn, đam mê.

Biết nguyên do gây Khổ rồi. Phương thức tiếp theo là Diệt Khổ, trong kinh gọi là Diệt Khổ đế hay Diệt đế. Muốn chứng ngộ Diệt đế, phải đoạn trừ Tập đế. Diệt đế là trạng thái tâm hoàn toàn trong sạch, không còn lậu hoặc, không còn khổ, trong kinh gọi là Niết Bàn. Chúng ta

tạm gọi là trạng thái Hạnh Phúc. Nhưng Hạnh Phúc này là Hạnh Phúc tuyệt đối, Hạnh Phúc cao thượng tràn ngập lòng từ bi hỷ xả, vượt lên trên cái Hạnh Phúc tương đối của tâm đời vẫn còn nhiều dục vọng, tham sân si.

Muốn chứng ngộ Diệt Đế hay Niết Bàn phải thực tập miên mật Đạo đế. Đạo đế là chìa khoá mở cánh cửa Hạnh phúc. Chính xác hơn là con đường tu tập gồm 8 yếu tố: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định. Gom chung lại là tu tập theo Giới-Định-Huệ để chứng ngộ Diệt đế.

KẾT LUẬN

Cuối năm chúng ta cùng nhau kiểm điểm lại những điều tốt xấu trong năm qua để bắt đầu chỉnh sửa cho một năm mới được hạnh thông tốt lành hơn. Điều mà ai cũng quan tâm mong muốn nhất trong năm mới là có được hạnh phúc. Hạnh phúc là điều chúng ta muốn vươn tới để có cuộc sống tốt đẹp. Tuy nhiên sống ở đời chúng ta cũng đừng quá mơ mộng theo đuổi một thứ hạnh phúc toàn mỹ ngoài tầm tay với. Hãy sống thật với chính con người của mình, biết nâng niu trân quý những gì mình đang có, hiểu biết, cảm thông, yêu thương và tha thứ... Những yếu tố này chính là những nét chấm phá đơn giản của người họa sĩ vào bức tranh đời tạo nét thi vị và ý nghĩa cho đời sống của chúng ta thêm vui thêm hạnh phúc.

Tóm lại, Hạnh phúc đâu phải chỉ đến với chúng ta bằng tiền bạc vật chất vui chơi, ăn ngon, mặc đẹp. Có một phụ nữ chẳng may bị ung thư vào thời kỳ cuối, khi được hỏi, nếu thời gian quay lại thì chị mong muốn điều gì nhất? Chị này trả lời sẽ không ham mê làm việc để kiếm nhiều tiền nữa, mặc dù có tiền muốn tiêu xài gì cũng được, nhưng đâu phải có tiền là mua được tất cả, chẳng hạn như căn bệnh của chị, giờ đây các bác sĩ đã bó tay chịu thua. Hiện tại chị có nhiều tiền, nhiều của, nhưng những thứ này đã không cứu được mạng sống của chị. Hỏi chị có gì nhắn nhủ với con cái hay bạn bè? Chị nói rằng mọi người làm việc vừa phải thôi, để dành một phần thời gian hưởng hạnh phúc. Đó là buổi sáng thức dậy mở cửa ra sân hít thở bầu không khí trong lành, nghe tiếng chim hót, nhìn thấy hoa nở lung lay trước gió.

Hạnh phúc như chị này nói thật đơn giản, đâu cần phải lên non xuống biển mới tìm được. Nó ở ngay bên cạnh, chỉ cần chú tâm vào hơi thở, chỉ cần mở mắt nhìn, chỉ cần lắng tai nghe với tâm bình yên không phê phán khen chê thì chúng ta cảm thấy hạnh phúc tràn ngập trong tâm mình. Câu chuyện của vị phụ nữ này có thể xem như là một thông điệp gửi đến cho chúng ta. Nội dung nói về kinh nghiệm sống của một đời người mãi đi tìm hạnh phúc đến từ tiền bạc vật chất, nhưng tiền bạc vật chất đó

rất cuộc cũng không giữ được mạng sống của mình.

Trở lại câu hỏi làm sao duy trì năng lượng hạnh phúc như các nhà não học đã nêu. Thiền Phật Giáo có câu trả lời là khi tâm chúng ta bình yên, tín hiệu tác động vào não bộ tiết ra những chất sinh hoá học tốt như Dopamine, Acetylcholine, Endorphine, Serotonin, Melatonin, Insuline... sẽ giúp cho thân thể khoẻ mạnh, tinh thần vui vẻ, phấn khích, yêu đời, yêu người, yêu cảnh, yêu việc... Những cảm giác này chính là kết quả tạo nên hạnh phúc như các nhà não học đã nghiên cứu và tường trình mà chúng ta vừa đề cập ở trên.

Hạnh phúc tạm phân chia làm hai loại: Hạnh phúc tương đối và hạnh phúc tuyệt đối. Hạnh phúc tương đối là hạnh phúc thế gian đến rồi đi. Hạnh phúc đó là niềm vui vẻ, sự phấn khích, lòng sung sướng khi thoả mãn điều gì mình mong muốn đạt được. Nhưng đã nói hạnh phúc thế gian thì nó vô thường mong manh lắm. Muốn tạm thời giữ nó lại bên mình chúng ta phải biết **"sống thông minh"**. Sống thông minh là sống có trí tuệ. Khi giác quan của chúng ta tiếp xúc với trần thế, tức là khi chúng ta đối diện với những ham muốn ngũ dục phải tự biết **"thiểu dục và tri túc"** nghĩa là bớt ham muốn và biết đủ, để không chạy theo tham dục mà khổ thân tâm. Hãy luôn nhớ lời cổ nhân dặn dò **"biển kia dễ lãp, túi tham khó đầy"** để tự răn mình. Có bài kệ của một vị nào đó, post trên facebook, cũng nằm trong ý nghĩa này: **"Biết đủ, coi là đủ. Đợi bao giờ mới đủ? Biết nhàn, coi là nhàn. Đợi nhàn bao giờ mới nhàn?"**.

Còn Hạnh phúc tuyệt đối là hạnh phúc vượt ra ngoài thế gian tạm gọi là **"hạnh phúc tâm linh"**. Muốn mở cánh cửa hạnh phúc này, chìa khoá tu tập là **"Bát Chánh Đạo"**. Bát Chánh Đạo là con đường chân chánh mở cánh cửa tâm linh xua đuổi mọi lo âu phiền não ra khỏi cuộc đời, mà Đức Phật đã dạy chúng ta trong bài pháp Tứ Thánh Đế. Khi chứng ngộ được Diệt đế, hành giả tự mình cảm thấy không còn dính mắc với bất cứ ham muốn gì ở thế gian, lậu hoặc, đam mê ghiền nghiện không còn, ngay cả niềm vui nỗi buồn vi tế cũng không, ngoại trừ một trạng thái rỗng rang tĩnh lặng, sáng ngời trí tuệ, tràn ngập từ bi hỷ xả. Đây là trạng thái tâm của người giác ngộ tuy còn sống ở thế gian này, mà thực chất họ đã đứng bên ngoài vòng khổ đau sinh diệt.

Để đạt được hạnh phúc ngoài đời hay trong đạo, Đức Phật đã trao cho chúng ta hai chiếc chìa khoá. Chúng ta chọn Hạnh phúc nào thì tra đúng chìa khoá vào cửa căn nhà Hạnh phúc đó. Trước thềm Năm Mới, chúng tôi kính chúc tất cả quý thiền sinh Phật tử khắp nơi được An Lành và Hạnh Phúc.

THÍCH NỮ HẰNG NHƯ

January 08-2020

(Mùng Xuân Canh Tý)

LỜI CHÚC ĐẦU NĂM 2020

*Đầu năm chúc cả mọi nhà
Vui tươi cuộc sống chan hoà tình thương
Sống đời chia sẻ hỗ tương
Lên chùa học đạo tỏ tường thân tâm
Cúng dường Tam Bảo tri ân
Yêu đời sống đạo tình thân trải dài
Dưỡng tu từng bước tháng ngày
Mặc cho cuộc sống đắng cay cuộc đời
Đầu năm cùng với đất trời
Hương thơm toả ngát sáng ngời Phật tâm.*

HẠNH PHÚC TRONG TÂM TAY

*Hạnh phúc trong tâm tay
Do chính mình tạo ra
Đừng mong chờ ai giúp
Giữa cuộc sống phồn hoa*

*Thế giới đầy biến động
Ta có thể làm gì?
Khi vô thường chợt đến
Hỏi lại mình còn chi*

*Hãy thường xuyên thức liễm
Đừng kỳ vọng đâu xa
Sống an vui hạnh phúc
Luôn nhìn lại chính ta*

*Nguyện cầu cho thế giới
Mọi người biết thương nhau
Quên đi lòng thù hận
Để còn ngắm hoa đào.*

(Dallas Texas, 10-01-2020)



thơ TÁNH THIỆN

GIỮ TÂM NHƯ CHẶN TRÂU

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG



Có thể nhiều người trong chúng ta đã biết đến tác phẩm Thập mục ngư đồ (10 bức tranh chặn trâu) nổi tiếng của Thiền tông. Phòng hộ sáu căn khi tiếp xúc với sáu trần cũng giống y hệt người chặn trâu khéo giữ con trâu của mình trước cám dỗ ngon ngọt của đám mạ non.

Trâu thấy mạ non thì liền xông vào. Kỳ thực cũng tội cho trâu vì bản chất của nó là vậy. Không ai nỡ trách con trâu, có chăng là trách người chặn lơ là, không chú tâm, chẳng quyết liệt ngăn chặn. Nếu chăm bẵm giữ trâu, "dùng tay trái kéo dây mũi, tay phải cầm roi nên vào thân, đuổi ra khỏi ruộng" thì lâu ngày trâu sẽ thuần, không tự tung tự tác làm hại lúa mạ nhà người.

"Một thời Đức Phật ở trong vườn Cù-sư-la, tại nước Câu-diêm-di. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu với Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào, ở nơi sắc được nhận thức bởi con mắt mà phát sanh hoặc dục, hoặc thèm muốn, hoặc ái niệm, hoặc chỗ bị quyết định đằm trước; đối với những tâm như vậy, phải khéo tự phòng hộ. Vì sao? Vì những tâm này đều là con đường đưa đến sợ hãi, có chướng nạn. Đây là chỗ nương tựa của người ác, không phải chỗ nương tựa của người thiện. Cho nên, phải tự phòng hộ. Đối với tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy.

- Thí như người nông phu có đám mạ tốt, mà người giữ ruộng thì lưỡi biếng, buông lung, để trâu vào ăn lúa mạ. Phàm phu ngu si cũng

lại như vậy, sáu xúc nhập xứ... cho đến buông lung cũng lại như vậy.

- Đám mạ tốt, nếu người giữ ruộng tâm không buông lung, thì trâu không ăn được. Giả sử có vào ruộng cũng bị đuổi ra hết. Nghĩa là tâm, ý, hay thức của Thánh đệ tử đa văn, đối với công năng ngũ dục phải khéo tự nhiếp hộ, tinh chí hết, khiến cho diệt tận.

- Đám mạ tốt, người giữ ruộng không tự buông lung, thì nếu trâu vào ruộng, sẽ dùng tay trái kéo dây mũi, tay phải cầm roi nên vào thân, đuổi ra khỏi ruộng. Nay các Tỳ-kheo, ý các ông nghĩ sao? Khi con trâu kia đã bị thống khổ vậy rồi, thì từ làng về nhà, từ nhà ra làng, có còn dám ăn lúa mạ non như lỗi trước không?

Đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn, không. Vì sao? Vì nó nhớ lần trước vào ruộng, đã bị cái đau khổ bởi roi vọt.

- Như vậy, nay các Tỳ-kheo, nếu tâm, ý, hay thức của Thánh đệ tử đa văn đối với sáu xúc nhập xứ cực kỳ sanh lòng yếm ly, sợ hãi, nội tâm an trụ, chế ngự nhất tâm...

Phật nói kinh này xong, các Tỳ-kheo nghe những gì Phật dạy, hoan hỷ phụng hành."

(Kinh Tạp A-hàm, kinh số 1169 [trích])

Phòng hộ sáu căn là việc quan trọng của người tu. Sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) luôn tiếp xúc với sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), vì có xúc nên thọ, ái, thủ, hữu phát sinh và toàn bộ khổ đau có mặt. Để ngăn ngừa ái, để ngăn con trâu xông vào ruộng lúa, người tu phải dùng cây roi chánh niệm. Nhờ chánh niệm tỉnh giác nên cái thấy chỉ dừng nơi cái thấy (nghe, ngửi... cũng như vậy), ái không sinh khởi, ái diệt nên khổ đau vắng mặt. Đó là phòng hộ các căn.

Người tu không tật nguyện nên sáu căn hoạt động bình thường; mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe, thân vẫn xúc chạm... Tuy có thấy, nghe và xúc chạm nhưng nhờ chánh niệm thường trực nên không vướng mắc vào sáu trần. Như mục đồng có sợi dây và cây roi, người tu có chánh niệm và tỉnh giác nên tâm vẫn an nhiên dù sáu trần hấp dẫn luôn mời gọi.



PHÚ ÔNG CẮT LẦU

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GĐPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Không nên chạy theo vật chất, vì vật chất làm hắc ám tâm trí. Không nên chạy theo thú vui ngũ dục vì lửa dục thiêu cháy kho tàng công đức.

Chạy theo vật chất và ngũ dục là đóng cửa tuệ giác bồ đề, là mở cửa sân si mê chấp. Những tướng là ngoan khôn ưu việt chẳng biết rằng mình khờ dại chẳng khác gì câu chuyện "Phú Ông Cắt Lầu" được ghi trong kinh "Bách Dụ" của Phật. Truyện kể lại rằng:

Vào một thời đã lâu xưa, có một phú ông vô cùng giàu có nhưng lại ngu si đần độn không biết việc gì. Một hôm nhân có ghé thăm một người bằng hữu, ông vô cùng sững sốt trước căn nhà ba tầng lầu vô cùng xinh đẹp, và đẹp nhất là tầng lầu ba. Từ cách bài trí cho đến hoa kiếng, tạo thanh nhã thanh thoát, ông không cách nào diễn tả được.

Ông ta nghĩ "Với sự giàu có của mình thì có tốn kém đến mấy ta cũng dư sức thực hiện." Khi về đến nhà, ông cho gọi một toán thợ danh tiếng và hỏi xem họ có thể thực hiện được một công trình như căn nhà bằng hữu của mình không? Người thợ cả đáp, họ dư sức làm những công trình còn quý giá và xinh đẹp hơn. Ông ta vô cùng mừng rỡ và quyết định:

- Hãy thực hiện cho tôi ở nơi đây tầng lầu thứ ba của căn nhà ấy.

Khi người thợ cả cho nhân công khuân tải vật liệu đến khu đất đã định mở móng xây tường được ít hôm thì lão phú ông đến thăm. Không thấy tầng lầu thứ ba được thiết lập, ông bực hỏi người kiến trúc:

- Hiện tại ông đang làm gì đó?

- Thì tôi đang xây nhà lầu ba tầng cho ông đây.

- Tôi bảo anh cắt lầu tầng ba cho tôi, sao anh lo khai nền mở móng làm gì?

- Nếu tôi không xây cất hai tầng dưới làm sao cắt được tầng ba?

- Tôi không cần suy nghĩ lý luận gì cả. Tôi không cần làm hai tầng dưới, tôi chỉ cần tầng thứ ba mà thôi, và ông nên chóng hoàn thành cho tôi.

Người thợ cả chăm lo việc kiến trúc nghe xong, không còn cách nào khác để làm cho

phú ông hiểu được đành phải dừng thi công cất nhà.

Tu mà không thọ giới quy y, không cung kính thừa sự tam bảo, một lòng kiêu ngạo khinh tăng, hủy giới rồi bảo Phật tại tâm, tâm tức Phật, trấn áp kẻ ít học bằng cái từ chương khoa cử bằng cấp của mình. Buông lung tâm tính mà cầu Phật đạo, thật chẳng khác phú ông cắt lầu là mấy. Cố gắng lắm mà xem.

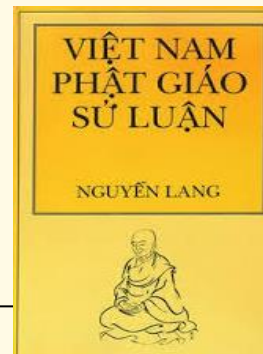
(Trích 52 *Câu Chuyện Dưới Cờ*—Thị Nguyễn Nguyễn Đình Khôi)



HỘI AN NAM PHẬT HỌC TRUNG KỲ

(Chương XXIV, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP III)

Nguyễn Lang



LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

(tiếp theo)

THIÊN SƯ MẬT KHẾ

Giảng sư Mật Khế là một trong những đóng góp cụ thể nhất của Giác Tiên cho nền Phục hưng Phật học. Mật Khế sinh năm 1904 tại làng Thần Phù tỉnh Thừa Thiên. Chín tuổi ông đã được theo làm tiểu đồng cho Giác Tiên. Năm mười chín tuổi ông được chính thức thụ độ, pháp danh là Tâm Địa, pháp hiệu là Mật Khế. Cũng năm ấy, ông thọ Cụ Túc Giới tại giới đàn Từ Hiếu do thiền sư Tâm Tịnh làm hòa thượng. Trong giới đàn này ông là người xuất sắc nhất trong các giới tử nên chỉ định làm thủ chúng sa di và sau khi thụ giới, ông được thiền sư Tâm Tịnh tặng cho một bộ ca sa và một cái bình bát.

Năm 22 tuổi ông được gửi vào chùa Thập Tháp Bình Định học với thiền sư Phước Huệ, khi Phước Huệ ra dạy ở Trúc Lâm, ông lại theo ra để tiếp tục học tập. Năm 1933 ông lập trường tiểu học Phật giáo tại chùa Vạn Phước và đến năm 1935 ông lại hợp tác với Giác Nhiên mở trường An Nam Phật Học tại Trúc Lâm.

Ông hoạt động với tư cách tổng thư ký của Sơn Môn Thừa Thiên, và giảng sư của hội An Nam Phật Học. Những bài giảng của ông tại chùa Từ Quang như Tam Quy Ngũ Giới, Trạch Pháp Tu Tâm, Thanh Văn Thừa, Bồ Tát Thừa, Pháp Môn Niệm Phật v.v... đều được in lại trong báo Viên Âm.

Năm 1934 ông và Trí Độ đi Quảng Ngãi dự

Giới Đàn Thạch Sơn với tư cách “phóng viên” của báo Viên Âm. Để chuẩn bị cho Lễ Phật Đản vĩ đại tổ chức tại Huế năm 1935, ông đã đề ra nhiều tuần lễ vận động trong giới tăng sĩ Thừa Thiên để mang lại sự ủng hộ toàn diện của giới này cho buổi lễ. Ngày 10.5.1935, trong lúc đại lễ đang được cử hành tại chùa Diệu Đế thì ông

thị tịch tại chùa Trúc Lâm. Thiền sư Giác Tiên, không có mặt tại buổi lễ, ngồi bên ông trong giờ phút ông sửa soạn nhập diệt. Giác Tiên đã cầm bút viết một bài kệ bốn dòng trao cho ông đọc (56). Đọc xong ông nhắm mắt chiêm nghiệm. Mười lăm phút sau ông từ trần, tuổi đời chỉ mới 31 tuổi. Ngày an táng ông, một người bạn thân thiết là cư sĩ Vân Đàn tặng đôi câu đối bằng chữ Nôm như sau:

*Rừng Mai đệp tuyết, cay đắng trái bao phen, cơ hóa độ còn nhiều, hy vọng chứa chan, tầm kéo tơ lòng theo sử Phật;
Sàng Trúc trở hoa, tình mê trong nửa kiếp, tình tương tri quá nặng, sầu trường man mác, quỳên rơi giọt lụy gọi hồn thiêng.*

Có lẽ giảng sư Mật Khế đã phí sức nhiều quá trong những ngày vận động cho lễ Phật Đản, một cuộc biểu dương đầu tiên của lực lượng quần chúng Phật giáo

trong phong trào phục hưng. Như ta đã biết, đại lễ này có vua Bảo Đại tham dự, đã làm cho báo chí trong nước nói tới nhiều lần và câu hỏi về sự cần thiết hay không cần thiết một cuộc phục hưng Phật giáo đã được đặt ra giữa dư



Thiền Sư THÍCH MẬT KHẾ
Tổng Thư Ký kiêm Sáng lập viên
Hội An Nam Phật Học Cố đô Huế và miền Trung

luận của quần chúng quảng đại. Tổng Trị Sự của hội An Nam Phật Học qua trung gian của những người như Ứng Bằng, Nguyễn Đình Hòe, Nguyễn Khoa Tân v.v... trước đó đã vận động để vua Bảo Đại nhận chức vị hội trưởng danh dự của hội. Từ năm trước, tức là năm 1934, vua Bảo Đại đã ban sắc tứ cho các chùa Tây Thiên, Tường Vân và Trúc Lâm. Chùa Tường Vân nguyên đã là một chùa sắc tứ rồi, bây giờ lại được ban sắc tứ một lần nữa. Chùa Tây Thiên bây giờ lại được hiệu là "Sắc Tứ Tây Thiên Di Đà Tự" và chùa Trúc Lâm "Sắc Tứ Đại Thánh Trúc Lâm Tự." Đại Thánh Trúc Lâm tức là vua Trần Nhân Tông ngày xưa vậy. Sau lễ Phật Đản 1935, có nhiều bài báo công kích đạo Phật, cho rằng đạo Phật là đạo ru ngũ và phục hưng Phật giáo là một việc làm không hợp thời. Chẳng hạn báo Ánh Sáng ra ngày 8.6.1935 đã đăng một bài của Kính Hiến Vi. Nhan đề là Phật Giáo Dưới Kính Hiến Vi. Ký giả Nguyễn Xuân Thanh của Viên Âm bác bỏ các luận cứ của Kính Hiến Vi, và bảo rằng Kính Hiến Vi chỉ "có thể để xem vì trùng chứ không có thể xem Phật giáo." Ông cho rằng Phật giáo rất thích hợp với đời sống mới, rằng đạo Phật có đủ tinh thần cải cách, tinh thần độc lập, tinh thần thực hành và tinh thần dũng cảm (57). Tuy chứng minh đạo sư của hội là Giác Nhiên có viết thư khuyên Viên Âm "tránh sự cãi cọ như tránh hàng lửa trừ khi phải hộ pháp," tạp chí Viên Âm vẫn chứng tỏ làm một tạp chí có biện tài. Trong khi Tâm Minh đối chất với Bích Liên và những học giả khác về đề tài "Cái Hồn," thì Nguyễn Xuân Thanh thẳng tay phê bình những bài viết trên các báo Trắng An và Ánh Sáng về đạo Phật. Chủ trương của Nguyễn Xuân Thanh là đạo Phật có thể luyện cho con người một tinh thần tự lập, khẳng khái, cương quyết, biết hy sinh, và thanh niên của đạo Phật là người có thể thực hiện được tinh thần ấy vì họ là những bậc đã phát bồ đề tâm. Cây bút Nguyễn Xuân Thanh là cây bút thanh niên. Ông nhấn mạnh với đối phương: "Người nào muốn phê bình đạo Phật thì trước hết, ít nữa cũng phải biết đạo Phật là chi đã" (59). Nguyễn Xuân Thanh còn viết nhiều bài nữa để chứng minh rằng Phật học rất cần thiết để bổ túc cho khoa học.

Hội An Nam Phật Học lập tỉnh hội, chi hội và khuôn hội tại khắp các tỉnh Trung Kỳ. Chi hội là đơn vị phủ huyện của hội, và khuôn hội là đơn vị xã. Vào khoảng năm 1940, cơ sở tổ chức của hội đã vững chãi từ thành thị đến thôn quê khắp xứ.

KHỞI NGUYÊN CỦA PHONG TRÀO THANH THIẾU NIÊN PHẬT TỬ

Cũng vào khoảng năm 1940, cơ sở của tổ

chức Thanh Thiếu Niên Phật Tử được thành lập. Từ 1932 những tổ chức thiếu niên thiếu nữ đã có mặt rồi, được gọi là những ban Đồng Ấu. Ở Trung thì do các vị như Bửu Bác chăm sóc dạy dỗ, ở Bắc thì do các vị như Công Chân luyện tập. Tuy nhiên những ban Đồng Ấu này chưa đích thực là những tổ chức giáo dục thanh niên theo phương pháp mới. Năm 1940, Tâm Minh Lê Đình Thám quy tụ một số thanh niên tri thức tân học tại Huế, phần lớn là con cháu các cư sĩ đã từng hoạt động trong hội An Nam Phật Học, và thành lập đoàn Thanh Niên Phật học Đức Dục. Ông cũng gọi cái tổ chức bằng danh từ Pháp ngữ "Commission d'Etudes Bouddhiques Et De Perfectionnement Moral." Đích thân ông đứng ra hướng dẫn cho đoàn và dạy Phật pháp cho họ. Những thanh niên tân học này không học Phật pháp bằng những văn bản Hán văn nữa. Họ được nghe trình bày đạo Phật theo đường lối tân học, cho nên họ hiểu giáo lý rất mau chóng. Đồng thời với Phật học, họ còn được học Nho học và Lão học nữa. Ông Đình Văn Chấp, tiến sĩ Hán học, đã tham dự vào việc giảng huấn cho lớp này. Ông đã giảng các sách Đại Học và Trung Dung của Nho giáo.

Đoàn Thanh Niên Phật Học Đức Dục lúc ấy là tượng trưng cho một đạo Phật rất "mới". Bài ca chính thức của đoàn được soạn và hát ca bằng tiếng Pháp! Điều này khiến cho giới thiếu niên thấy rằng đạo Phật là một cái gì rất "hợp thời," không còn cổ hủ nữa. Đây là "Bài Hát Chính Thức" của tổ chức Gia Đình Phật Tử "Hoa Sen Trắng" sau này. Lời Pháp hồi ấy như sau:

*Rangeons nous, mes amis
Pour chanter gaiement en chœur
Portons tous vers Bouddha
Notre foi et notre ardeur
Engageons-nous à tout prix
Sur la route qui monte brille
Et ce chant s'élevé
Pour unir nos jeunes coeurs (60)*

Nhiều ban Đồng Ấu mới được thành lập, và những ban này bắt đầu hướng dẫn, học tập và rèn luyện bởi những đoàn viên của đoàn Phật học Đức Dục. Cuốn sách căn bản về Phật học để giáo dục thanh thiếu niên hồi ấy là cuốn *Phật Giáo Sơ Học* được đoàn Phật Học Đức Dục soạn và ấn hành năm 1942. Thấy thế hệ trẻ làm việc có hiệu quả, Lê Đình Thám giao cho họ việc biên tập Viên Âm và sử dụng tạp chí này để tạo dựng một thế hệ Phật tử mới. Từ số 48 trở đi (61) Viên Âm đổi mới hoàn toàn. Hầu hết mọi bài vở đều do đoàn viên Đoàn Phật Học Đức Dục viết. Văn của họ mới, gọn và dễ hiểu, hướng cả về tuổi trẻ. Truyền tiên thân của họ viết làm say mê thiếu niên và thiếu nữ (62).



Trong phần Pháp văn họ viết về sự thực tập thiền định (Pratique de la Méditation), giới thiệu phần thực tiễn và tinh ba nhất của đạo Phật cho giới tân học.

Rất nhiều đoàn viên của Đoàn Phật Học Đức Dục đã đóng góp bài cho Viên Âm: Lê Hữu Hoài, Phạm Hữu Bình, Lê Bối, Trần Đỗ Cung, Ngô Điền, Nguyễn Năng Viên, Nguyễn Hữu Quán, Võ Đình Cường, Đinh Văn Vinh, Hoàng Kim Hải, Trục Hiền, Hà Thị Hoài, Nguyễn Khải, Ngô Đồi, Phạm Hữu Bình là một trong những người có kiến thức giáo lý vững chãi nhất. Ông đã viết về Duy Thức trong nhiều số Viên Âm.

Đoàn Phật Học Đức Dục lại có tổ chức Phật học Tùng Thư và xuất bản nhiều sách Phật, trong đó có cuốn Phật Giáo Và Thanh Niên Đức Dục của Phạm Hữu Bình và cuốn Phật Giáo Và Đức Dục của Đinh Văn Vinh. Hai cuốn này đều nhằm đến sự xây dựng phong trào thanh niên Phật tử.

Trong những năm 1942, 1943 và 1944, các lớp Phật pháp được tiếp tục tổ chức cho thanh niên tân học vào mùa nghỉ hè và cư sĩ Tâm Minh luôn luôn phụ trách việc giảng dạy. Vào ngày Phật Đản năm 1944, một đại hội Thanh Thiếu Niên Phật Tử được tổ chức tại rừng Quảng Tế. Đại hội này khai sinh Gia Đình Phật Hóa Phổ, tiền thân của tổ chức Gia Đình Phật Tử sau này.

CON NGƯỜI VÀ TƯ TƯỢNG CỦA TÂM MINH

Cư sĩ Tâm Minh có nhiều tài năng. Trong các số đầu của Viên Âm, ông tự tay viết cả truyện ngắn (ký tên T.M.), truyện dài (ký tên Châu Hải) và truyện hài hước (ký tên Ba Rằm), gọi đó là những "biệt khai phương tiện." Tuy rằng truyện ngắn và truyện dài của ông (63) có nhiều ý vị nhưng vì độc giả Viên Âm muốn dành hết số trang cho giáo lý nên đến số 4, ông hy sinh hai mục đó và chỉ giữ lại mục câu chuyện khôi hài, tức là câu chuyện của chủ tiểu Cửu Giới.

Viên Âm ra mắt số đầu ngày 1.12.1933. Danh từ Viên Âm được giải thích như sau: "Viên Âm nghĩa là tiếng tròn. Tiếng tròn là tiếng nói hoàn toàn; tiếng nói hoàn toàn duy chỉ pháp âm của Phật. Phật là bậc viên giác, tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, cho nên lời nói tròn, việc làm tròn, giáo pháp tròn, tròn theo bốn tánh thanh tịnh, tròn làm sao, trong tròn, ngoài tròn, trên tròn, dưới tròn, cũng tam giới khắp thập phương, lớn nhỏ xa gần đâu đâu cũng tròn cả"

Khả năng học Phật của Tâm Minh có thể nhận ra trong các thiên khảo luận như Kết Sinh Tương Tục Luận và trong các bản dịch thuật và chú giải của các kinh như Lăng Nghiêm Kinh.

Tuy làm được thật nhiều việc, ông vẫn có thái độ khiêm cung và sự khiêm cung và sự khiêm cung này được trông thấy nơi một bài thơ ông làm và đăng ở Viên Âm số 17 (tháng Chín 1935):

*Bấy nay vật vã kiếp phù trầm
May đăng vào tai tiếng Phạm Âm
Tùy tiền trau dồi gương chánh kiến
Ứng cơ giảng giải lý duy tâm
Ngộ mê vẫn đủ ngôn thân ý
Sinh tử nguyên vì sát đạo tâm
Tam bảo tử bi xin mật hộ
Cho khi hoằng pháp khỏi sai lầm.*

Có thể nói là Tâm Minh Lê Đình Thám đã trao truyền được chí nguyện hoằng pháp cho thế hệ đi sau ông. Rành tay về Viên Âm, ông dồn nghị lực xây dựng cơ sở cho một Phật học Viên lớn tại Kim Sơn gọi là Tông Lâm Kim Sơn để đời tất cả các lớp Phật Học ở kinh đô về.

Dự án đẹp đẽ này chưa thành thì Cách Mạng Tháng Tám xảy ra và công việc bị bỏ dở.

Năm 1946, cuộc chiến Pháp-Việt bùng nổ, dân chúng Huế tản cư, ông cùng gia đình di tản về Quảng Nam. Từ 1947 tới 1949 ông làm chủ tịch Ủy Ban Hành Chính Kháng Chiến Miền Nam Trung Bộ. Tại liên khu V của vùng kháng chiến, ông tập hợp một số đoàn viên của Đoàn Phật Học Đức Dục có mặt trong vùng và thành lập tổ chức "Phật Giáo và Dân Chủ Mới" tại Bồng Sơn, Bình Định, nghiên cứu việc tổng hợp giáo lý Phật giáo và lý thuyết Mác-Lê. Trong những tài liệu được phát hành có tập Đạo Phật Và Nền Dân Chủ Mới của Nguyễn Hữu Quán.

Mùa hè năm 1949, ông được lệnh ra Bắc. Ở đây ông được đề bạt làm chủ tịch Phong Trào Vận Động Hòa Bình Thế Giới. Năm 1956 ông được đi dự lễ Buddha Jayanti tại Ấn Độ với pháp sư Thích Trí Độ. Trong dịp này tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn tại chùa Tiên Phúc đã được mang theo để triển lãm.

Năm 1961 toàn bộ Kinh Lăng Nghiêm mà ông đã khởi công phiên dịch và chú giải trên Viên âm được xuất bản. Ông mất vào ngày 23.4.1969 tại Hà Nội, thọ bảy mươi ba tuổi.

Tâm Minh Lê Đình Thám xứng đáng có một chỗ đứng quan trọng trong lịch sử Phật giáo Việt Nam cận đại. Ông là một người dễ mến và đầy nhiệt tình. Ông luôn luôn được bao quanh bởi bạn bè. Bên ông có những nghệ sĩ tài ba như Bửu Bác và Nguyễn Khoa Toàn (công việc trùng tu chùa Từ Đàm để làm trụ sở cho hội An Nam Phật Học được thành tựu đẹp đẽ nhờ sự có mặt của Nguyễn Khoa Toàn. Ông Toàn đã



LÊ ĐÌNH THÁM (1897 - 1969)

trông coi về phương diện mỹ thuật. Tượng Phật chùa Từ Đàm là do ông điêu khắc). Tâm Minh lại không hề xa cách với tuổi trẻ. Có khi ông hồn nhiên như trẻ con. Một hôm từ nhà, ở số 31 đường Nguyễn Hoàng, ông đi bộ lên Từ Đàm. Dưới dốc Nam Giao ông gặp hai đứa trẻ ngồi đánh cờ tướng bên đường. Ông ghé mắt xem, thấy một bên đang bí nước. Ông liền ngồi xuống chỉ cờ cho em bé. Và ông ngồi chơi đánh cờ với bọn trẻ tới hơn một giờ đồng hồ rồi mới tiếp tục đứng dậy lên chùa. Có công, có lòng với Cách Mạng, ông đã thao thức muốn điều hợp học thuyết xã hội chủ nghĩa với Phật pháp và đã có công bênh vực Phật giáo bị hạn chế ở liên khu V. Sau đó ông được triệu ra Bắc. Ông ra Hà Nội bằng đường mòn Hồ Chí Minh, dọc theo dãy Trường Sơn. Năm 1956 được gặp các đại biểu Miền Nam tại đại hội Buddha Jayanti, ông rất phấn khởi khi nghe tin tức Phật giáo miền Nam {...} Khi về Hà Nội ông không còn giữ chức Chủ tịch Phong trào Hòa Bình nữa {...} Ông đã làm đủ mọi cách để có thể xuất bản được cuốn kinh *Thủ Lăng Nghiêm* do ông dày công phiên dịch và chú giải. Ngày xuất bản kinh này năm 1961 tại Hà Nội tại chùa Quán Sứ, chắc chắn là một ngày vui và một niềm an ủi lớn cho ông.

Ông phiên dịch và viết khá nhiều, phần lớn đều được in trên Viên Âm. Sau đây là một đoạn văn của ông mà chúng tôi thiết nghĩ có thể tóm tắt được nhận thức của ông về Phật giáo đại thừa. Đoạn văn này được trích trong Lời Nói Đầu ông viết vào mùa Xuân năm 1961 tại Hà Nội, in ở đầu bộ Kinh *Thủ Lăng Nghiêm* {...} trong môi trường một xứ sở xã hội chủ nghĩa.

"Chư Phật ra đời chỉ nhằm được một mục đích là dạy bảo chỉ bày cho chúng sinh giác ngộ và thực chứng Pháp-giới-tính như Phật. Pháp-giới-tính là tính bản nhiên của tất cả sự vật, nghĩa là của tất cả các chuyển động và các hiện tượng trong vũ trụ".

"Tính bản nhiên ấy là tính trùng trùng duyên khởi, nghĩa là tính ảnh hưởng dây chuyền của một sự vật đối với tất cả sự vật, của tất cả sự vật đối với một sự vật. Ví như một con cá nhỏ vẩy đuôi. Tuy rung động rất ít, nhưng nếu có khả năng đo lường chính xác, thì cũng có thể thấy ảnh hưởng cùng khắp bốn bề.

"Do mọi sự vật chịu ảnh hưởng của tất cả sự vật nên đều chuyển biến không ngừng nên

ảnh hưởng lại tất cả sự vật chuyên biến không ngừng nên ảnh hưởng lại lại tất cả sự vật đều chuyển biến không ngừng. Song ảnh hưởng của các loại sự vật đối với một sự vật không giống nhau, cái thì trực tiếp, cái thì gián tiếp qua một hay nhiều lớp, do đó tác động cũng không giống nhau. Trong ảnh hưởng phức tạp của tất cả vật làm cho một sự vật xuất hiện và chuyển biến, đạo Phật đã rút ra một quy luật bản nhiên là luật nhân-quả.

"Luật nhân-quả là một quy luật rất sinh động không phải luôn luôn đơn giản như trồng lúa thì được lúa. Lại chính việc trồng lúa cũng không đơn giản lắm, vì phải có đất, nước,

phân, cần, giống, phải kể đến thời tiết thuận nghịch, đến kỹ thuật cấy cây v.v... thì mới chắc được lúa. Vì thế nên nhân quả và định mệnh khác nhau rất nhiều. Định mệnh thì việc gì cũng đã định trước rồi, không làm sao tránh khỏi được; còn nhân quả thì chẳng những có nhân quả khứ sinh quả hiện tại, mà còn có nhân quả hiện tại sinh quả hiện tại (trong đó

có cả ảnh hưởng của hoàn cảnh, ảnh hưởng của tư tưởng hành động bản thân). Hai dây chuyền nhân quả đó thường xuyên ảnh hưởng lẫn nhau, làm cho quả báo hiện tại thay đổi từng giờ từng phút. Vật chất có nhân quả vật chất, tâm thức có nhân quả tâm thức, hai bên ảnh hưởng lẫn nhau nhưng không nhất thiết giống nhau. Đối với Đạo Phật, nhân quả tâm thức là chủ yếu, vì nó quy định sự tiến hóa hay thoái hóa trên con đường giải thoát.

"Các vị thanh văn duyên giác, theo đạo lý nhân quả, trừ bỏ nguyên nhân luân hồi và chứng quả vô sinh, nhưng vẫn còn tu tu chứng trong nhân quả, chứ chưa rõ được then chốt nhân quả.

"Then chốt nhân quả là Pháp-giới-tính trùng trùng duyên khởi, nghĩa là mọi sự vận động tất cả sự vật, trong một có tất cả, trong tất cả có một, một tức là tất cả, tất cả là một. Tính ấy gọi là tính chân như, là thật tướng, là Phật tính, là Như Lai Tạng Tính, là pháp tính, là tâm linh, vân vân..."

"Tính ấy bình đẳng, không thật có sinh có diệt, có người có mình, có tâm, có cảnh, có thời gian, có không gian, không thấp, không cao, không mê, không ngộ; tính ấy duyên khởi ra tất cả sự vật, không có ngăn ngại, đồng thời cũng tức là bản tính của tất cả sự vật, không



Ban sáng lập An nam Phật học hội, 1932 tại chùa Trúc Lâm - Huế

có ngăn ngại, đồng thời cũng tức là bản tính của tất cả sự vật, không hề thay đổi.

"Tam thế chư Phật, chư Đại Bồ Tát, thật chứng và nhập một với Pháp-giới-tính nên phát khởi duyên đại tử, đồng thể đại bi, hiện ra vô số thân, theo duyên hóa độ vô lượng vô biên chúng sanh, nhưng vẫn không có gì ra ngoài Pháp-giới-tính. Chúng sinh chưa chứng được Pháp-giới-tính nên theo duyên mà luân hồi trong lục đạo. Nhận thức khác nhau nên chỗ thụ dụng của Phật và của chúng sinh khác nhau, nhưng Pháp-giới-tính vẫn là như vậy, không thêm, không bớt.

"Pháp-giới-tính là tính chung của các loại vô-tình như cây, như đá và của các loại hữu-tình, đặc biệt các loại có trình độ nhận thức khá cao như loài người, mới có khả năng chứng được Pháp-giới-tính và thành Phật đạo. Do đó nên Pháp-giới-tính nơi các loài hữu tình cũng gọi là Phật tính.

Các loài hữu tình chủ yếu là những cái tâm làm cho có sống, có cảm giác, có nhận thức, có suy nghĩ, có ghi nhớ vân vân... Cái tâm là một sự vật nên bản tính vẫn là Pháp-giới-tính như các sự vật khác.

"Khi học đạo và tu chứng, tâm ấy có thể quan sát Pháp-giới-tính nơi cây, nơi đá, hay quan sát Pháp-giới-tính nơi tự tâm thì có phần dễ nhập với Pháp-giới-tính hơn là khi xét nhận được Pháp-giới-tính nơi cây, nơi đá.

"Vì thế Phật thường dạy người đời tu chứng Pháp-giới-tính nơi tự tâm mình và gọi Pháp-giới-tính đó là tâm tính.

"Song tâm tính vốn là Pháp-giới-tính chứ không phải tính riêng của tự tâm và khi chứng ngộ được tâm tính rồi thì của tâm riêng cũng không còn nhiều nữa.

Phật thuyết pháp theo căn cơ của chúng sinh, nên pháp của Phật khi thấp khi cao, khi quyền, khi thật, khác nhau. Nhưng đầu Phật dạy Tam quy, ngũ giới, thập thiện, dạy tứ đế, thập nhị nhân duyên hay dạy về pháp tính, pháp tướng, tâm tính, chân như, chân không, thật tướng vân vân... Phật luôn luôn nhắm mục đích chỉ bày cho chúng sanh chứng ngộ trí tuệ của Phật, nghĩa là chứng ngộ Pháp-giới-tính" (64).

(56) Viên Âm số 14 (Tháng Ba 1935)

(57) Viên Âm số 13 (Tháng Giêng 1935)

(59) Viên Âm số 15 (Tháng Giêng 1935)

(60) Đây là những phiên khúc

1- Vers le mieux sans un répit
En avant, d'un même ferveur
La terre résonnera

Sous nos pas triomphateurs

2- Semons loin la vérité
allons done, levons-nous tous
la chaleur des belles siitras



GỌI XUÂN

*Gió thoảng nhẹ qua tà áo mới,
Cỏ đong đưa niu gót trần gian,
Mai lạnh ngoài hiên mời xuân tới,
Trông theo một cõi nắng trên ngàn.*

thơ THỰC ĐỘ

donnera Paix et Bonheur.

3- A l'exemple des Arabant
s'exemple des Arabant
s'en allant répandre leur zèle
apprenons au monde qui râle
ce qui cause la douleur.

4- Quangd partout rayonneront
l'Amour et la Pureté

Touté les voix entonneront

Ce refrain plein de vigueur!

(61) Viên Âm số 48 xuất bản vào tháng Năm 1942

(62) Ví dụ Cặp Mắt Của Thái Tử Câu Na La của Lê Hữu Hoàì (Viên Âm số 52, tháng 9 1942) và Ưu Đà Di của Trúc Hiên (Viên Âm số 58, tháng Ba 1953).

(63) Ví dụ truyện ngắn Câu Chuyện Ông Chài và truyện dài Biển Ái Sóng Dồi.

(64) Kinh Thủ Lăng Nghiêm do Tâm Minh Lê Đình Thám dịch gồm 2 tập. Ban Hoảng pháp, Hội Phật Giáo Thống Nhất Việt Nam (miền Bắc) ấn hành, 1964 (N.H.C)

Chiêm bao hạc trắng

TN HUỆ TRÂN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



Trong kiếp phù sinh, biết bao người đốt đuốc tìm tri kỷ mà lúc nhắm mắt xuôi tay cũng vẫn ngậm ngùi ôm mối cố đơn.

Tri kỷ là thế nào mà hiếm hoi như vậy? Bá Nha một đời nhịp phách mà

vắng Tử Kỳ cũng phách rã nhịp lời!

Phạm Thái lên yên, vó ngựa mãi dậm trường cát bụi thì Trương Quỳnh Như thà ngọc nát vàng phai!

Thế mà, một kẻ kẻ ngây ngô giữa chốn ta-bà như tôi lại có tri kỷ ngay từ lúc mở mắt chào đời. Đó là cha tôi, người thường ôm tôi trên cánh tay nôi hồng, ru tôi bằng những câu hát:

"Hồng Hà mênh mông trôi cát tới chân làng quê. Dưới sông, nhiều bến ai về có thấy đồng lúa nương chè, với những tình thắm trên làng quê? Hồng Hà chơi với, giòng nước trên nguồn về khơi. Sông Thao, ngoài bến Việt Trì, có những chàng áo nâu về. Say mê giòng nước vui tràn trẻ" (1)

Tôi nghe kể lại rằng, mẹ tôi buồn cười lắm khi nghe cha hát ru tôi như thế vì đối với mẹ, đó không phải là những câu ru con ngủ. Ru con phải: "À... ơi... Đồng Đăng có phố Kỳ Lừa. Có nàng Tô Thị có chùa Tam Thanh..." Hay: "Con cò con vạc con nông. Sao mày dầm lúa đồng ông hời cò?..." Mẹ tôi hiền hòa, chất phác như thế nên càng chế nhạo khi cha ru tôi bằng những câu hát rục rủa đấu tranh hơn:

"Sông Lô, sóng ngàn Việt Bắc bãi dài ngô lau, núi rừng âm u. Thu ru, bến sóng vàng từng nhà mở biển chìm một mẫu khói thu. Sông Lô, sóng ngàn kháng chiến cháy bờ lau thưa đã tàn thôn trang. Ai qua bến nắng hồng lặng nhìn màu nước sông Lô xưa" (2)

Tình tự dân tộc và tình yêu quê hương đã đưa tôi vào những giấc mộng êm ái đầu đời chứ không phải "Con cò, con vạc, con nông..." Tôi nói rằng tôi may mắn có tri kỷ ngay từ khi mở mắt chào đời là như thế.

Cha không phải chỉ cho tôi hình hài, mà trong sự nhiệm màu không thể giải thích, cha còn khai sinh cho tôi một đời sống tâm linh phong phú.

Là con gái mà tôi tâm sự với cha những chuyện đáng lẽ chỉ nói với mẹ. Tôi hoàn toàn an tâm khi cha biết tôi đang nghĩ gì và làm gì. Cha luôn là người đầu tiên đọc những bài thơ non nớt mà tôi cặm cụi "sáng tác." Chẳng phải cha chỉ đọc thôi mà còn lấy những câu đặc ý, để dưới mắt kính trên bàn làm việc. Cha vào tiệm vải mua lụa trắng cho tôi may áo khi thấy áo tôi bị vấy mực, tế nhị và kín đáo kẹp vào tập sách những tờ giấy bạc mới để tôi chỉ tiêu, khê khàng trách mẹ tôi khi tôi bị la rầy vì đôi điều lật vật trong bếp núc...

Lúc nào cha cũng ở đó, bên tôi, và trong tâm hồn tôi như bóng với hình.

Vậy mà!!!!!!...

Cơn hồng thủy Tháng Tư 75 đã bứt tôi ra khỏi núm ruột!

Tôi nổi trôi bến bờ xa lạ.

Cha vào tù trả nợ nước non.

Bá Nha đập đàn khi Tử Kỳ ngã gục.

Phạm Thái si cuồng vì oan khuất Quỳnh Như.

Thư nhà gửi sang, kèm mảnh giấy nguệch ngoạc cha viết khi đi nhận gói quà đầu tiên của con gái

"Trời mưa, gió giạt, cầu khỉ trơn như mỡ, giầy dép là đất sinh lại càng trơn, sợi giây kẽm để vịn tay đu đưa liên hồi, kẻ bắt ra xa, người co lại gần, mất thăng bằng tạo ra mất thăng bằng liên tục. Mới nhích được một phần tư cầu, cha nhìn xuống con suối, nước chảy xiết dưới chân mà hoa cả mắt. Rồi cũng phải nhìn lên, trấn tĩnh lại, cổ nhích dần cho người khác lướt tới. Sợi giây kẽm quái ác hết lõi cha ra, lại đẩy cha vào. Gió giạt liên hồi, đôi giầy toàn đất bùn trên thân cây gỗ chỉ còn là sinh trộn nước mưa, như không có cái gì khả dĩ giúp cha đi tiếp được nữa. Cha đành đứng yên tại chỗ, nhìn ra mới được nửa con suối, liếc sang bên bạn đồng tù, mặt ai cũng trắng bệch thì biết chắc mình cũng tái mét. Thật là nghìn cân treo sợi tóc, lui chẳng được, tiến cũng chẳng xong... Nhưng nghĩ đến mẹ, đến các con, cha nhất định không để giòng suối cướp mất gói quà, nên dưới mưa ấy, gió ấy, cha xoay ngang chân mà nhích đi, thẳng nhìn lên, không màng đến giòng suối cuộn cuộn dưới chân. Cha thầm khấn Trời Phật, còn để có hôm nay, không lẽ lại cướp đi tình thương của một người tưởng chừng tuyệt vọng! ..."

Mảnh giấy dó, với thời gian, càng cũ nát thì nét chữ như lại càng hiển hiện.

Khi cha về với Phật thì từng hàng chữ trở thành từng nét khắc chạm trong đáy hồn tôi.

Với những nét khắc chạm đó, tôi lao vào giòng sông lịch sử, tìm cha như đi tìm chính mình. Và nơi giòng sông đó, một chiều mưa bay, tôi run rẩy cảm nhận những vết khắc trong hồn mình mờ ảo, lung linh, giòng sông lênh láng trên cõi lòng người con vọng về cha.

Đó là khi tình cờ đọc một bài thơ.

Không phải, không đơn giản thế! Đó không chỉ là bài thơ. Với tôi, bài thơ này là một trang kinh, là tiếng khóc rạo rạo sông thương, biển nhớ, tử tròn kiếp nhân sinh của một người con hướng vọng về đấng sinh thành:

*"Mười lăm năm, một bước đường
Đau lòng lữ thứ đoạn trường Cha ơi!
Đêm dài tưởng tượng Cha ngồi
Gối cao tóc trắng rã rời thân con
Phủ sinh một kiếp chưa tròn
Chiêm bao hạc trắng hải hùng thiên cơ
Tuần trăng cũ nước tình cờ
Lạc loài du tử mắt mờ viễn phương
Tàn canh mộng đổ vô thường
Bơ vơ quán trọ khói sương đọa đầy" (*)*

Hơn mười lăm năm tụng kinh cho Cha, đến "trang kinh" này tôi đã bất ngờ bật khóc. Khỗi uẩn tình òa vỡ như mặt trời chiếu rọi đỉnh băng sơn. Nước mắt chảy trên những vết khắc thời gian, nhòa dần oạn khuất để Cha nhẹ nhàng hạc trắng vỗ cánh thênh thang.

Tôi thấy được Cha qua hình bóng Cha Lạc Long Quân chưa từng bao giờ rời xa con trẻ, dù trong hạnh phúc hay nơi khổ đau, dù trên thiên đàng hay dưới địa ngục, vì rất rạo, đàn con trăm trứng chỉ có một cội nguồn. Kề nào phủ nhận, tội ngược giòng dân tộc sẽ tự hủy diệt.

Trang kính tạ ơn Thiên Sư Thích Tuệ Sỹ, tác giả bài thơ "Thương Nhớ" tôi đã được đọc trong một chiều mưa bay...

Huệ Trân

(Tháng mười một Âm Lịch
- Thắp nhang giỗ cha)

- (1) "Du kích sông Thao" của Đỗ Nhuận
- (2) "Trường ca sông Lô" của Văn Cao
- (*) "Thương Nhớ" TS Thích Tuệ Sỹ.

TỰ DO

*Có những kẻ khoác lác về Tự Do
cho nó là đứa trẻ có thể ẵm trong tay
là chiếc giày có thể xô chân vào
là sợi dây thắt chặt một chiếc cổ
là con dao bén làm thịt một thiên tài*

*Tự Do là con chó không đuôi
hay cái đuôi đã bị cướp mất!?
Tự Do là thanh sắt trong hỏa ngục
hỏa ngục của hồn căm!?*

*Có những kẻ cho nó là đôi tay vấy máu
là con mắt nghiêng nhìn bóng hình sự thật
là con chữ sai khiến một dòng sông
là cánh đồng sinh ra tên đồ tể
là thiên thần hiện ra trong ngày tận thế
là kẻ thù của tuyệt vọng và bất công
là chúa tể của công minh và ánh sáng*

*Đừng nói về Tự Do
hãy im đi nếu có thể
nó là cái vỏ của Công Lý
là con ác mộng của Lý Trí
trong đất nước điêu linh
nó là Tình Yêu
là Hy Vọng
và là ngôi sao
chìm trong biển máu!*



ĐỂ NÓI

*để nói nửa sự thật
ta cần nuốt trôi nửa phần đá
và phải biết chắc rằng nó sẽ không làm ta
rách cuống họng*

*để nói trọn sự thật
ta cần đôi mắt với bầy đàn chó sói
và phải biết chắc là ta không đi
một mình dưới trăng*

*để sống với sự thật
ta cần giữ thăng bằng
trên cây cầu Tự Do
bắc qua vực thẳm vô hình của nỗi sợ hãi.*

thơ **PHÁP HOAN**



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THÔNG NHẤT HOA KỲ & CANADA
KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 10

Radisson Hotel Philadelphia Northeast,

2400 Old Lincoln Hwy, Trevose, PA 19053

Ban Tổ Chức: **CHÙA PHẬT BẢO & THANH TỪ MEDITATION CENTER**

Thanh Tu Meditation Center, 2493 S Black Horse Pike, Williamstown, NJ 08094

---oOo---

THÔNG BÁO

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch Chư Tôn Đức Tăng Ni,
Kính thưa Quý Học viên Phật tử,

Sau khi nhận trách nhiệm do Giáo Hội giao phó, chúng tôi đã tìm được hội trường tương đối đầy đủ tiện nghi cũng như tiện việc đưa rước và vận chuyển những thứ cần thiết cung ứng cho khoá học. Do vậy, Ban Tổ Chức xin trân trọng gửi thông báo này đến quý học viên Phật tử hoan hỷ sắp xếp thời gian để tham dự Khóa tu học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 10, được tổ chức tại:

**Địa điểm: Radisson Hotel Philadelphia Northeast
2400 Old Lincoln Highway, Trevose, PA 19053
Phone: 215 638 8300**

Thời gian: Từ ngày 23 đến 26 tháng 7 năm 2020

Ngày 27/7 có chương trình tham quan theo hai hướng. Hướng thứ 1: Tượng nữ thần Tự Do, Toà tháp đôi, Quảng trường Thời đại và khu phố Tàu. Hướng thứ 2: Nhà Trắng, Toà Nhà Quốc hội, Bảo tàng viện và khu chợ Eden Vietnam.

Ban Tổ Chức thành kính dâng lễ Chư Tôn Đức Tăng Ni và trân trọng kính mời quý học viên Phật tử hoan hỷ ghi danh tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 10 một cách đông đảo và đúng giờ để Ban Tổ Chức tiện việc lo liệu được chu đáo.

Kính chúc Chư Tôn Đức: Phước trí nhĩ nghiêm, Đạo quả viên thành.

Đồng cầu nguyện quý học viên Phật tử luôn khoẻ mạnh, an lành và hạnh phúc.

Trân trọng

Phila ngày 19 tháng 9 năm 2019

Trưởng Ban Tổ Chức

Tỳ kheo Thích Tuệ Phát

Mọi chi tiết xin liên lạc:

1. Email: **khoatubacmy10@gmail.com**
2. TT Thích Tuệ Phát. Phone #: 2674697959
3. Đạo hữu Tâm Nhân. Phone #: 2677601228
- Đạo hữu Huệ Phương. Phone #: 2159645842

KHÁT KHÔNG UỐNG NƯỚC

Thuở xưa có kẻ đi đường
Rất là khát nước nên dừng chôn đây
Kiếm tìm nước khắp Đông Tây
Thấy sương lóng lánh giăng đầy phía xa
Tưởng là nước vội tìm qua
Mới hay lầm lẫn. Thế là trở lui.
Cuối cùng tìm được nước rồi
Dòng sông trong mát, nước trôi không ngừng
Nhưng chàng chỉ đứng dòm chừng
Nhìn xem. Không uống. Lạ lùng vậy thay!
Người ta thấy, vội hỏi ngay:
“Anh đi tìm nước, nước đầy dưới sông
Sao không uống, chỉ đứng trông?”
Anh chàng đáp lại vô cùng kỳ khôi:
“Nước sông này nhiều quá trời
Một lần mà uống có đời nào xong,
Uống một lần hết nước sông
Thời tôi mới uống, mới không ngại ngần.”
Mọi người quanh đấy cười àm
Chê anh chàng nọ ngu dần mãi thôi.

*

Thế gian có một ít người
Không gần chân lý, sống đời lầm sai
Luôn gần bướng chẳng nghe ai
Cho là Giới Luật Phật thời lớn lao
Lại thêm nghiêm ngặt xiết bao
Thọ trì, tuân giữ hết nào dễ đâu
Họ tin vậy nên từ lâu
Sa chân giới cấm, lao đầu bển mê
Để rồi đau khổ tràn trề
Trong vòng sinh tử nã nề nổi trôi
Khó mà đắc Đạo trọn đời
Xem ra đáng trách, nghĩ thời đáng thương
Khác chi kẻ khát đi đường
Kiếm ra được nước không màng uống thôi!



Getting Thirsty On Seeing Water

Once there was a fellow desperately in need of water for his thirst. On seeing the blazing fog, he mistook it for water. He pursued it until he reached the Indus River. But he only looked at it without drinking. A bystander asked, "You are suffering from thirst. How that you have found water, why don't you drink it?"

The fellow answered, "If I could drink up all that water, I would do it. Since there is more water than I can finish, I would rather not drink it at all."

As soon as people heard this, they laughed aloud at him. The heretics, acting against all senses and reasons, think since they are unable to keep all the Buddhist commandments, they refuse to accept any of them. They will never attain the path of Enlightenment and thus subject to transmigration in time to come. They are just like that stupid thirsty fellow who gets laughed at by his contemporaries.

thơ **TÂM MINH**
NGÔ TẰNG GIAO

(Thi hóa Kinh Bách Dụ)

(Phần tiếng Anh trích dẫn trong
“Sakyamuni’s One Hundred Fables”
của Tetcheng Liao)

KHI THIÊN NI CHIYONO CHỨNG NGỘ

Anh dịch: *Anne Dutton*

Việt dịch: *Nguyễn Giác*

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(Dịch theo bản Anh dịch "The Enlightenment of Chiyono" của Anne Dutton, từ các trang 173-179 của sách "Zen Sourcebook: Traditional Documents from China, Korea, and Japan" - ấn bản 2008 của nxb Hackett Publishing Company. Thiên ni Mugai Nyodai (?-1298), thường được gọi theo thể danh là Chiyono, là một trong những phụ nữ Nhật Bản đầu tiên nhận ấn khả tâm truyền từ một dòng Thiền; trường hợp của bà là nhận ấn khả từ Thiền sư Trung Hoa Wu-hsueh Tsu-yuan sang Nhật hoằng pháp. Thiên ni Chiyono sau đó trở thành một bậc thầy dạy Thiền nổi tiếng, lập ra nhiều trung tâm dạy Thiền tại Kyoto, trong đó có Chùa Keiai-ji, nơi được xem là Thiền viện hàng đầu cho các Thiền ni trong thời trung cổ Nhật Bản. Chuyện kể dưới đây cho thấy bà sinh từ giai cấp quý tộc, nhưng đã vào một chùa Thiền làm việc cực nhọc, nhiều phần hết như Lục Tổ Huệ Năng. Chuyện về Thiên ni được kể qua nhiều thể ký, và xuất hiện trong nhiều ấn phẩm Phật học, kể cả các lời dạy về công án. Chuyện kể cho thấy đây là tổng hợp từ nhiều mẫu chuyện trước đó về Thiên ni Chiyono.)

Trong ngôi làng Hiromi ở huyện Mugi, có ba vị ni sư xây lên một Thiền tự, và tận lực tu học Phật pháp. Cùng với một số vị ni khác từ nhiều nơi khác tới, và trong một số sự kiện, cùng với nhiều đệ tử cư sĩ, họ xây dựng được một cộng đồng tu hành theo Thiền Tông.

Lúc đó có một thiếu nữ khoảng 24 hay 25 tuổi đã nhiều năm vào tự viện này làm những việc nặng nhọc. Tên cô là Chiyono. Người ta kể rằng cô là con gái của một gia đình quý tộc. Khi khát vọng giải thoát tràn ngập trong lòng cô, tức khắc cô rời nhà ba mẹ và vào tự viện này, nhận công việc công quả nặng nhọc, kể cả chẻ củi và xách nước.

Chiyono quan sát các ni sư thực tập Thiền. Cô nghe và trân trọng tất cả những lời dạy và đối thoại của các ni sư. Cô thường nhìn ngắm các ni sư xuyên qua các kẽ hở từ các tấm màn treo nơi lối vào cửa, và rồi trở về

phòng cô, bắt chước bằng cách ngồi nhìn vào vách – nhưng chưa thấy ích lợi nào.

Một hôm, Chiyono tới hỏi một ni sư trẻ. Cô nài nỉ, "Xin làm ơn dạy cho cốt tủy của pháp tọa thiền."

Ni sư trả lời cô, "Pháp hành của người chỉ đơn giản là phục vụ các ni sư trong tự viện này ở mức có thể, mà đừng nghĩ ngợi gì về khó nhọc hay mở lời than van. Đó là pháp tọa thiền của người."

Choyono tự suy nghĩ, "Thiệt là đau đớn! Mình bước vào thế giới này như một người thấp kém và bất tài, sống trong đau đớn và khổ não. Nếu mình tiếp tục thế này, mình cũng sẽ đau khổ trong kiếp sau vậy. Thời gian sẽ trôi qua, nhưng khi nào sẽ có cơ duyên cho mình đạt được giải thoát? Hành động xấu nào đã dẫn tới nghiệp quả này vậy?" Nỗi đau đớn của cô là vô cùng tận.

Đêm về, ẩn dưới ánh trăng mờ, cô tới gần thiền đường và nhìn vào trong. Cô quan sát thấy nhiều người ngồi thiền, cả các ni sư và người đời thường, cả nam và nữ cư sĩ, cả già và trẻ. Rồi bỏ hoàn toàn những quan tâm chuyện đời, họ ngồi miên mật tọa thiền. Hình ảnh thực sự là trang nghiêm.

Chiyono suy nghĩ, trong khi nước mắt tự nhiên ràn rụa, "Ngay cả các cô gái trẻ cũng biết dị biệt giữa chơn và vọng trong việc tu theo nội quy tự viện để xả bỏ chuyện đời. Họ có khát vọng vĩ đại là muốn xả bỏ thế giới si mê này. Tự khép mình tu tập gian nan hơn, họ ngồi suốt đêm trong tịch lặng nhất tâm mà không ngủ gục. Làm sao mình có thể thiếu những quyết tâm như thế để làm như họ? Nơi đây là những cư sĩ tự vui với chính họ ngày và đêm, không vướng bận gì về các thứ, và rồi họ ngồi trên các tấm đệm đó, rời bỏ tất cả các niệm về thế giới, không bao giờ ngẩng đầu lên gối. Thân của họ gầy yếu, tinh thần của họ cạn kiệt, nhưng họ không bận tâm rằng sinh mạng của họ đã gặp nguy hiểm. Họ có tâm nguyện rất mực thâm sâu. Họ xứng đáng được gọi là đệ tử của Đức Phật."

Bấy giờ, có một Thiền ni già trong tự viện rất mực từ bi. Một hôm, Chiyono tới gặp Thiền ni già và nói, "Con có khát vọng tu pháp tọa Thiền, nhưng con sinh ra đã bất hạnh. Con không biết đọc hay viết. Con cũng không thông minh. Nếu con có mang tâm nguyện [giải thoát], có thể nào con thành tựu Phật pháp cho dù con không có kỹ năng nào?"

Thiền ni già trả lời Chiyono, "Tuyệt vời đó, con ơi! Thực sự, có cái gì nơi đó đâu mà thành tựu? Trong Phật pháp, không hề phân biệt gì giữa một người nam và một người nữ, giữa một cư sĩ đời thường và một tu sĩ. Cũng thế, không hề có dị biệt nào giữa quý tộc và thường dân, giữa già và trẻ. Chỉ có thể này thôi - mỗi người phải giữ chặt lấy đại nguyện và bước theo đường Bồ Tát Hạnh. Không có con đường nào cao hơn đường này."

"Con đừng có lý thuyết hóa về lời dạy hay về giáo pháp của chư Phật và của các Thiền sư. Theo kinh điển, mục tiêu là thành tựu cõi Phật nơi chính con. Giáo pháp dạy rằng tọa thiền nghĩa là 'tìm Phật trong chính tâm của con.' Theo lời cổ đức, lời dạy trong kinh điển y hệt ngón tay chỉ vào mặt trăng. Lời của các tổ chỉ là chìa khóa để mở cổng. Nếu con nhìn trực tiếp vào mặt trăng, sẽ không cần tới ngón tay nữa. Nếu cửa đã mở xong, chìa khóa sẽ không cần nữa. Một tu sĩ quen thuộc với mười triệu bản kinh thực sự không xài tới một chữ nào trong tọa thiền. Kiến thức rộng và học nhiều chỉ là chướng ngại cho việc vào cửa pháp; chúng dẫn tới việc triết lý hóa và chữ thôi. Nếu con biết được tâm của con, lời dạy nào trong kinh mà con cần nữa chớ? Trong việc vào Đạo, chúng ta phải dựa riêng toàn thân của chúng ta thôi."

"Thêm nữa, những người muốn tu tập tọa thiền hãy khởi đại bi tâm với ước nguyện cứu tất cả chúng sinh. Đừng tìm giác ngộ cho riêng mình. Hãy tới một nơi vắng lặng, ngồi theo tư thế hoa sen, đặt bàn tay này trên bàn tay kia. Thân không nghiêng về phía nào, hai tay thẳng với hai vai. Mở mắt he hé, chú ý vào đầu mũi. Đặt lưới thoải mái nơi hàm miệng trên. Buông xả hết toàn bộ thân tâm và toàn bộ những gì trong đời người. Nhìn từ bên trong, sẽ thấy chính người không có tâm nào hết. Hãy quên tất cả những gì liên hệ của người với mọi người, mọi chuyện khác. Nhìn từ bên ngoài, sẽ thấy không có tâm nào ở bất kỳ đâu để được tìm ra. Khi bất chợt có niệm nào khởi lên, hãy để niệm đó trôi đi. Chớ đi theo

các niệm. Đó là kỹ thuật cốt yếu của tọa thiền. Hãy tin lời dạy này, và làm theo như thế, cứ y như thế chờ đợi." Vị ni sư từ bi giải thích chi tiết như thế.

Chiyono đón nhận lời dạy với tín tâm, và hạnh phúc quỳ lạy vị Thiền ni. "Khi con mới bắt đầu tọa thiền, nhiều thứ con đã thấy và đã nghe trong quá khứ cứ hiện trở lại trong tâm con. Khi con tìm cách ngăn chặn, chúng cứ

tăng thêm. Lời Sư Bà mới dạy mà con vừa nghe, cho con hiểu rằng khi niệm khởi bất chợt trong tâm, con nên để chúng tự tịch lặng. Con không nên làm nỗ lực nào để ngăn cản các niệm."

Vị Ni sư già đáp, "Đúng vậy. Nếu không, thì chỉ y như dùng máu để rửa vết máu. Lời dạy cổ đức là, 'Đốn ngộ là thuốc chữa trị các chứng bệnh bất tận của chúng ta.'"

Chiyono nói, "Nếu con tiếp tục tu theo lời dạy này, kết quả thiện lành chắc chắn sẽ tới. Chắc chắn rằng con sẽ thấy tánh Phật rõ ràng và sẽ chân thực thành tựu quả Phật trong một khoảnh khắc."

Vị Ni sư trả lời bằng giọng mạnh mẽ, "Con bây giờ đã hiểu rằng tất cả chúng sinh đều là Phật đã thành. Thế giới sinh và tử (sinh diệt), và Niết

Bàn (vô sinh diệt) thực ra y hệt như một giấc mơ."

Chiyono nói, "Con đã nghe rằng Đức Phật phóng quang từ tướng lông trắng giữa hai chân mày, chiếu sáng khắp mười phương. Nhìn ngắm vào chúng y hệt như nhìn vào lòng bàn tay của ni sư. Con có thể tự chỉ vào thân thấp hèn của con và nói rằng con có Phật tánh hay là con tự ảo tưởng về chính mình?"

Vị Ni sư trả lời, "Hãy nghe kỹ nhé. Các Thiền sư cổ thời đã nói rằng tất cả mọi người đều đã hoàn hảo y hệt như quý Thầy. Mọi người đều đã hoàn hảo; không hề cách biệt dù là một sợi lông mày chia cắt ai ra khỏi toàn thiện này. Tất cả chúng sinh đều đã có đầy đủ trí tuệ và giới đức của Đức Phật. Nhưng vì người ta bị tràn ngập bởi vọng niệm và dính mắc, họ không thể hiển lộ [các phẩm tính đó] ra."

Chiyono hỏi, "Những vọng niệm này là gì?"

Ni sư trả lời, "Sự kiện là, khi con chạy theo các niệm khởi lên trong tâm là đã che lấp Phật tánh của con. Đó là lý do vì sao chúng ta nói về 'vọng niệm.' Y hệt như mình lấy vàng và dùng vàng làm nón hay đôi giày, gọi cái con che đầu là 'nón' và gọi cái con mang nơi chân là 'giày'. Cho dù con dùng tên gọi khác nào cho sản phẩm, vàng vẫn là vàng. Cái con mang trên



Tượng bán thân Thiền sư Ni Chiyono, tác từ thế kỷ thứ 13 tại Nhật.

đầu không phải là cao quý. Cái con mang dưới chân không phải là thấp hèn. Khi dùng ẩn dụ này cho Phật pháp, vàng là biểu tượng cho Đức Phật --- tức là, nhận ra bản tánh cốt tủy của con. Những ai bị sai lạc về bản tánh cốt tủy của họ, thì chúng ta gọi là chúng sanh. Khi chúng ta gọi ai đó là một Đức Phật, bản tánh cốt tủy của họ không tăng thêm. Khi chúng ta gọi ai đó là chúng sanh, bản tánh cốt tủy của họ không suy giảm. Phật hay chúng sanh -- chỉ vì vọng niệm, người ta chọn điểm nhìn rằng có hai thứ khác nhau. Nếu con không rơi vào vọng niệm, sẽ không có Phật và cũng không có chúng sanh. Chỉ có duy một bản tánh, y hệt như thể chỉ có một thể giới hoàn hảo, mặc dù chúng ta nói là thể giới của mười phương."

"Đức Phật một lần nói, 'Khi con xa lìa tất cả sở duyên [dính mắc], thì con sẽ thấy Đức Phật.' Ngài cũng nói, 'Con phải buông bỏ ngay cả pháp.' Cái gì gọi là pháp như thế? Nếu con thực sự muốn biết tự tánh của con, con phải tự hướng mình về tận cội nguồn vọng niệm và nhìn thấu tận đáy nguồn. Khi con nghe một âm thanh, đừng hướng tâm về cái đang được con nghe, mà thay vào đó, hãy chú tâm vào tận nguồn chính cái [năng lực] nghe của con. Nếu con thực tập cách này với tất cả mọi thứ, con chắc chắn sẽ hiển lộ minh bạch tự tánh chân thực của con."

Chiyono hỏi, "Cái gì là tâm thấu suốt cội nguồn các pháp?"

Vị Ni sư trả lời, "Câu con vừa hỏi ta --- đó là một điển hình về cách suy nghĩ của con. Hãy quan sát về nơi khi niệm đó chưa khởi dậy. Hãy tận lực tự sách tấn chính con. Đừng dính theo cho dù một chút mây may của niệm --- đó là cái chúng ta gọi là thấu suốt cội nguồn."

Chiyono nói, "Có nghĩa là, bất kể mình đang làm cái gì, khi chúng ta làm mọi việc trong đời sống hàng ngày, chúng ta không nên chạy theo vật, nhưng hãy tự quay ngược về quan sát tận nguồn tâm niệm của mình, và liên tục cố gắng nhìn cho thấu suốt?"

Vị Ni sư nói, "Đúng vậy. Đó gọi là tọa thiền."

Chiyono nói, "Những lời con vừa được dạy mang cho con hạnh phúc lớn vô cùng. Con không thể nào ngồi tọa thiền ngày và đêm được, vì con cứ luôn luôn phải lượm củi và xách nước về, và nhiệm vụ công quả của con nhiều lắm. Nhưng như con vừa được nghe dạy, không có gì bất khả để thành tựu trong 12 giờ đó (ghi chú: 1 giờ thời xưa là 2 giờ bây giờ). Quan sát tận nguồn tâm niệm của con, cả về phía phải và về phía trái (thiện/ác), tùy theo thời gian và tùy theo hoàn cảnh, làm sao con xao nhãng bốn phần của con được? Với cách thực tập như thế, con có thể làm như thế trong mọi việc trong ngày. Khi con thức dậy là thực tập, và khi đêm về ngủ là thực tập, trở ngại nào có thể có nữa?" Cô Chiyono vui mừng bước đi.

Vị Ni sư già gọi tên cô trong khi cô bước đi.

Chiyono đáp, và quay trở lại. Vị Ni sư nói, "Khát vọng tu tập của con rõ ràng là rất sâu và không dời đổi."

Chiyono trả lời, "Khi nói về tu tập, con chưa bao giờ quan tâm về chuyện tổn thương hay mất mạng. Con chưa bao giờ tự nêu câu hỏi như thế. Nếu như Sư Bà nói, con không được để một khoảnh khắc nào chệch ra khỏi pháp thực tập đó. Tất cả mọi hành động đều là một hình thức của thực tập pháp. Làm sao con xao nhãng được?"

Vị Ni sư già nói, "Như vừa rồi, khi ta gọi ra tiếng 'Chiyono,' tại sao con dính vào âm thanh [cách nói] của giọng ta nói? Con hãy nên chỉ lắng nghe và trở về trực tiếp tận nguồn tâm niệm. Đừng bao giờ quên: sinh tử là chuyện lớn. Tất cả mọi thứ trôi qua nhanh vô cùng. Đừng chờ đợi --- với từng hơi thở vào, với từng hơi thở ra, trong mọi thời hãy dựa vào pháp tu tập của con. Khi có chuyện gì tới với con, con chớ nắm giữ đau đớn hay dính vào nó, ngay cho dù con có thể sau đó sẽ ân hận. Hãy kiên tâm tu mỗi pháp này."

Sau khi thọ nhận bài học này, Chiyono thờ dài và im lặng. Cô chưa đi quá xa, trước khi vị Ni sư một lần nữa gọi tên cô. Chiyono quay đầu lại một chút, nhưng không còn để tâm dính mắc vào giọng của Ni sư, cô quay trở về trực tiếp tận nguồn tâm niệm của cô. Với cách này, cô tiếp tục tu tập như thế, ngày qua ngày, tháng qua tháng. Có ngày, cô về nhà và quên ăn. Đôi khi, cô đi lấy nước và quên múc nước vào thùng. Đôi khi cô đi lượm củi và quên rằng cô đã vào trong một thung lũng dốc. Đôi khi cô đi trọn ngày mà không ăn hay nói gì, và đi cả đêm mà không ngủ nằm xuống. Mặc dù cô có mắt, cô không thấy; và cho dù cô có tai, cô không nghe. Cử động của cô y hệt như một người gỗ. Các vị ni trong chùa bắt đầu nói về cô, nói rằng cô sắp đạt ngộ.

Vị Ni sư già nghe chuyện như thế, liền lặng lẽ tới nhìn từ bên ngoài phòng ngủ của cô Chiyono. Phía sau tấm màn tre, cô Chiyono, với tóc búi cao trên đầu, ngồi nhìn vào vách. Trông cô như đã quen với việc ngồi thiền, ngó hệt như một vị tọa thiền lâu năm. Cô ngồi trong khi mở ra thế giới của sự thật lớn, trong đó tất cả hư vọng đã bị xả bỏ. Hướng tâm tự nhìn vào mình, cô Chiyono thực hành việc quan trọng nhất trong hoàn cảnh khi đó, quan sát tâm không dừng nghỉ. Thân của cô là thân của một phụ nữ chân thực hiển lộ sức mạnh của một bậc chân tu. Ngay cả trong thời xa xưa, một người như thế rất là hiếm hoi. Những ai thiếu vắng sức tu khẩn cấp như thế nên tự thấy xấu hổ.

Vị Ni sư hỏi cô Chiyono, "Nơi nào con đang hướng mặt như thế?" Chiyono quay nhìn về vị Ni sư, rồi quay trở lại, ngồi nhìn vào vách y hệt như một cội cây. Vị Ni sư hỏi cô Chiyono tiếp, "Cái gì? Cái gì?" Lần này, cô Chiyono không quay đầu lại. Như thế, cô đã [vào định sâu] không thấy chính cô nữa trong việc tọa thiền.

Trong tháng thứ 8 âm lịch năm kế tiếp, vào buổi tối ngày rằm, mặt trăng tròn chiếu sáng. Nhân dịp bầu trời đêm không mây, cô Chiyono đi ra giếng xách nước. Trong khi như thế, đáy thùng nước của cô đột nhiên thủng, và ánh của mặt trăng phản chiếu biến mất theo nước. Khi thấy như thế, cô đột nhiên đạt ngộ hoàn toàn. Mang thùng theo, cô trở về chùa.

Trước đó [trước khi đạt ngộ], cô đã tới gặp vị Ni sư già, người dạy cô Thiền, và nói, "Bệnh của con là hết chữa, và con sẽ chết trong đêm. Con muốn cạo đầu và chết trong hình thức này. Con được cho phép như thế không?" Vị Ni sư già đã cạo trọc cho cô Chiyono.

Thêm nữa, vị Ni sư già trước đó từng nghe Thiền sư Wu-hsueh nói, "Cô Chiyono tuy có vị trí thấp trong chùa, nhưng cá tính cô không bình thường đâu. Tâm nguyện của cô rất sâu - vượt xa hơn những người khác." Vị Ni sư nghĩ rằng Thầy Wu-hsueh nghĩ đúng.

Khi về gặp vị Ni sư già, cô Chiyono đứng chấp tay và nói, "Ni trưởng đã dạy con với tâm từ bi và rất mực tử tế. Nhờ đó, trong canh ba của đêm, mặt trăng tự tánh đã chói sáng một ngàn cửa pháp." Khi cô nói xong, cô quỳ lạy ba lạy trước vị Ni sư già, và rồi đứng kính cẩn.

Vị Ni sư già nói, "Con đã đạt được cái chết lớn, thực sự cái chết đó nó làm chúng ta sống sinh động. Từ bây giờ trở đi, con sẽ theo học Thầy Wu-hsueh --- con phải đi tìm gặp Thiền sư đó."

Sau đó, Chiyono được gọi là Ni trưởng Nyodai. Khi người ta tới hỏi pháp, Thiền ni này luôn luôn trả lời, "Đức Phật người có khuôn mặt là mặt trăng." Thiền ni Chiyono đã gặp Thiền sư Wu-hsueh và đã nhận ấn khả truyền tâm, trở thành người nối pháp Thầy này. Pháp danh của Thiền ni là Mujaku Nyodai. Thiền ni là người tài trợ cho ngôi chùa Rokuon-ji tại thị trấn Kitayama ở kinh đô Kyoto, trong tỉnh Yamashiro, nơi bây giờ được gọi là Kinkakuji.

Bài thơ của Thiền ni Chiyono khi bừng ngộ là:

*Với này và kia, tôi đã tận lực
Và rồi đáy thùng bể văng ra
Khi nước chảy tuôn trào
Mặt trăng không nơi để trụ.*



BUỘC RÀNG

*Bảo rằng buông bỏ nhẹ mình
Mà sao em hồi chữ tình đã mang
Để gì một buổi sẽ tan
Từ vô lượng đã buộc ràng với nhau
Kể từ dám dặng cơn đau
Tháng năm đã lăm bạc đầu chưa thôi
Bao lần ngắm áng mây trôi
Mà lòng bồi hồi bồi hồi ước ao
Vì chung mắt biếc má đào
Ở trong cuộc lữ xuân xao đã nhiều
Vì chung cơn áo bao điều
Muru sinh vật và cũng liễu dân thân
Cuốn theo thế sự xoay vần
Minh mê muội với trần ngàn xót xa
Nhọc nhàn lăm cõi người ta
Biết bao phiền não Sa-bà khổ kham
Cực thân lẫn với nhọc tâm
Tử sanh bất tận vẫn trầm mịch luân
Nhớ người nên dạ băng khuâng
On đời khắng khít phải lần lữa mang
Này em hai chữ buộc ràng*

thơ

TIÊU LỤC THẦN PHONG

Át Lăng thành, 9/19

TƯỜNG NIỆM 200 NĂM NGUYỄN DU QUA ĐỜI, ĐỌC 'PHÂN KINH THẠCH ĐÀI'

Huỳnh Kim Quang

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Năm nay, 2020 đánh dấu 200 năm thi hào Nguyễn Du qua đời (1820-2020). Trang Từ Điển Bách Khoa www.newworldencyclopedia.org đã xếp thi hào Nguyễn Du ngang hàng với thi hào Homer của Hy Lạp và thi hào Shakespeare của Anh Quốc.

Hiện nay Truyện Kiều của thi hào Nguyễn Du đã được dịch sang ít nhất 20 thứ tiếng trên thế giới. Đặc biệt hầu như người Việt nào cũng đều biết đến Truyện Kiều và đều nắm lòng nhiều câu thơ trong Truyện Kiều. Học giả Phạm Quỳnh đã từng nói rằng "*Truyện Kiều còn thì tiếng ta còn, tiếng ta còn thì nước ta còn.*" Điều đó đủ thấy tác phẩm Truyện Kiều của thi hào Nguyễn Du có tầm ảnh hưởng sâu rộng cỡ nào đối với nền văn học, văn hóa và thể mệnh của dân tộc Việt Nam.

Nhân năm mới Canh Tý và đặc biệt tường niệm 200 năm thi hào Nguyễn Du qua đời xin đọc lại một bài thơ chữ Hán mà ông đã làm lúc đi chu du tại Trung Hoa vào khoảng những năm từ 1787 đến 1790 để chia sẻ một bài thơ mà trong đó thi hào Nguyễn Du biểu lộ không chỉ kiến thức mà cả sự chứng đắc Phật Pháp cao siêu của ông. Đó là bài "Lương Chiêu Minh Thái Tử Phân Kinh Thạch Đài" [Đài Phân Kinh của Thái Tử Lương Chiêu Minh].

Thi hào Nguyễn Du sinh ngày 23 tháng 11 năm Ất Dậu, tức ngày 3 tháng 1 năm 1766. Ông mất ngày 10 tháng 8 năm Canh Thìn, tức ngày 16 tháng 9 năm 1820, hưởng dương 54 tuổi.

Theo Tiến Sĩ Phạm Trọng Chánh trong bài viết "Nguyễn Du, Từ Thái Nguyên Sang Vân Nam Cuối Năm 1787," được đăng trên trang mạng www.chimvie3.free.fr, từ năm 1787 đến 1790 Nguyễn Du hết bệnh quy y thành nhà sư

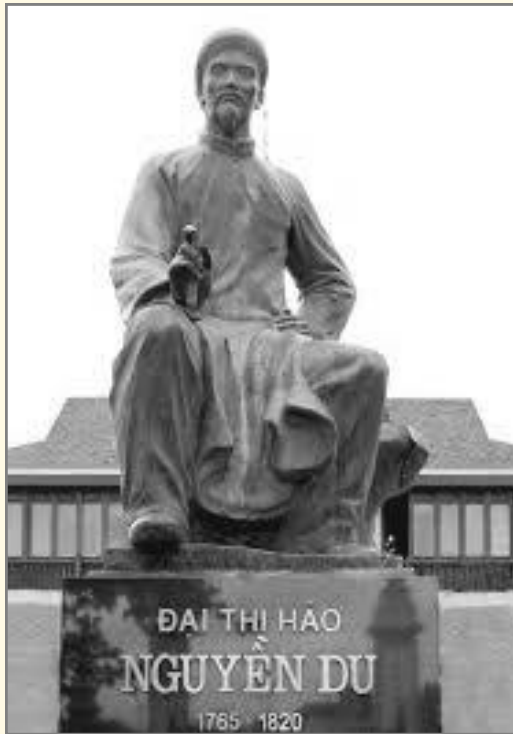
Chí Hiên, hành trang bên mình là quyển Kinh Kim Cương chú giải của Lê Quý Đôn. Theo gương Lý Bạch đi chu du khắp Trung Quốc, Nguyễn Du lên Trường An và xuống Hàng Châu, ban ngày đi ngao du thắng cảnh, tối trú ngụ một ngôi chùa, trên đường đi tụng kinh Kim Cương làm công quả kiếm ăn. Nguyễn Du đến Trường An (sáng tác Mạn Hứng I, II, Dương Phi Cổ Lý, Bùi Tấn Công Mộ, Phân Kinh Thạch Đài) đến Hàng Châu, nơi hẹn với Nguyễn Đại Lang là miếu Nhạc Phi. Nguyễn Du trú ngụ tại chùa Hồ Pháo gần đó nơi Từ Hải từng tu hành, nơi đây Nguyễn Du nghe chuyện Từ Hải và có được quyển Kim Vân Kiều Truyện của Thanh Tâm Tài Nhân. Nguyễn Du đọc say mê và quyết chí diễn ca thơ nôm. Nguyễn Du ở nơi này khá lâu nên viết 5 bài thơ (Nhạc Vũ Mục Mộ, Tượng Tân Cối I, II, Tượng Vương Thị I, II.).

Tiến Sĩ Phạm Trọng Chánh cho chúng ta biết 2 điều lý thú. Thứ nhất, Nguyễn Du đã từng đi tu làm tu sĩ Phật Giáo với Đạo Hiệu Chí Hiên tại Trung Hoa, ít nhất 3 năm và luôn luôn mang theo Kinh Kim Cương bên mình để đọc. Có lẽ vì thế, trong bài thơ "Phân Kinh Thạch Đài," Nguyễn Du nói là ông đã đọc Kinh Kim Cương cả ngàn lần. Thứ hai, Nguyễn Du đã sáng tác bài thơ "Phân Kinh Thạch Đài" vào những năm từ 1787 đến 1790 trong chuyến lãng du của ông ở Tàu. Bài thơ này nằm trong tập "Bắc Hành Thi Tập" của Nguyễn Du.

Về bài thơ Phân Kinh Thạch Đài, Tiến Sĩ Phạm Trọng Chánh trong bài "Nguyễn Du Qua Đình Tô Tần" được đăng trên trang www.vanhoanghean.com.vn cho biết rằng Nguyễn Du viết các bài Đình Tô Tần, và Phân Kinh Thạch Đài tại cự kinh đô Lạc Dương năm 1789-1790. Khi đi sứ Nguyễn Du có đi ngang

qua tỉnh Hà Nam, qua huyện An Dương, nhưng không đến Lạc Dương. Đình Tô Tần lập ở quê hương Tô Tần là Lạc Dương. Lạc Dương có ngôi chùa Bạch Mã là chùa đầu tiên của Trung Quốc, lập năm 65 sau công nguyên, có lễ Phân Kinh Thạch Đài nhà Tùy nằm nơi này. Tôi có đến Trường An năm 2009 tìm Phân Kinh Thạch Đài nơi chùa Đại Hồng Nhạn và Tiểu Hồng Nhạn, nơi Trần Huyền Trang dịch kinh nhưng không ai biết.

Theo các chú giải, Thái Tử Lương Chiêu Minh là con của Vua Lương Võ Đế (502-549) thời nhà Lương trong giai đoạn Nam Bắc Triều tại Trung Hoa. Vua Lương Võ Đế, theo truyền thuyết đã từng gặp Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma (đến TQ khoảng năm 520 sau tây lịch). Thái Tử Lương Chiêu Minh được cho là người học rộng và thích nghiên cứu. Ông là tác giả cuốn sách "Văn Tuyển."



一門父子多膠蔽，
一念之中魔自至。
山陵不涌蓮花臺，
白馬朝渡長江水。
楚林禍木池殃魚，
經卷燒灰臺亦圯。
空留無益萬千言，
後世愚僧徒聒耳。
吾聞世尊在靈山，
說法渡人如恆河沙數。
人了此心人自渡，
靈山只在汝心頭。
明鏡亦臺，
菩提本無樹。
我讀金剛千遍零，
其中奧旨多不明。
及到分經石臺下，
終知無字是真經。

梁昭明太子分經石臺

梁朝昭明太子分經處，
石臺猶記分經字。
臺基蕪沒雨花中，
百草驚寒盡枯死。
不見遺經在何所，
往事空傳梁太子。
太子年少溺菸文，
強作解事徒紛紛。
佛本是空不著物，
何有乎經安用分。
靈文不在言語科，
孰為金剛為法華。
色空境界茫不悟，
癡心歸佛佛生魔。

Phiên âm Hán-Việt:

Lương Chiêu Minh Thái Tử Phân Kinh Thạch Đài

Lương triều Chiêu Minh thái tử phân kinh xứ,

Thạch đài do kí "Phân kinh" tự.
Đài cơ vu một vũ hoa trung,
Bách thảo kinh hàn tận khô tử.
Bất kiến di kinh tại hà sở?
Vãng sự không truyền Lương Thái tử.
Thái tử niên thiếu nịch ư văn,
Cưỡng tác giải sự đồ phân phân.
Phật bản thị không bất trước vật,
Hà hữu hồ kinh an dụng phân?
Linh văn bất tại ngôn ngữ khoa,
Thục vi Kim Cương vi Pháp Hoa?
Sắc không cảnh giới mang bất ngộ,
Si tâm quy Phật Phật sinh ma.
Nhất môn phụ tử đa giao tế,
Nhất niệm chi trung ma tự chí.
Sơn lăng bất dũng liên hoa đài.
Bạch mã triều độ Trường Giang thủy,
Sở lâm họa mộc trì ương ngư,
Kinh quyển thiêu hôi đài diệc dĩ.
Không lưu vô ích vạn thiên ngôn,

Hậu thế ngu tăng đồ
quát nhĩ.

Ngô văn Thế Tôn tại Linh
Sơn,

Thuyết pháp độ nhân
như Hằng Hà sa số.

Nhân liễu thủ tâm nhân
tự độ,

Linh Sơn chỉ tại nhữ tâm
đầu.

Minh kính diệc phi đài,
Bồ Đề bản vô thụ.

Ngã độc Kim Cương
thiên biến linh,

Kì trung áo chỉ đa bất
minh

Cập đao phân kinh thạch
đài hạ,

Chung tri vô tự thị chân
kinh.

Đài Đá Phân Kinh Của
Thái Tử Lương Chiêu Minh

Nơi thái tử Chiêu Minh
phân kinh,

Đài đá còn ghi chữ "phân
kinh."

Hoa đại trong mưa phủ
nền hoang,

Trăm cây sợ lạnh mà
chết khô.

Không thấy kinh xưa ở
đâu cả?

Chỉ nghe huyền thoại thái tử Lương.

Thiếu thời thái tử thích văn chương,

Miễn cưỡng giải kinh cho lộn xộn.

Phật vốn là không chẳng vướng vật,

Còn có kinh gì để phân chia?

Văn thiêng không ở nơi ngôn ngữ,

Đâu là Kim Cương, là Pháp Hoa?

Cảnh giới sắc không mà chưa ngộ,

Tâm mê theo Phật Phật thành ma.

Một nhà cha con đều mù cả,

Ở trong một niệm ma tự đến.

Trong núi hoa sen không thể mọc,

Một sớm ngựa trắng vượt sông dài.

Rừng Sỡ cháy thiêu cá dưới ao,

Kinh đốt ra tro đài cũng sập.

Còn giữ làm chi muôn vạn lời,

Ngủ tăng đời sau tụng lại nhai.

Ta nghe Thế Tôn ở Linh Sơn,

Nói pháp độ người vô số kể.

Ai rõ tâm này thì tự độ,

Linh Sơn ngay tại nơi tâm mình.

Gương sáng không có đài,

Bồ đề vốn không cây.

Ta đọc Kim Cương cả ngàn lần,

Trong chỗ yên áo vẫn chưa hiểu.

Nay đến dưới đài đá phân kinh,

Mới biết chân kinh là vô tự.



Tranh của Họa sĩ Lê Anh Tuấn với 2 câu
thơ của thi hào Nguyễn Du trong bài *Độc
Tiểu Thanh Ký*.

Trong bài thơ này có câu,
"Một sớm ngựa trắng vượt
sông dài," là nói đến tích
truyện lúc Thái Tử Tất Đạt Đa
trong đêm khuya vượt thành
Ca Tỳ La Vệ vào núi tu hành.
Ngựa trắng là con bạch mã
mà Thái Tử cỡi phóng qua
dòng sông dài Anoma trong
đêm Thái Tử đi tìm đạo.

"Linh Sơn" là núi Linh
Thứu, tiếng Pali là Gijjhakuta,
tiếng Phạn là Grdhrakūṭa,
dịch tiếng Anh là The Vulture
Peak, tức là cái đầu của con
kên kên, vì đỉnh ngọn núi này
ở xa trông giống cái đầu của
chim kên kên. Núi này nằm ở
Thành Vương Xá (Rajagaha)
ngày xưa lúc Đức Phật còn
tại thế mà ngày nay là Rajgir
thuộc tiểu bang Bihar của Ấn
Độ. Nơi đây Đức Phật đã
giảng Kinh Diệu Pháp Liên
Hoa hay gọi tắt là Kinh Pháp
Hoa. Kinh này Đức Phật nói
rõ tất cả chúng sinh đều có
Phật tánh và có khả năng
thành Phật.

"Gương sáng không có
đài/Bồ đề vốn không cây," là
hai câu thi hào Nguyễn Du
trích từ bài kệ ngộ đạo của
Lục Tổ Huệ Năng: "Bồ đề bản
vô thụ/Minh kính diệc phi
đài/Bổn lai vô nhất vật/Hà xứ

nhã trần ai," [Bồ đề vốn không cây/Gương
sáng cũng không đài/Xưa nay không một vật/
Bụi trần bám chỗ nào].

"Phân Kinh Thạch Đài" là đài xây bằng đá
để ghi lại dấu vết nơi đây ngày xưa Thái Tử
Triều Nhà Lương là Chiêu Minh đã dùng nơi này
để phân giải chú thích kinh Phật. Cho nên,
trong nguyên tác chữ Hán của bài thơ, Nguyễn
Du dùng chữ "cưỡng tác giải sự," tức là cưỡng
ép làm việc phân tích hay giảng giải kinh. Đây
chính là trọng tâm phê phán của Nguyễn Du
đối với cha con nhà họ Lương - Lương Võ Đế
và Lương Chiêu Minh.

Thi hào Nguyễn Du đứng trên lập trường
phá chấp của Kinh Kim Cương, hay nói cách
khác là ông đã quán chiếu việc "phận kinh" của
Thái Tử Chiêu Minh bằng trí tuệ liễu ngộ tánh
không của các pháp mà đức Phật đã dạy trong
Kinh Kim Cương. Kinh nói rằng:

Nhất thiết hữu vị pháp

Như mộng huyền bào ảnh

Như lộ diệc như điện

Ứng tác như thị quán.

Đức Phật dạy rằng, "Hãy quán chiếu tất cả
các pháp có tạo tác, hay pháp hữu vi, đều là
không thật có như giấc mộng, như trò huyền
hóa, như bọt nước, như sương mai và như điện

chóp.” Tất cả những thứ này vốn là không có, nhưng con người chấp là thật, nên bị chúng trói buộc trong vòng tử sinh khổ não.

Như thế tất cả các pháp rốt ráo đều không, kể cả kinh Phật, kể cả niết bàn. Cho nên trong Kinh Đại Bát Nhã, ngài Tu Bồ Đề nói với Trời Đế Thích đại ý rằng là nếu có pháp nào cao hơn niết bàn thì ngài cũng đều nói là Không. Vậy thì còn có pháp gì, có kinh nào để mà phân tích hay giảng giải?

Đó chính là thâm ý cốt lõi của bài thơ “Phân Kinh Thạch Đài” của thi hào Nguyễn Du. Đây cũng chính là tông chỉ của Thiền. Cho nên, từ thời Lục Tổ Huệ Năng trở xuống Thiền Tông lấy Kinh Kim Cương làm gốc. Lục Tổ Huệ Năng cũng nhờ nghe Kinh Kim Cương mà ngộ đạo. Sau đó mới đến Hoàng Mai cầu pháp với Ngũ Tổ Hoảng Nhẫn. Bởi vậy, thi hào Nguyễn Du mới hỏi:

*“Phật bản thị không bất trước vật
Hà hữu hồ kinh an dụng phân?”*

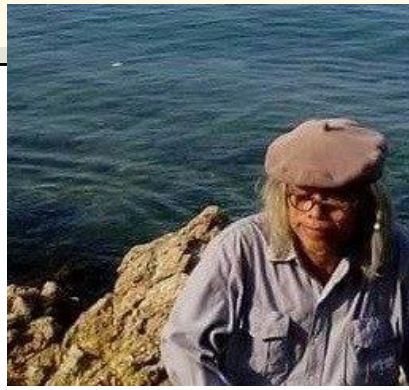
Phật vốn là không không dính vào bất cứ pháp gì cả. Thế thì còn có kinh nào để mà đem ra phân tích giảng giải?

Sở ngộ cao thâm của thi hào Nguyễn Du đối với Thiền nằm trong câu thơ này: “Nhất niệm chi trung ma tự chí,” có nghĩa là chỉ trong một niệm thì ma tự đến.

Niệm là ý niệm, ý tưởng, mong tâm. Tâm khởi lên là niệm. Đã có một niệm khởi lên thì ắt có muôn nghìn niệm khởi theo. Điều đó không có nghĩa là tu bằng cách làm cho tâm thành gỗ đá. Khởi niệm ở đây là móng tâm, phân biệt, vướng mắc. Nguyễn Du nói “Phật bản thị không bất trước vật.” Tâm Phật, tâm giác ngộ vốn rỗng rang vô ngại không dính mắc vào đâu cả. Tâm không dính, không mắc, không vướng vào bất cứ pháp nào, cho dù đó là pháp thế gian hay pháp xuất thế gian, là pháp tục đế hay chân đế. Tâm ấy là Phật. Tâm ấy là giác ngộ. Tâm ấy là giải thoát.

Đọc Kinh Phật là để liễu ngộ tâm Phật, tâm giác ngộ chứ không phải để dính mắc, bám víu vào chữ nghĩa để rồi bỏ mất nghĩa lý siêu việt trong Kinh. Vì vậy mà thi hào Nguyễn Du nói “Chung tri vô tự thị chân kinh.” Cuối cùng rồi mới biết “vô tự” mới đích thị là chân kinh. “Vô tự” mà Nguyễn Du nói ở đây giống như “vô niệm” của Lục Tổ, tức là không dính mắc, không cố chấp vào văn tự của kinh, chứ không phải là kinh không có chữ.

Đọc Kinh Phật để giác ngộ Phật tâm rỗng rang tự tại chứ không phải để phân chấp. Thi hào Nguyễn Du muốn nhắn nhủ chúng ta như thế trong bài thơ “Phân Kinh Thạch Đài” này.



THÚY KIỀU, CUNG ĐÀN VI DIỆU

*Mười lăm năm hồi Thúy Kiều
Chút thân bèo bọt trôi hiu hắt sầu
Đoạn trường chìm giữa biển dâu
Lệ tràn thông chảy ngập cầu nhân gian
Chết đi sống lại bằng hoàng
Xiết bao khó lụy đây oan khóc rồi
Chỉ vì nặng nghiệp tình thôi
“Cõi nguồn cũng ở lòng người mà ra”
Qua mùa địa ngục bỗng à
“Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”
Kiều về thờ nhẹ khoan thai
Cung đàn Bát nhã hát bài Tâm kinh.*

NGUYỄN DU ĐẠI THI HÀO DÂN TỘC

*Ngựa hí giang hồ reo xuôi ngược
Đường xa rong ruổi núi sông bồng
Nắng vàng Can Lộc phơi phơi trái
Rải xuống bông tênh bên Nghi Xuân
Chừng nghe đồng vọng lời thi sỹ
Tiếng Nguyễn Du vang thoảng giọng cười
Vời trông Hồng Lĩnh chiều miên viễn
Phiêu hốt hồn say Tố Như ơi!
Kim Cang Bát Nhã nghìn lần đọc
Chuyển rung cung bậc khúc đoạn trường
Thập loại chúng sinh đều cảm mộ
Khô để trần gian thương xót thương
Trăm năm trong cõi người ta đó
Gởi tâm lòng thơ mở uyên nguyên
“Mãn cảnh giai không hà hữu tướng
Thử tâm thường định bất ly thiền”*

thơ **TÂM NHIÊN**

CỘNG ĐỒNG CÁC TẾ BÀO

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



Y KHOA PHỔ THÔNG

Hầu như mọi khám phá đều là kết quả của nhiều người. Tuy nhiên, đôi khi mọi người có thể tưởng tượng ra bước nhảy vọt và thay đổi sự suy nghĩ của chúng ta về một vấn đề mà từ nhiều năm tưởng như đã thực hiện. Do đó có hai người, một Pháp và người kia Đức đã thay đổi cách nhìn của chúng ta về căn bản của đời sống: tế bào.

Claude Bernard

Hoài bão lớn nhất của sinh viên dược khoa Bernard là trở thành một kịch tác gia. Ít nhất là một trong những vở kịch của anh, *Rose du Rhone*, đã được trình bày ở Lyon vào năm 1833 khi vừa đúng 20 tuổi; nhưng sau khi anh hoàn tất kịch bản năm màn Artur de Bretagne thì một nhà phê bình khuyên anh ta là nghề chính của anh phải là y khoa và các nghiên cứu về y học.

Đón lên Paris, anh trở thành sinh viên của nhà sinh lý học Francois Magendie tại Collège de France. Magendie là người rất cuồng tín khi ông ta bác bỏ tất cả các thuyết trước đây và chỉ tin vào những gì mà mắt mình chứng kiến; nhất là những gì liên hệ tới sự mổ động vật và cả trăm con vật bị tiêu hủy do bàn tay anh ta. Bernard đi theo chủ trương của thầy mình; và ngoài ra vợ anh ta đã hỗ trợ cho hội Royal Society for Prevention of Cruelty to Animals.

Năm 1865, trong bài viết *Introduction to the Study of Experimental Medicine*, Bernard đặt ra một hệ thống mà kết luận chỉ có thể lấy ra từ những thí nghiệm và các thí nghiệm này sẽ dẫn tới các câu hỏi khác và thí nghiệm khác. Không có căn bản cho lý thuyết thuần túy trong việc làm của ông ta.

Sau mấy năm, hơn 300 báo cáo và sách mà ông ta phát hành vào các năm 1834 và 1878 đã đóng góp rất nhiều trong nhiều lãnh vực. Trong nghiên cứu về sự tiêu hóa và chuyển hóa chất carbohydrate, ông đã chứng minh rằng giống như thực vật, động vật cũng có thể tổng hợp các chất phức tạp. Trước đây người ta đã nghĩ rằng động vật chỉ tiêu hóa chất béo, đường và chất thịt. Ông tìm ra rằng, gan cũng sản xuất mật và tạo ra glucose với sự trợ giúp của glycogen. Sau này gan lại chuyển glycogen ra glucose. Ông ta cũng

nghiên cứu về nhiệm vụ tiêu hóa của chất tiết từ tụy tạng; chúng phân hóa chất béo ở tá tràng ra fatty acid và glycerol và các chất này cũng sẽ được hấp thụ.

Bernard cũng nghiên cứu về mạch máu và làm sao mà đường kính của chúng lại được điều khiển của dây thần kinh. Thêm vào đó, qua nghiên cứu của mình về khí carbon monoxide, ông ta tìm thấy rằng những phần tử đó đã mang oxy từ phổi tới khắp cơ thể.

Tuy nhiên, hoàn tất chính của Bernard là khái niệm không thay đổi của môi trường bên trong mà các tế bào sinh sống. Tế bào là những đơn vị chính đang sống do Theodor Shwann tìm ra năm 1839. Toàn bộ cơ thể con người, theo Bernard, không cần phải thích nghi với môi

trường xung quanh luôn luôn thay đổi để sống. Nhưng chất lỏng nuôi dưỡng các tế bào, tức là máu và bạch huyết, phải thay đổi. Các sự kiện này được thực hiện bằng cách thay đổi lượng nước mà chúng có, điều hòa nhiệt độ qua ứng đỏ và đổ mồ hôi, thay đổi nồng độ của oxygen và huyết áp và thay đổi về máu. Quan niệm này ngày nay là căn bản cho điều trị cấp cứu và rất quan trọng trong việc giải phẫu.



Trong những năm cuối của đời mình, Bernard bị nhiều cơn bệnh quấy rầy mà ông ta gọi là rối loạn về môi trường bên trong và ông ta cũng nói là nước Pháp nhượng bộ trong cuộc chiến Franco-Prussian năm 1878 là nguyên nhân sự kém tiêu hóa của ông. Khi ông chết vào năm 1878, quốc gia Pháp đền bù bằng cách quốc tang ông, một khoa học gia danh tiếng đầu tiên của nước Pháp có được danh dự này.

Rudolf Virchow

Con trai của một nông trại Pomeranian, Virchow có thể được coi là "người đàn ông của thời kỳ Renaissance", nhiều vấn đề đã được ông lưu tâm và hoàn tất. Sau khi tốt nghiệp vào năm 1843, ông làm việc như một nhà bệnh lý học ở Bá Linh và thành lập một tạp chí y học mà ngày nay được gọi là, và để vinh danh ông, Virchow's Archiv. Năm 1848, năm của cuộc cách mạng, ông được gửi tới Silesia để điều tra về một trận dịch lây nhiễm gây sốt. Báo cáo của ông buộc tội chính phủ về điều kiện nơi đó và từ chối cung cấp cho dân chúng Ba Lan mấy tiện nghi tối thiểu. Chính quyền liền cấm ông ta tới Berlin. Virchow bèn dọn sang Wurzburg và làm giáo sư về bệnh lý học cho tới khi ông trở lại Berlin vào năm 1855 và bắt đầu nghiên cứu về tế bào.

Khi Theodor Schwann đã tìm ra các tế bào vào năm 1839, ông ta nghĩ rằng chúng sinh ra một cách tình cờ từ một chất mà ông gọi là mầm gốc "blastema." Nhà bệnh lý học Carl von Rokitansky ở Vienna, người đã hoàn tất và diễn tả hơn 30,000 trường hợp mô tử thi, cho rằng những điều kiện ảnh hưởng tới máu đã gây ra mầm gốc blastema để tạo ra các tế bào bất thường gây bệnh – một lý thuyết thực ra chỉ là bốn thể dịch và đã bị bỏ được danh tiếng của Rokitansky.

Bây giờ thì Virchow lại khám phá ra rằng "mỗi tế bào do một tế bào sinh ra: tất cả tế bào đều sinh ra từ một tế bào, trứng thụ tinh mà chính nó đều do những tế bào của cha mẹ, tổ tiên cho. Các tế bào này mà ông ta gọi là – dùng danh từ chính trị – một tế bào dân chủ hoặc cộng hòa của các tế bào – trong đó vài tế bào được xếp vào giai tầng xã hội và các bộ phận hoặc mô bào là lãnh vực riêng. Ông ta còn nói thêm rằng tất cả những thay đổi đều diễn ra trong một tế bào và các tế bào này được nhân lên qua sự phân bào.

Virchow công bố kết quả sự tìm kiếm của

ông trong tác phẩm Cellularpathologie vào năm 1858 và từ đó mỗi bệnh đều được xét khác nhau. Không còn bộ phận được coi như bệnh; và mọi người đều hiểu rằng diễn tiến đó vẫn tiếp tục trong mỗi tế bào của mỗi bộ phận được sinh ra.

Lý thuyết của Virchow về nguồn gốc các tế bào đều quan trọng với y học, nhưng những ý tưởng của ông ta về làm sao bệnh bắt đầu, trong khi chúng công hiệu trong việc tả những gì đã xảy ra với ung thư, đều không đủ để giải thích nhiều hoàn cảnh khác. Thí dụ ông ta tập trung nhiều nhất vào các việc xảy ra trong tế bào mà không đã động gì tới điều đã ảnh hưởng tới các yếu tố bên ngoài. Vấn đề là Virchow bị quan với lý thuyết về vi trùng của Pasteur, mà nguyên nhân chính là ông e ngại sẽ nhắc lại khái niệm về bệnh như một thực thể

sống mà điều này sẽ tán dương và gây hiểu lầm cho các bác sĩ.

Trong khi nhiều nhà nghiên cứu y học hoan nghênh những khám phá của ông thì cũng có người khác lại chỉ trích. Virchow tiếp tục công việc làm của mình, tả bệnh ung thư bạch cầu lần đầu tiên, tập hợp và phân loại hơn 23,000 mẫu xét nghiệm, nghĩ ra dấu hiệu thứ năm của viêm nhiễm và các việc quan trọng khác.

Vì đã giữ lập trường tự do từ khi còn sống ở Silesia, ông ta thành lập Progressive Party và trong nhiều năm dẫn đầu tổ chức này. Năm 1860, ông được bầu vào Prussian Parliament. Nơi đây ông đã tranh luận với Bismarck và gần như sắp sửa đưa tới độ súng và từ năm 1880 tới 1893, ông là

một thành viên của Reichstag nơi đây ông là quán quân về cải cách xã hội và y tế cộng đồng. Trong khi rảnh rỗi, ông tiếp tục nghiên cứu về nguồn gốc trẻ em nước Đức cũng như về xâm chàm, đào giếng và các vấn đề khác. Đến năm 1879, ông đi theo Heinrich Schliemann đến các khu khai quật mà họ cho là thành Troy và viết một cuốn sách về những gì đã thấy.

Ngày sinh nhật của Virchow vào năm 1901, khi 80 tuổi, được cử hành như một ngày nghỉ quốc gia và một năm sau khi ông mất vì bệnh tim thì ông, cũng giống như Bernard, được cử hành quốc táng.



Rudolf Virchow
(1821–1902)

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.nguyenyduc.com

XIN ĐƯỢC PHÉP CHỐI TỪ MỘT MÙA XUÂN

tôi bắt đầu xa lạ với chính tôi ?
xa lạ với những câu thơ tình mật ngọt
thứ mật ăn cắp của những con ong suốt đời lặn lội
mang về nuôi cả thầy bà đàn
tôi giết mình trong cái bình an
cái bình an của chính mình đang trở thành tội ác
hoa và em không có lỗi
khi nở hồng trước mùa xuân
nhưng cô gái ngày hôm qua bị truy đuổi
vì một lần xuống đường
cũng không có tội
xin hãy bắt giam sự bình an của tôi
xin tha cho tôi những đèn hoa kết trên phố thị
xin được phép chối từ một mùa xuân
cô gái xuống đường hôm qua bây giờ ở đâu?
những trận đòn thù
cuộc truy đuổi đến tận cùng
nhân danh bình an
sự sợ hãi đã vẽ ra những mặt người méo mó
không thể nhân danh bất cứ cái gì để làm bản đất trời này
không thể nhân danh bất kỳ cái gì để đánh vào một con người
nếu còn muốn bắt giam
xin bắt cả tôi
gã làm thơ và những câu thơ tình đã trở thành tội ác



thơ

TRẦN THIÊN THỊ

9.01.2017

Hình của Lê Anh, chỉ có tính cách minh họa.
Cô gái trong hình là Trịnh Kim Tiến, trong một cuộc
biểu tình tại Hà Nội năm 2018, đeo trên người dải
băng "Hoàng Sa, Trường Sa Việt Nam..."

Truyện cực ngắn

STEVEN N.



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

THIÊN LÂM TÂN TRUYỆN

Xứ nam Xiêm xưa nay nổi tiếng mộ Phật, chùa viện khắp nơi, tăng sĩ đạo cao đức trọng, nhiều bậc xứng danh tông lâm thạch trụ. Vậy mà đời hiện đại suy vi quá thể, nhiều kẻ mang hình tướng tăng mà tâm thì ma mãnh. Vừa rồi có kẻ khoác cà sa làm chuyện bại hoại dâm ô, tống tình... báo chí phanh phui thì y chống chế:

- Ma nữ gài bẫy, báo chí tống tiền ta!

Tiếng đời thị phi chịu không thấu, y xin hoàn tục với điều kiện:

- Tôi được giữ lại toàn bộ đất đai và tiền bạc.

Sự thể thế nào chưa biết nhưng bậc thức giả cảm khái:

- Phật dạy buông thì y ôm vào, dạy xả thì y gom góp, tài sắc không bỏ được món nào, cũng vì y và những kẻ như y mà có thêm chuyện mới cho rừng thiên.

NHỊ LỰC

Thầy giảng kinh, nói pháp về pháp môn Tịnh Độ:

- Ngoài tự lực chính mình còn có tha lực nữa, cứ thật thà mà tu thì việc gì cũng thành!

Nhiều người khoái lắm, có kẻ còn nói:

- Ta tu tà tà, mai kia có tha lực sẽ được rước về Tây Phương.

Thầy thất kinh:

- Xin quý vị chớ hiểu lầm, chớ ngồi đó mà đợi Phật đến rước đi! Tự lực là các vị phải

tụng kinh, niệm Phật, thanh lọc tâm, làm lành lánh dữ... tha lực là sự giảng dạy, hướng dẫn của thầy, sự phục vụ ăn uống của quý bà quý cô, sự sắp đặt mọi việc trong ngoài cho mọi người an tâm tu học... đừng cho rằng Phật là ông thần có phép đưa rước ta đến Cực Lạc mà sanh tâm tà vậy!

TẾT CÔNG GÔ

Chú Bảy về quê ăn tết, ghé thăm bà con khắp nơi, tiện thể đến nhà thằng cháu chơi. Chú Bảy thấy nào là xe máy, máy tính, điện thoại thông minh, giàn karaoke... đủ thứ hết, bèn khen:

- Chú mừng cho cháu, làm ăn khá giả, sắm sửa phương tiện hiện đại không kém gì thiên hạ.

Thằng cháu thật thà:

- Toàn đồ Tàu không đó chú! Tuy hàng dỏm, hàng nhái chất lượng không cao nhưng giá rẻ. Nhờ đó mà cháu cũng như người nghèo mới tiếp cận được văn minh bên ngoài, nếu mà chờ hàng chính hãng thì có mà đến tết Công Gô.

YÊU GHÉT

Hai người bạn chơi thân với nhau, ngọt nổi người thì theo cựu trào, kẻ thì theo tân phái. Vì thế mà nhiều lúc họ cãi nhau lớn, một lần tranh luận chuyện sử cũ. Một người bảo:

- Thực dân Pháp xâm lược nước ta, hại dân ta.

Người kia bảo:

- Đúng thế nhưng cũng có họ mà ta mới tiếp cận được văn minh hiện đại, hãy xem những công trình họ làm đã trăm năm mà vẫn sử dụng tốt: hoả xa, quốc lộ, cầu cống, dinh thự... Còn những công trình hiện nay ta làm thì chưa xài đã hư.

Người kia gắt:

- Anh tự diễn biến hoặc là nhiễm luận điệu chống phá của bọn phản động, ca tụng giặc, bôi nhọ triều đình.

Người kia khẳng định:

- Yêu ai cũng biết cái xấu của họ, ghét ai cũng phải biết cái tốt của họ ấy mới là người trí vậy.

ĐỒNG

Y là tay có số má trong hàng ngũ mật vụ, lại có thể lực lớn trong hàng tai mắt của triều đình. Một tay y đặt để bao nhiêu người, giới quan trường sợ y hơn sợ cọp. Y không chừa thủ đoạn nào để vợ vét tài sản, hối mại quyền thế, ăn chơi khét tiếng... Không biết y sợ quý thần hay có lòng tin mà cũng đi chùa, cúng dường bạc tỉ, lại còn mạnh miệng ca tụng thầy y ngang Phật:

- Đồng đức, đồng năng, đồng giải, đồng hành, đồng hạnh, đồng huệ, đồng tử...

Thời thế thay đổi, y bị lột chức, gia sản tịch biên. Bọn đàn em và quan trường cùng

vây cánh bị hốt hết. Bọn viết báo
nhớ lời y bèn chế nhạo:

- Đồng đảng, đồng triều, đồng
chí, đồng tham, đồng tiền, đồng
loạn, đồng phạm...

ÔNG TRÙM XỨ MÌNH

Chuyện y còn lùm xùm lắm,
kẻ chống người bèn, kẻ yêu người
ghét, bởi vậy có nơi thì phong
thánh có chỗ thì kết là tội đồ. Vì
vậy thiên hạ cũng chia hai, tổn bao
nhiều bút mực. Một hôm có cuộc
thảo luận, một người hỏi:

- Giết ân nhân gọi là gì?

Bên dưới trả lời:

- Vô ơn

Lại hỏi, giết người vô tội gọi
là gì?

Thính giả bảo:

- Vô nhân tính

- Không tin trời đất, phi báng
thánh thần gọi là gì?

- Vô thần - mọi người đồng
thanh

Người ấy toan hỏi nữa nhưng
bên dưới nhiều tiếng la to:

- Không cần nói nữa, chúng
tôi rõ rồi!

XỨ SỞ MA CÀ RỒNG

Trần gian này có nhiều quốc
độ danh tiếng xinh đẹp, lại có một
quốc độ mà nhắc đến ai cũng sợ sợ,
đó là xứ sở ma cà rồng. Xứ ấy có
nhiều hoa hồng nhưng ma cà rồng
lại chọn nơi đó làm hang ổ. Cuộc
đấu giữa các thầy tư tế và ma
vương bất phân thắng bại, đã nhiều
đời giằng co nhưng chẳng thể nào
kết thúc. Một hôm vị trưởng tư tế
gởi thông điệp cho ma vương:

- Người trao cây gậy quyền
lực ấy cho ta, ta sẽ để cho người
yên thân.

Ma cà rồng chúa tin lời, bèn
giao gậy quyền lực, nào ngờ vừa
mất gậy là thầy tư tế phản đòn bắt
ma chúa đóng vào cũi sắt. Ngồi
trong cũi ma cà rồng hận loài người
than:

Người gạt ma nói lời gian trá

Người hại người đồ vấy cho ta

Trắng đen phải quấy tưởng là

*Nhập nhằng giới tánh rằng ma
với người*

STEVEN N
Georgia, 1/2020

ĐỒNG TÂM

*Đồng Tâm giữ lấy đất này
Quan nha là giặc cướp ngày lẫn đêm
Đồng Sinh máu chảy ruột mềm
Ơn thì chẳng trả oán thêm chất chồng
Đất đai, nhà cửa, ruộng đồng
Thủ Thiêm, Tiên Lãng... máu hồng đổ ra
Hoàng Sa biển cả bao la
Giặc Tàu cướp lấy không ra giữ gìn
Quân xa, lựu đạn, bom mìn
Tấn công làng giữa thời bình góm thay!
Dân nuôi bọn chúng mập thây
Quan quân cướp đất hại ngay đồng bào
Tiếng oan chẳng thấu trời cao
Người lo liệu lấy lối nào mà đi*

...

thơ HIỀN NGUYỄN



*Cụ Lê Đình Kinh được người dân Đồng Tâm thương yêu, đùm
bọc khi từ bệnh viện về (Hình: Tuổi Trẻ chụp tháng Tư, 2017—
trích lại từ Người Việt Online).*

Ngày 09.01.2020, cụ Lê Đình Kinh bị quân đội và công an
CSVN giết tại tư gia trong một chiến dịch bao vây, tấn công dân
xã Đồng Tâm. Tang lễ cụ được cử hành ngày 13.01.2020 tại xã
Đồng Tâm, huyện Mỹ Đức, Hà Nội.

Ma Hời

TIỂU LỤC THẦN PHONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Mặt trăng tròn vành vạnh treo trên đỉnh tháp; từ bốn phương nhìn lên đời cứ ngỡ một đài gương khổng lồ vậy. Ánh trăng bàng bạc như sữa loang khắp sơn hà, lại như tơ óng ả giăng mắc khắp đất trời. Làng Lộc Thọ dường như đã chìm sâu trong giấc ngủ, tiếng côn trùng rả rích như khúc hoà tấu của giàn giao hưởng tự nhiên.

Phủ Nàng Hai dưới chân đồi đuốc sáng lập loè dưới trăng. Cả vùng này là lãnh địa thuộc phủ. Bọn ca nữ ca hát véo von, tiếng trống baranưng tom tom giòn giã, tiếng kèn ống như thổi miên lầy người nghe. Cả phủ tưng bừng đêm hội trông trăng. Bất chợt Nàng Hai ra dấu hiệu bảo mọi người dừng lại và lắng nghe.

- Dường như trong gió có tiếng khóc nỉ non? Có ai đó xâm nhập lãnh địa của ta chăng?

Nói xong Nàng Hai cho thị vệ đi khám xét. Chừng dập bả thuốc, bọn chúng dặt về một cô gái chừng đôi mươi, xiêm y tha thướt, dáng người thanh vận, gương mặt đẹp nả nùng, vẻ đẹp liêu trai huyền hoặc rất thiên kiều bá mị... Nàng Hai

giật mình tự nhủ: "Chốn này có người đẹp đến thế sao?" Ngẩn ngơ giây lát, Nàng Hai nói:

- Cô là ai? có sao đêm trăng đến lãnh địa của ta khóc than ai oán đến vậy?

Cô gái thút thít khẽ thưa:

- Tâu quận chúa, tôi là kẻ tội đồ lạc loài lỡ phận, hoàn cảnh đẩy đưa bước chân vô định lạc đến đây, không biết đây là phủ của quận chúa, xin quận chúa tha tội.

- Cô hãy khai rõ thân phận xem sao - Nàng Hai nói.

- Thiếp tên Tiểu Lan, vốn con nhà nghèo ở phía Đông tháp này, vì có chút nhan sắc nên được gả bán cho nhà họ Chế lập đàn cầu đảo suốt ba ngày đêm liền. Thiếp cùng các ca nhi khác được cho uống rượu say bí tỉ, sau đó bọn họ nhét vào miệng mỗi người một củ linh sâm ngàn năm và đem tuấn tang dưới

chân tháp này. Trong huyết đao có mộ phần nhà họ Chế, cất giấu vô số vàng bạc châu báu và đồ tế khí. Bọn thiếp bị yểm trong huyết mộ, trở thành thần giữ của cho chủ nhân. Bọn thiếp trong huyết mộ cả nghìn năm rồi, không sống mà cũng chẳng chết. Huyết mộ trải qua binh đao loạn lạc cùng thiên tai nhưng chẳng hề hấn gì. Mãi cho đến năm Canh Dần, bọn trộm mộ khoét thủng quách, phá quan. Chúng lấy hết vàng bạc châu báu và gỡ luôn miếng bùa yểm bằng lưới vàng ròng trên mặt thiếp, nhờ thế mà thiếp thoát ra khỏi huyết mộ này. Kể từ đó thiếp vất vưởng khi đồng hoang bờ bụi, khi tá túc dưới hiên tháp rày đây mai đó... cho đến hôm nay thì lạc bước vào phủ quận chúa vậy!

Nàng Hai ngâm ngùi:

- Kể cũng đáng thương thật! Người ta bảo hồng nhan bạc phận, không có phận nào giống phận nào, cùng sinh ra kiếp đàn bà, phần nhiều đều chịu thiệt thòi và đau khổ. Giờ cô tính sao?

- Thân thiếp người khác chiếm, hồn thiếp người khác đoạt, thiếp như chiếc lá bay trong gió bụi còn biết tính được sao?

- Vậy thì cô hãy ở lại đây nếu muốn - Nàng Hai nhẹ nhàng nói.

Nghe thế, cô ta sụp lạy tạ ơn Nàng Hai và thưa:

- Tạ ơn quận chúa đã có lòng bao dung, thiếp xin đem thân hầu quận chúa.

Đêm hội trông trăng trở nên lắng xuống, buổi tiệc dở dang. Bọn thị nữ trong phủ lặng cả người, cái khổ của bọn họ



xem ra không ăn thua gì so với cái khổ của nàng ma nữ mới đến; cả nghìn năm rồi, không sống mà cũng chẳng chết! Ai cũng suy tư theo đuổi ý nghĩ riêng của mình. Những ngọn đuốc dường như cũng cảm thông nên chấp chờn lung linh. Bóng trăng càng về khuya càng đặc quánh lại như dòng ánh sáng sữa, lại như tơ trằm lấy cảnh vật quanh phủ. Nàng Hai dịu dàng cất tiếng:

- Ta vốn con gái thị tộc Cau, mười sáu tuổi về làm vợ Chế quận công. Nhà họ Chế danh giả nhất vùng, của cải nhiều vô số, quân binh và kẻ hầu người hạ đông nhất thiên hạ. Những tướng vậy là phúc lớn nhưng có ai thấu nỗi khổ của ta. Quận Chế vốn hào hoa nhưng lại là tay đoan tụ bạo dân, đêm tân hôn của ta biến thành địa ngục kinh hoàng. Quận Chế trối ta và dùng roi da quất đến tứa máu. Y lại treo ngược lên xà nhà, y xé áo quần ta, y dày vò ta với những trò quái đản mà một cô gái mới lớn không sao tưởng tượng nổi. Y hành hạ ta cho đến tàn canh mới thôi! Sáng hôm sau y quỳ dưới chân xin lỗi và nuông chiều ta. Ta những tưởng nhất thời nên gặt đầu tha thứ, nhưng nào ngờ sau đó lại tiếp tục tái diễn. Ta khóc cạn nước mắt, toan tính cả quyền sinh . Đời con gái mới lớn, trong trắng thanh tân lại gặp phải cảnh kinh hoàng như vậy! Thế rồi ta cần thai, kể từ đó coi như thoát khỏi cảnh ân ái của ác quỷ. Chế quận công vẫn thường đi sẵn lưng bọn đồng nam đưa về phủ mà hành lạc. Y mua con nhà nghèo khổ về với danh nghĩa làm nô bộc nhưng thực chất là nô lệ tình dục. Thịnh thoàng ta cũng có nghe nói hoặc chính tại ta nghe tiếng thét của bọn đồng nam nhưng không ai dám hé răng, có đôi khi người ta báo có đứa đồng nam mất tích... nhưng tất cả rơi vào im lặng đáng sợ! Suốt cuộc đời ta, những lần ân ái đếm không đủ mười đầu ngón tay, nhưng cứ mỗi lần nghĩ đến ta còn sợ sồn cả đá. Sống trong nhung lụa của phủ

nhưng lòng ta héo hon, có những đêm trắng cái cảm giác cô đơn nó giày vò ta, sóng tình khao khát nổi lên... ta ngồi dưới trăng đêm mà tê tái cõi lòng. Thế rồi một năm kia, Đại Việt tấn công đến đây. Chế quận công chết trận, ba vạn thủ cấp quân binh bị chém. Ta và toàn bộ thị tì bị bắt và đem chia cho các tướng Đại Việt. Ta không chịu ô nhục nên nhảy xuống sông tự vẫn, một số thị tì khác cũng chết theo. Mất thân rồi, ta dễ dàng tìm về chốn cũ nương náu. Phủ Chế quận công ngày xưa huy hoàng lắm, giờ bị đốt phá tan hoang, mồ mả vỡ toang, riêng ngọn tháp này vẫn còn sừng sững dù có bị loang lổ tang thương.

Nàng Hai dứt lời, giọt lệ nhẹ rơi. Cô Tiểu Hương, thị tì thân cận dâng mảnh khăn lụa để Nàng Hai lau lệ. Nàng Hai lại nói:

- Thôi, chuyện ngày xưa đủ rồi, giờ ta trở lại tiệc đêm trăng này!

Bọn nhạc công lại gõ trống, tiếng trống nghe vọng lại tựa ngàn xưa; tiếng kèn sao nào nuốt quá, không còn vui như thuở ban đầu; lời ca của ca nhi cũng não nùng như nỗi lòng của người oan phụ, lại ni non ai oán như khúc ca vong quốc.

Bất chợt tiếng gà râm rân gáy từ hướng làng Lộc Thọ. Nàng Hai cùng cả bọn ma nữ giật mình đứng dậy. Cả bọn lập tức biến mất, một làn sương khói mỏng manh mờ hồ bay lên trên tháp.

Người làng Lộc Thọ lục tục thức dậy, kẻ nấu cơm ra đồng, người đi phiên chợ bên kia sông. Mặt trời lên nhuộm đỏ cả tháp và ngọn đồi. Bọn trẻ chăn bò làng Lộc Thọ lùa bò đi ngang qua khu gò mà dưới chân đồi. Chợt thảng An reo lên:

- Nhìn kìa tụi bay! Hũ, lu, bình, chén... ai bỏ tùm lum kia.

Thằng Tịnh có vẻ chững chạc, rành rõi:

- Đồ Hời đó! Bị ếm rồi,

lấy về xui xẻo lắm!

Thằng Thảng cãi:

- Xui gì mà xui, lấy về để ngoài sân làm chậu kiếng, hoặc để chứa thức ăn cho gà vịt cũng tốt.

Thế rồi cả đám nhao nhao lựa những món nào còn tương đối lành lặn, ít sứt mẻ đem giấu vào mấy bụi duối, dú dẻ quanh đó. Đến trưa về ăn cơm sẽ mang theo.

Bà Tám le te đi chợ về, kéo ông Tám lại xì xầm:

- Nay tui đi chợ, người ta đồn: "Đêm qua ông Bảy Xì ra vườn hái, thấy đuốc ma Hời xanh lè, dễ chừng có mấy mươi ngọn luôn, lại nghe tiếng hát ni non nên sợ xanh mặt, không kịp kéo quần chạy ngược vô nhà đắp mền nằm run như cây sậy, giờ còn sáng thần, hăm hấp sốt."

Ông Tám xì một tiếng:

- Tưởng chuyện gì? Đuốc ma Hời đêm trăng xưa nay thấy hoài, nhiều người thấy chứ mình chả thấy sao? Hời cha còn sống, cha kể có đêm trăng cha thấy ma Hời kéo binh lên trăng cả ngọn đồi kìa!

Bà Tám lắc đầu, lè lưỡi:

- Nếu tui mà gặp chắc chết điếng mất, ông có ra vườn hái giữa đêm thì hãy cẩn thận!

Ông Tám không ừ hử, uống cạn chung rượu Bầu Đá rồi ngâm:

*Lập lòe xanh đuốc ma Hời
Ni non tiếng hát bên trời
tiếc thương*

*Mặt mờ vết cũ màn sương
Đồi hoang tháp lở miếu
đường quanh hiu*

*Ngọn cờ lay lắt liêu xiêu
Cung nga thể nữ mỹ miều
xương khô*

*Công hầu chung một năm
mồ*

*Tàn canh trăng lạnh cơ đồ
khói bay*

*Ngàn đời khóe mắt còn cay
Cô phong đỉnh tháp thẳng
ngày phể phong*

...

Chợt thảng An lùa bò về đến cổng reo:

- Ba ơi! Con lấy được mấy cái hũ ngoài mà Hời nè, tuy sứt mẻ một chút nhưng còn tốt để làm chậu kiếng trồng bông.

NHÂN QUẢ NHIỆM MÀU

Thục Uyên xin viết lại bằng Thơ, về một cuộc động đất lịch sử, tàn khốc tại Trung Quốc vào năm 1915, dựa theo sách: "ĐƯỜNG MÂY TRÊN ĐẤT HOA " hồi ký của Hòa Thượng Hư Vân, bản dịch của Nguyên Phong (trang 89). Từ đó, chúng ta mới thấy được Nhiệm Màu của NHÂN và QUẢ .

*Một năm Thầy Hư Vân về Kê Túc,
Đề tịnh tu, giao Hội cho Cao Tăng...
Tại đây, Thầy tu sửa Chùa Hưng Vân...
Chùa La Thủyên, tỉnh Hạ Dương cho hoàn chỉnh...*

*Một hôm, Chùa Long Hoa thầy đang thuyết Pháp....
Bỗng nhiên, một cuộc động đất kinh thiên....
Nhà của dân và thành quách ngã nghiêng,
Đất rạn nứt, lửa tràn lan thê thảm...!*

*Đây và đó người tranh nhau thoát mạng !
Nhưng hầu như, từng tác đất nứt đôi !
Người rơi vào, khe đất tách làm hai..
Cổ trèo lên, nhưng...đất rồi khép kín...!*

*Người la liệt, nằm kêu gào..thảm thiết..!
Cảnh thê lương, như địa ngục trong Kinh!
Tàn khốc như trong một cuộc giao tranh!
Không ai dám ngó nhìn vì kinh hãi..!*

*Riêng Bảo Tháp của Chùa không hư hoại,
Nghìn nhà dân bị thiêu đốt tan hoang..!
Chỉ riêng còn, sót lại có hai căn...
Nhà Triệu Vạn Xương và Dương Thâm Nhiên còn nguyên vẹn...*

*Lửa đến thêm..thì bỗng nhiên dừng lại...
Cả hai căn, không hề bị hoại hư...
Hai gia đình, tổng số có hai mươi,
Lớn và bé đều, bình an vô sự..*

*Có nhiều người, trong vùng từng biết rõ..
Họ là người nhân đức ở trong Thôn...
Đã bao đời, tu niệm Phật, chay trường..
Không sát sanh, luôn thiện lành, tránh dữ*

*Nhân câu chuyện, Thầy khuyên Phật Tử rõ :
"Theo gương này, nhớ đừng có sát sinh.
"Nên chay trường, tạo phước quanh năm,
"Sẽ tránh được thiên tai và..ngiệp dữ..."*

*Lòng bồi hồi, mỗi khi đọc sách cũ,
Lời khuyên này tôi ghi khắc trong Tâm,
Thực hiện theo lời Pháp Nhũ ân cần....
Vì Trần Thế, Ngài không còn hiện hữu..!!!*



thơ

THỤC UYÊN

Pháp danh Nguyệt Phương Thành

The Story of a Wood-Cutter's Son

Dhammapada Verses 296 to 301

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verses (296) to (301) of this book, with reference to the son of a wood-cutter.

Once in Rajagaha, a wood-cutter went into the woods with his son to cut some firewood. On their return home in the evening, they stopped near a cemetery to have their meal. They also took off the yoke from the two oxen to enable them to graze nearby; but the two oxen went away without being noticed by them. As soon as they discovered that the oxen were missing, the wood-cutter went to look for them, leaving his son with the cart of firewood. The father entered the town, looking for his oxen. When he returned to his son it was getting late and the city-gate was closed. Therefore, the young boy had to spend the night alone underneath his cart.

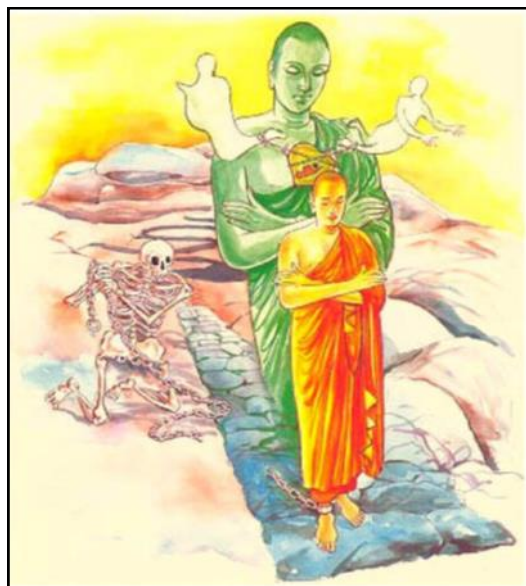
The wood-cutter's son, though young, was always mindful and was in the habit of contemplating the unique qualities of the Buddha. That night two ogres came to frighten him and to harm him. When one of the ogres pulled at the leg of the boy, he cried out, "I pay homage to the Buddha (Namo Buddhassa)". Hearing those words from the boy, the ogres got frightened and also felt that they must look after the boy. So, one of them remained near the boy, guarding him from all danger; the other went to the king's palace and brought the food-tray of King Bimbisara. The two ogres then fed the boy as if he were their own son. At the palace, the ogre left a written message concerning the royal food-tray; and this message was visible only to the king.

In the morning, the king's men discovered that the royal food-tray was missing and they were very upset and very much frightened. The king found the message left by the ogre and directed his men where to look for it. The king's men found the royal food-tray among the firewood in the cart. They also found the boy who was still sleeping underneath the cart. When questioned, the boy answered that his parents came to feed him in the night and that he went to sleep contentedly and without fear after taking his food. The boy knew only that much and nothing more. The king sent for the parents of the boy, and took the boy and his parents to the Buddha. The king, by that time, had heard that the boy was always mindful of the unique qualities of the Buddha and also that he had cried out "Namo Buddhassa", when the ogre pulled at his leg in the night.

The king asked the Buddha, "Is mindfulness of the unique qualities of the Buddha, the only dhamma that gives one protection against evil and danger, or is mindfulness of the unique qualities of the Dhamma equally potent and powerful?" To him the Buddha replied, "O king, my disciple! There are six things, mindfulness of which is a good protection against evil and danger."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 296: Fully alert and ever vigilant are Gotama Buddha's disciples, who by day and by night are always mindful of the qualities of the Buddha.



Verse 297: Fully alert and ever vigilant are Gotama Buddha's disciples, who by day and by night are always mindful of the qualities of the Dhamma.

Verse 298: Fully alert and ever vigilant are Gotama Buddha's disciples, who by day and by night are always mindful of the qualities of the Samgha.

Verse 299: Fully alert and ever vigilant are Gotama Buddha's disciples, who by day and by night are always mindful of the component parts of the body.

Verse 300: Fully alert and ever vigilant are Gotama Buddha's disciples, whose mind by day and by night always takes delight in being compassionate (lit., harmless).

Verse 301: Fully alert and ever vigilant are Gotama Buddha's disciples, whose mind by day and by night always takes delight in the cultivation (of good-will towards all).

At the end of the discourse the boy and his parents attained Sotapatti Fruition. Later they joined the Order and eventually they became arahats.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.**,
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.

ẢO THỨC 1

*lìm lìm trần cảnh ngoài nhìn vào
chộn rộn trần gian cuộc hỏi chào
đông đến, thu qua, mưa dội nắng
bên bờ sông lở cánh chim chao.*

ẢO THỨC 2

*bãi bờ lịm dưới lớp sương loang
mông chín trắng non thả lụa vàng
gác mái bên dòng nghe tiếng mõ
khua dồn tâm cảnh giấc mơ tan.*

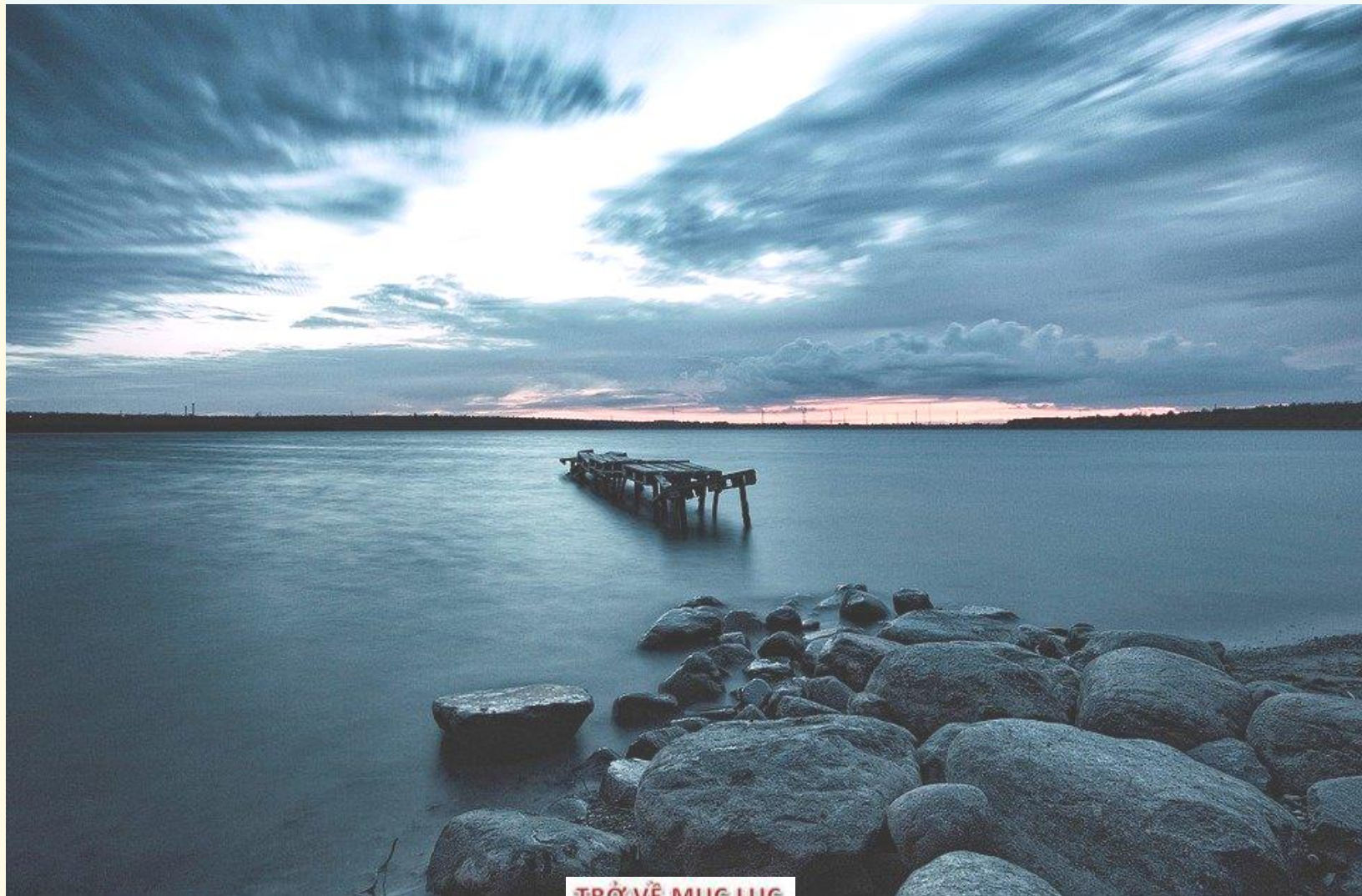
ẢO THỨC 3

*chim qua đầu núi wót sương đêm
cổ thụ nghiêng mình hắt bóng im
lá rụng đầy sân chùa vắng khách
hiên ngoài chú tiểu mộng thần tiên.*

ẢO THỨC 4

*phổ khuya hiu hắt ánh đèn vàng
ngõ vắng người về bóng khói lan
chó sủa vang đường đêm quạnh quẽ
phôi giã se lạnh với đông sang.*

thơ PHÙ DU



Vườn cải hoa vàng

DIỆU NGÀ



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Trong ký ức tuổi thơ khô căn của Ngọc Châu, chỉ có một bóng mát duy nhất, tuy nhỏ nhoi nhưng quý báu vô cùng. Đó là hình ảnh bà ngoại lui cui tưới đấm cải ngọt hay chăm sóc dây bí xanh mướt dây hoa vàng leo trên dàn tre cạnh hàng rào cây bằng gỗ tạp. Căn nhà mái tôn ở ven biển Sài Gòn, vào mùa hè, nóng nung như lò than, là nơi Ngọc Châu chào đời – Và sống qua suốt thời gian mười mấy năm – không khắc ghi được một kỷ niệm nào êm đẹp trong lòng nàng.

Nếu không có bà ngoại là nơi nương tựa tinh thần chắc Ngọc Châu đã hóa điên với người cha lúc nào cũng say sưa nhậu nhẹt và nổi nóng thường xuyên vì sự túng hụt của gia đình.

Mẹ nàng tảo tần ngoài chợ để vừa nuôi con vừa nuôi chồng, thêm bà mẹ đã ngoài sáu mươi. Có lẽ vì gánh nặng của cả nhà đè nặng trên vai mẹ nên trông mẹ già sụm dù chỉ mới bốn mươi.

Sáng ra chợ sáng, chiều ra chợ chiều, mẹ tất tả ngược xuôi như người đàn ông tháo vát, về đến nhà thì mệt nhoài. Để trút cái lo, cái mệt, bà chỉ biết cầu nhau, trách móc chuyện nọ, chuyện kia: “Tụi bây để nhà dơ quá; sao áo quần phơi để khô cháy mới đem vô; thằng Hai lại trốn học, trường gói giấy về đây nè, sao

ổng không chịu để mắt tới giùm; còn thằng quý nhỏ đầu rồi...”

Bà tuôn ra một loạt những lời nghe chẳng chút êm tai. Nếu cả nhà im lặng chịu trận thì yên nhưng nếu hôm nào thiếu rượu, ba Châu sừng sộ lại thì thể nào cũng có trận ẩu đả giữa hai người.

Căn nhà không tiếng cười. Nơi đó ba mẹ gấu ó đánh nhau, anh Hai thì lêu lộng; còn hai đứa em thì đánh lộn hoài, nếu không đánh nhau vì giành miếng bánh trong nhà thì ra đường cũng đập lộn với hàng xóm.

Châu chỉ cảm thấy dễ chịu khi vào trường học nhưng dù vậy, mặc cảm thua sút vẫn làm cô bé rụt rè, thu mình trong vỏ ốc nín câm.

Bà ngoại thì tìm an ủi trong mấy luống cải mà tự tay bà đã lên giống. Dù mắt đã bắt đầu kéo mây chỉ thấy lờ mờ, bà vẫn đủ sức cuốc đất. Như người làm rẫy chuyên nghiệp, bà biến khoảnh đất chai cứng nứt nẻ ở sau nhà thành nơi trồng trọt. Chính bà đi lượm củt bò, củt ngựa ở xóm trên về ủ làm phân rồi chặt rơm trộn chung vào. Đó là thức ăn mầu mỡ cho đất. Và đất vì nặng ơn săn sóc, đã cho bà những luống cải xanh tươi. Bà lên liếp trồng được bốn luống cải, chừa một luống làm giống thì số còn lại đủ ăn cho cả nhà. Chính những cây cải chừa làm giống đã trở hoa vàng làm cho

mảnh vườn có vẻ tươi mát. Những đốm hoa vàng tí xíu nổi bật trên những lá cải xanh già, đong đưa theo những cơn gió hiem hoi của mùa hạ làm mát rượi tâm hồn cô bé đang tuổi dậy thì. Thịnh thoảng vài chú bướm vàng nhở nhơ đùa cùng hoa cải, giúp cô bé được vài phút mộng mơ.

Ngọc Châu không dám trách cha cũng không nữ phiến mẹ. Đầu óc đơn giản hiền hòa khiến Châu chỉ biết an phận. Nhưng đôi khi nàng cũng thầm mong cha tìm được việc làm để không có thì giờ nhậu nhẹt và mẹ cô, ước gì bà gọi tên những đứa con trong nhà một cách dịu dàng thay vì gọi Châu là "con ma lờ đờ", anh Hai là "thằng trời đánh", em kế cô - thằng Chiến - là "quỉ lớn" và em út - Thằng - là "quỉ nhỏ".

Chẳng biết có phải vì ngày nào mẹ cũng kêu rêu quỉ ma như vậy nên cảnh nhà lục đục hoài, không lúc nào được êm ả thuận hòa dù họ chỉ gặp nhau trong bữa ăn chính. Mỗi người có một chỗ để tìm sự yên thân.

Ngoài giờ học ở trường, anh Hai la cà nơi nhà bè bạn, Chiến và Thằng thì đánh đáo, tạt lon, đánh banh ở khu nghĩa địa; bà ngoại lui cui miết ở sân sau; riêng Ngọc Châu, với chiếc xe đạp cũ kỹ, thường tới Chùa Giác Viên ngồi dưới mái hiên mát rượi để học bài và làm bài. Đôi khi cô bé tựa đầu vào tường vách rêu phong, tận hưởng sự im vắng mát mẻ và ngủ quên. Mãi đến khi tiếng chuông công phu chiều thông thả tan trong gió, dịu dàng đánh thức cô dậy, cô bẽn lẽn dụi mắt lên xe trở về.

Chiều nay Châu về nhà hơi trễ; chưa bắc nồi cơm, chưa làm cá lặt rau sẵn cho ngoại nấu ăn. Cô bé gò lưng nhấn mạnh bàn đạp. Xe lại sút dây sên. Xui thật! Loay hoay mãi. Tới đầu hẻm, trời đã nhá nhem tối.

Trái với lệ thường, hôm nay mọi người tụ tập xôn xao, có vẻ nghiêm trọng, chợt có người nhận ra Châu, họ la lớn:

- Châu ơi, em mày bị xe đụng chết rồi! Cô bé quăng dãi chiếc xe và tập vở, ùa chạy vào nhà.

Căn nhà trống trơn, chỉ còn bà ngoại ngồi ôm đầu cúi mặt, cái khăn rằn đỏ vắt lệch trên vai run run theo tiếng nấc. Bà ngẩng mặt lên, đôi mắt kéo mây đục lờ lờ giờ đỏ au, sưng húp. Mặt bà co rúm lại, các nếp nhăn hằn sâu như trái táo tàu phơi khô.

Bà nắm tay Châu, mếu máo:

- Xe hơi cán nó bể đầu... chở vô nhà thương Chợ Rẫy, cứu không được con ơi! Nó mé trái banh chạy ra đường bất tử, xe nào thắng kịp. Tội quá!

Cái chết thành linh của Thằng càng làm cho gia đình Châu thêm khó thở. Ba của Châu có cố đi uống rượu nhiều hơn để "giải sầu". Uống ghi sô. Cuối tháng chủ quán đòi tiền mẹ, thế là ông bà có dịp gây gỗ đập lộn định kỳ.

Anh Hai bỏ học đăng lính thủy, lại bắt đầu

uống rượu y như ba. Thằng Chiến cũng bỏ học luôn, đi bán cà ren để tự kiếm sống.

Mẹ Châu giờ như bà điên. Bà ăn nói lộn xộn không đầu không đuôi, lấp ba lấp bắp, mở miệng là sẵn sàng để chửi rủa. Bà mắng Châu luôn miệng đã đành, là còn đổ tội cho bà ngoại: "Cháu hư tại bà. Bà không coi chừng, coi đỗi, để nó đi chơi lu bù xe cán nó. Thử cột chân thằng quỉ nhỏ ở nhà, xe nào vô đây cán được!"

Ngoại lặng câm như hến. Nhiều lần Châu thấy ngoại ngồi khóc sau hè, cạnh mấy luống cải giờ đã còi cọc. Hình như cây cỏ sầu úa cùng với nỗi đau của ngoại. Ngoại khóc vì bị buộc tội oan? Vì thương thằng cháu út của bà? Thương bà quá, Châu bỗng nảy sinh ra ý định chờ bà đi chùa mỗi khi Châu đến đây học bài. It ra phải cho bà một nơi mát mẻ để chịu đau hiên chùa để tránh cái oi nồng của căn nhà lợp tôn.

Thấy bà ngần ngại, Châu thuyết phục:

- Bà ốm nhom nhẹ hều mà, chở ngoại như chở cái cặp táp của con vậy, không sao đâu ngoại à!

Và quả nhiên, cảnh tĩnh mịch của ngôi chùa cổ nằm giữa những cây cổ thụ tỏa bóng mát quanh năm, có tiếng chim riu rít trên cành quả là cảnh giới lý tưởng, là thiên đàng hạ giới cho bà lão. "Mát quá!" Bà đi tới đi lui hít thở không khí dễ chịu ở chung quanh tường chừng như chưa bao giờ được hạnh phúc như vậy.

Sau khi đi lòng vòng quanh chùa chiêm ngưỡng mấy cái tháp đen xám bám đầy rêu xanh, bà quan sát những vùng đất còn trống liêu xem có thể trồng trọt gì được không? Rồi bà lần la vào bếp mượn cây chổi quét sân.

Mỗi ngày tình nguyện quét sân chùa, dần dần bà trở thành quen thuộc với mọi người. Từ sự cụ hiền hòa có đôi mày bạc trắng như tiên ông đến các vị sư trẻ và chú tiểu Minh.

Tiểu Minh chỉ có ba vá tóc trên đầu, là cậu bé lí lắc và thích chuyện trò. Trước đây hay mon men làm quen với Ngọc Châu nhưng cô nàng chỉ ậm ừ cho qua chuyện khiến chú cụt hứng tìm qua nhóm học trò khác để bắt chuyện hơn.

Từ ngày có bà cụ đến quét sân, chú như được gặp một người bạn sẵn sàng nghe chú nói, hơn nữa, chú còn có dịp xỏ ra những câu đạo lý - mà chú từng nghe lóm được khi hầu quạt sư cụ - khiến bà lão phục chú sát đất.

Có lần chú thắc mắc hỏi bà:

- Sao bà không ở nhà nghỉ cho khỏe? Vô chùa quét sân mệt thấy mồ!

Bà ngưng tay quét mồ hôi trán, nhìn cái sân dài và rộng phủ đầy lá trước mặt:

- Làm công quả vừa vui vừa được phước chú à.

Như chú đó, chắc kiếp trước đã tu rồi nên kiếp này còn nhỏ mà được nương cảnh Phật. Còn tôi vụng tu, đời tôi khổ quá!

Tiểu Minh buông ra một câu mà chú đã nằm lòng.

- Đời là bể khổ mà!

Rồi chú tình thật tâm sự:

- Ở chùa cũng khổ, tại bà không biết đó! Kỷ luật gắt lắm. Lớp đi học chữ ở trường, lớp học kinh, học chữ nho trong chùa, không thuộc phải quì hương. Tôi không được đánh đáo, bản bi, đá dế, buồn lắm!

Bà lão mếu mọt trong sáng chân thật của Minh, hơn nữa chú cũng trạc tuổi Thăng. Bà muốn giải thích cho tiểu Minh biết là chú đang hưởng phước:

- Ô, thì chịu buồn chút xíu thôi mà khỏi khổ. Chớ như tôi suốt đời gánh gồng buồn bán, tuổi già tuy đỡ nhọc nhằn nhưng mà khổ tâm lắm!

Minh tròn xoe đôi mắt sáng:

- Sao vậy?

Bà ngoại cười buồn:

- Chú còn nhỏ, lại ở lại trong chùa, đâu hiểu chuyện đời! Tôi ước gì được sống luôn trong chùa để tai khỏi nghe những lời thô lỗ cộc cằn, mắt khỏi phải nhìn những cảnh éo le bực bội, như vậy đủ hạnh phúc rồi.

Tiểu Minh chợt nhớ sự cụ mới giảng giáo lý tuần rồi, nói về cảnh giới Cực Lạc, chú lập lại một cách trơn tru những gì mà chú còn nhớ vì thấy hay hay:

- Bà biết không, sư ông dạy rằng cách đây xa lắm, về phương Tây có thể giới tên là Cực Lạc. Nhân dân trong nước đó không biết đau khổ là gì. Khí hậu mát mẻ dễ chịu, thức ăn uống, đồ dùng muốn gì có nấy, tuổi thọ thì vô lượng, nhà cửa, đường xá thì làm bằng bầy bầu, đẹp ghê lắm. Ai được sanh về Cực Lạc rồi thì khỏi trở lại trần gian này, không còn chịu cảnh sanh già bệnh chết nữa. Họ tu riết rồi thành Phật luôn.

Bà lão há mồm lắng nghe. Đây là một hình ảnh kỳ diệu, một đất nước lý tưởng, theo bà, nó chỉ có trong sự ao ước, trong tâm tưởng của những người đang khổ thôi. Nhưng sư cụ đã nói như vậy, lẽ nào không có thật sao?

Ngoại thắc mắc muốn hiểu thêm nhưng tiểu Minh dường như không biết gì hơn, chỉ nhả răng sún ra cười khi bà hỏi dồn: "Làm sao về đó được?" Rồi chú nhún nhảy bước chân chim, tấp vào nhóm học sinh gần đó.

Chỉ sau mấy tháng được ở luôn trong chùa để làm công quả, bà Tư đã trồng được những luống cải bẹ trắng, cải ngọt, cải làm dưa, xanh mướt mướt. Cải ngọt đang đúng lứa, mơn mớn xấp hàng trên những luống đất xốp có phủ rơm, chờ nhổ.

Trưa chủ nhật, Ngọc Châu lắng xăng phụ bà ngoại cắt bỏ rễ cải cho chùa. Những cây cải bụ bẫm, khỏe và tươi chong khiến nàng mơ tưởng đến một bữa ăn gia đình đông đủ vui vẻ có tô canh nóng hổi do chính tay ngoại nấu



và nôi cơm gạo mới thơm lừng cộng thêm món trứng chiên tôm khô, củ hành hay vài con cá chiên thôi.

Từ ngày ngoại vô chùa ở, cảnh nhà vốn đã đìu hiu giờ càng thêm quanh quẽ. Mẹ không còn hơi sức đâu để gây gỗ đánh lộn với ba. Không có ai để kiếm chuyện, ổng hay la cà ngoài đường xá, trong các quán cóc để giết thì giờ dư thừa đã trở thành nhàm chán.

Nhanh tay cắt gốc xếp cải lại, cột thành từng bó, bà Tư nói giọng vui tươi: - Sự cụ biểu ngoại chừng nào nhổ cải thì đem về một mớ. Sẵn có con dây, con chớ ngoại về nhà nghe. Tính ra ngoại ở chùa cũng nửa năm rồi, mau quá!

Ngọc Châu dừng tay nhổ cải, đứng lên nhìn ngoại, cười lộ hàm răng trắng phau. Cô sung sướng thấy ngoại khỏe mạnh, hạnh phúc với nụ cười luôn nở trên môi. Ngoại cũng muốn truyền hạnh phúc ấy cho cô bằng cách khuyên cô nhiếp tâm niệm Phật A-Di-Đà, đừng nghĩ ngợi vẩn vơ.

Nhưng cô bé chẳng làm được như bà. Tâm cô hãy còn rong duỗi xa gần, đây đó nên cô chưa nếm được vị an lạc mà ngoại đang hưởng.

Khi Châu chở ngoại về tới nhà, hai bà cháu lui cui ôm mấy bó cải vào. Căn nhà còn nóng hanh. Ba Châu ở trần, nằm quạt phành phạch trên chiếc ghế xếp dài đặt sau cánh cửa đang mở.

Thấy bà già vợ bước vô nhà, chàng rể ngồi bật dậy, mặt mày còn đỏ gay và mùi rượu nồng trộn lẫn trong giọng nói nhừa nhựa:

- Sao bữa nay về nhà vậy? Chán cảnh chùa rồi hả?

Nghe giọng nói "móc lò" của ba, Châu cau mặt. Sợ ngoại buồn, cô đỡ lời:

- Ngoại về chơi, đem cải cho ba má. Mai trở lại chùa.

Bà Tư lợm giọng vì mùi rượu lại vừa tức thẳng rể vô công rồi nghề thường mượn hơn

men để nói năng vô phép với bà. Nghĩ thương con gái vô phước bạc phần, lấy chồng như rước nợ vào thân, trả cả đời không hết.

Ngày xưa, không biết bao nhiêu giọt nước mắt của bà đã âm thầm rơi trên đám cải sau nhà, giờ đây nước mắt cũng từ từ ứa ra. Bà tự trấn an, im lặng ôm mớ cải đi thẳng vô bếp. Trong trạng thái ưu phiền ấy, đột nhiên giọng suối từ kết băng vô số chuỗi niệm Phật tuôn chảy trong tâm bà. Bà lão nhớ lại mình đã phát nguyện vãng sanh Cực Lạc, bà không muốn để những hệ lụy của thế gian quấy rầy mình nữa. Bà hít vào một hơi dài và thắm niệm Phật theo hơi thở ra vào. Dần dần, tâm bà trở nên an ổn.

Từ ngày được sư cụ giảng rõ về thế giới Cực Lạc cùng đại nguyện của đức Phật A-Di-Đà và dạy cho pháp niệm Phật cầu vãng sanh, bà Tư sung sướng vô vàn. Bà không còn thiết gì chuyện đời, ngày đêm chuyên chú niệm Phật không xao lãng. Lạ thay, dù chưa xả bỏ xác thân phàm tục để vãng sanh Cực Lạc, bà đã cảm thấy an lạc rồi.

Một hôm, trong lúc bà Tư cặm cụi xách nước tưới cải, sư cụ bước ra sân. Nhìn vẻ mặt rạng rỡ của người đệ tử muôn màng qui y nhưng quyết tâm giải thoát, sư cụ hài lòng. Sư cụ dạy bà Tư ngưng tay làm việc để nghe thầy nói chuyện.

Thầy hỏi:

- Đệ tử cầu vãng sanh Cực Lạc để làm gì?

- Bạch Thầy, đời con đã khổ, gia đình con ai cũng khổ, còn chung quanh con thì chẳng mấy ai hoàn toàn sung sướng. Bởi vậy khi nghe thầy dạy có nước Cực Lạc toàn vui, không khổ, con muốn sanh về để thoát cảnh khổ trần gian.

Nhà sư cười thật hiền. Dáng thầy gầy gộc trong chiếc áo nâu già, nổi bật trong nắng mai. Gió sớm phất phơ tay áo thầy.

- Con muốn về cõi Phật thì phải chuẩn bị Phật tâm. Phật không bao giờ nghĩ chuyện cá nhân tư lợi mà luôn luôn thương tưởng đến chúng sanh, tìm cách cứu họ ra khỏi biển khổ trầm luân. Như đức Phật Thích Ca, tuy là thái tử nhưng đã lìa bỏ cung vàng điện ngọc, chịu gian nan khổ nhọc, đi tìm chân lý cứu khổ sinh tử cho mọi người. Ngài Địa Tạng Bồ Tát nguyện vào địa ngục độ tận chúng sanh. Còn đức Phật A-Di-Đà, do bị nguyện mà tạo ra cõi Cực Lạc để tiếp dẫn chúng sanh về đây tu hành chớ không phải ngài tạo ra để thọ hưởng. Muốn xứng danh là con Phật chúng ta phải phát tâm Bồ Đề, trên cầu Phật đạo, dưới nguyện độ quần sinh. Vừa tự độ mình, vừa lo độ người chớ không phải tu cho riêng phần mình mà thôi. Tu cho riêng mình là tiểu hạnh, tiểu chí, không đáp ứng được hoài bảo của chư Phật, chư Tổ.

Bà Tư rụt rè thưa:

- Bạch Thầy, con vừa ngu dốt, vừa già nua, đâu dám nghĩ đến đại sự như Thầy nói.

Sư ông rõ căn cơ của bà Tư, không tiện giảng nói nhiều, chỉ vẫn tắt hỏi:

- Con niệm Phật thế nào?

- Bạch Thầy, mỗi khi niệm Phật, con thấy trong lòng an vui.

- Hãy tìm cách giúp người chung quanh cũng được an lạc như con. Đó là độ người, con hiểu không?

- Dạ hiểu!

Từ đó, mỗi khi xách nước tưới cải, bà Tư đều nguyện rằng: "Nguyện cho ai ăn được cải tôi trồng đều bỏ ác về thiện, đều biết tu Tịnh Độ, niệm Phật cầu vãng sanh".

... Bà Tư chuẩn bị bữa cơm chay thật ngon cho cả nhà. Trong lúc hai tay làm việc, đầu óc bà suy nghĩ, tình cách "độ" thẳng rể. "Tại nó nhậu nhẹt quá không ai dám mượn thành ra thất nghiệp dài dài chớ nghề mộc của nó cũng khéo lắm. Cái nhà này tự tay nó cất chớ ai. Nếu nó có công ăn việc làm như mọi người chắc cũng không đến nỗi tệ. Phải lấy công tâm mà nói vậy".

Ngọc Châu vừa đặt bàn dọn cơm xong thì mẹ nàng về. Thấy bà già lui cui trong bếp, bà bước tới ôm lưng mẹ một cách triu mến không ngờ. Ngoại mau nước mắt đã đành, mẹ nàng tuy bề ngoài cứng cõi khô khan nhưng cũng lộ vẻ xúc động lắm.

Mẹ nói, giọng run run:

- Má về con mừng quá! Chèn ơi! Bà già chịu cơm chùa, mới đây mà mập rồi. Lên cân ba kí lô chớ không ít.

Thấy mẹ vui, Châu đùa:

- Y, má đừng quờ!

Thằng Chiến cũng vừa bước vô nhà. Thấy ngoại, nó buông thùng cà rem, chạy tới ôm cứng lấy bà. Trong cảnh tranh tối tranh sáng của chiều tà, bà nhận nó không muốn ra:

- Cháu tôi mau lớn quá! Hai bà cháu có nhiều điều để hỏi han nhau, thỉnh thoảng mẹ và Châu cũng xen vào. Câu chuyện nổ dòn như bắp rang.

Bà của Châu có cảm giác mình bị bỏ rơi, bị đứng bên lề của gia đình. Mặc cảm cô đơn, vô tích sự kích thích tự ái khiến ông sinh bực bội. Bởi vậy, khi vào bữa ăn, liếc sơ một cái, ông cứ nự liễn, để tỏ uy quyền của một người đàn ông, người chủ trong nhà:

- Bữa nay sao không có thịt cá gì hết vậy? Ăn vậy làm sao nuốt vô?

Bà Tư đáp, giọng dịu dàng, ngọt xót:

- Quý à, con ăn thử coi, cơm chay cũng ngon miệng lắm. Nếu con ăn chay được, má sẽ xin sư cụ cho con việc làm. Làm cho chùa phải ăn chay mới được.

Hai tiếng "việc làm" có sức thu hút mạnh. Cả nhà im lặng lắng nghe. Châu lén quan sát phản ứng của ba, thấy mắt ông ánh lên sự mừng rỡ tuy vẫn cố giữ thái độ lầm lì ban nãy.

Sau khi lùa cơm vào miệng, lập bập nuốt, bà Tư chậm rãi tiếp:

- Sư cụ muốn cất lại nhà bếp của chùa, lợp ngói đàng hoàng. Có ông thợ nào đó đòi năm ngàn đồng, chùa không đủ tiền. Nếu con lãnh

rẻ hơn, chừng bốn ngàn, chắc thầy sẽ đồng ý. Má biết con tay nghề giỏi, có thể làm được vụ này.

Quý nói liền, giọng đầy tự hào:

- Cái đó dễ ợt!

Mẹ Châu thấy câu chuyện có mùi hấp dẫn, vui vẻ xen vào:

- Vậy mình lãnh mỗi này đi mình!

Lâu lắm rồi, Quý mới nghe vợ nói tiếng "mình" ngọt lịm. Ông cảm thấy hăng hái nhưng còn đắn đo:

- Phải có người phụ chớ làm một mình sao được.

Thằng Chiển lanh lợi khôn ngoan, biết đây là cơ hội hiếm có cho ba, nó nói liền, không do dự:

- Con nghĩ bán theo phụ ba được không?

Ngoại mừng đến rơi nước mắt. Mẹ Châu cảm động cúi xuống và cớm trong khi Quý nhìn bà già vợ với đôi mắt biết ơn và hối lỗi.

Chỉ sau hai tháng liên tục làm việc, Quý đã hoàn thành việc xây cất. Sư cụ vừa ý khen ngợi hoài khiến Quý và con trai sung sướng quá! "Sông hữu dụng mới có hạnh phúc" đó là bài học thực tiễn của đời ông.

Phật tử đi chùa thấy nhà bếp mới rộng rãi, vừa chắc chắn vừa đẹp mắt, họ liền mời Quý tu bổ sửa sang lại nhà họ, hết mỗi này tới mỗi kia. Hai cha con Quý có việc làm đều đặn. Không còn nữa cảnh thất nghiệp chán chường với những ngày say rượu triền miên. Gia đình Châu từ đây bắt đầu có tiếng cười, có những giây phút cả nhà ngồi lại cùng dự tính chuyện tương lai. Niềm mong ước chung của họ là thay nóc nhà "tôn" bằng ngói cho đỡ nóng "nhà ngói coi lịch sự hơn!" Mẹ Châu nói với sự thêm thõng thấy rõ.

Quý hiểu điều đó. Ông lo chí thú làm ăn để chuộc lỗi xưa. Không đầy một năm sau Quý và con trai đã lợp được mái ngói đỏ au. Căn nhà trở nên mát mẻ dễ chịu. Họ có bóng mát trong cuộc đời mới hạnh phúc bình dị, đơn sơ.

... Ngày ăn mừng nhà ngói, có bà ngoại về dự. Bà con làng xóm đang ăn uống, rượu vào lời ra, cười nói rộn ràng nhưng khi thấy bà Tư bước vào trong chiếc áo nhứt bình màu xám tro và khăn lam phủ trên đầu, họ đều im lặng đưa mắt nhìn. Sự quý kính hiện rõ trên những gương mặt dày dặn nắng mưa vì lao động. Bà trông thanh thoát quá!

Bà Tư dịu dàng chấp tay cúi chào mọi người bằng cách thể của người xuất gia: "A Di Đà Phật." Những bàn tay cầm rượu trở nên ngập ngừng, miếng thịt béo tự nhiên nuốt không trôi, họ tự động ngưng bữa tiệc để theo dõi bà Tư.

Bà thân mật đến với từng người, hỏi han gia cảnh, công việc làm ăn, nhắc nhở câu "ở hiền gặp lành".

Lát sau, bác phu xích lô, sau cái gặt đầu ra

dầu của bà Tư, khệ nệ ôm vào nhà những bó cải tươi tốt xanh um. Bà tự tay trao từng bó cải cho từng người, khuyên họ tập ăn chay, niệm Phật.

Tưởng bà sẽ ở lại qua đêm như mọi khi về thăm nhà, dè dặt bà đã dặn bác phu xe đợi chờ bà trở lại chùa. Trước khi ra về, bà nắm tay Châu, vuốt tóc cô cháu gái thùy mị dễ thương rồi choàng tay ôm đứa con gái một đời khổ cực. Nhưng sự xúc động chỉ thoáng qua trong phút giây, bà đứng dậy ngay:

- Thôi, má phải về cho kịp thời sám hối.

... Đó là lần cuối cùng Châu được gặp ngoại. Sư cụ kể lại rằng tối hôm đó, sau khi lạy sám hối, bà tìm đến phương trượng lễ thầy rồi lui ra, không nói một lời.

Thời công phu sáng không có mặt bà. Mãi một lúc sau, mọi người mới hay bà đã vắng sanh. Trong tư thế nằm nghiêng bên tay phải; xoay về hướng Tây, tay còn cầm râu chuối bỏ đi, mặt bà phảng phất nụ cười an lạc, chẳng biết bà đi lúc nào, toàn thân đều lạnh nhưng đành đầu còn ấm.

Lễ an táng của ni cô Diệu Liên được cử hành trang nghiêm trong sự ngưỡng mộ của mọi người. Lòng tin đối với Phật pháp được đẩy khởi, nhất là gia đình, bè bạn, lối xóm của Châu đều bắt đầu đi chùa, tham dự các lớp học giáo lý và thỉnh sổ công cứ về lo niệm Phật.

Nhưng giòng đời đầu dễ êm xuôi cho mọi người có thì giờ tu niệm. Tháng tư năm 1975; nào hiệp ước, nào dự đoán, nào tin đồn. Xôn xao sóng đời, sợ hãi sóng tâm.

Anh Hai đột ngột về nhà vào tối 28 tháng 4, hội người nhà ra bến Sài Gòn xuống tàu đi Mỹ. "Việt Cộng vô tới rồi, chiếm luôn miền Nam. Phe Việt Nam Cộng Hòa mình phải di tán ra ngoại quốc".

Bà má Châu lắc đầu dứt khoát: "Mình già rồi, còn ham đi đâu. Thôi ở lại đây lo tu như ngoại, để về xứ Phật thì hay hơn."

Châu thì do dự, không dứt khoát; anh Hai dọa: "Mày ở lại Việt Cộng bắt mày gả cho thương phế binh!" Lời hăm này có tác dụng ngay. Cô rướm rướm nước mắt bước theo anh, chỉ có Chiển là khoái được đi tàu hải quân, được đi Mỹ.

... Lệnh dênh sóng nước, sóng đời. Châu nhìn bể cả mệnh mông không biết tương lai rồi sẽ ra sao. Cô hướng về quê hương yêu dấu đang từ từ xa cách, lâm râm khẩn bà ngoại: "Xin ngoại phù hộ cho chúng con và cho những người còn lại. Thế giới này chẳng bao giờ được bình yên. Nếu mọi người đều được như ngoại, biết xả bỏ, biết khoan dung, biết hướng thượng thì Cực Lạc ắt không tìm đâu xa."

(trích **DỐC MƠ ĐỒI MỘNG** của **Diệu Nga**
Tu Viện Trúc Lâm Canada xuất bản)

XUÂN YÊU THƯƠNG

Bao năm dù sống tha phương
Xuân về vẫn nhớ lạ thường quê ta
Đầu cành nở rộ muôn hoa
Như lòng ta đỏ chan hòa tình thương
Thương sao thương quá con đường
Ngày nào ta chẳng vẫn thường ra vô
Thương sao thương quá thầy, cô
Bên đàn trẻ nhỏ chăm lo hết lòng.
Rồi ta thương nhớ mông lung
Thương dân nhớ nước vô cùng bạn ơi!
Thương sao em bé mồ côi
Đầu đường, xó chợ sống đời lang thang
Thương người đói rách làm than
Gầm cầu, hàm cống gửi thân qua ngày
Thương sao đám trẻ đánh giầy
Áo quần lam lũ, chân tay gầy gò
Thương người già yếu bơ vơ
Không con, không cháu nương nhờ tấm thân
Thương sao em bé mình trần
Ngày ngày lượm rác đỡ đàn mẹ cha
Xuân về càng thấy xót xa
Trước bao cảnh khổ lệ nhòa chứa chan
Phải chi ta có phép màu
Ta đem che kín khổ sâu nhân gian.

CHÚC XUÂN

Chúc bạn tâm giao vạn sự lành
Chúc thơ thêm đẹp giọng thêm thanh
Chúc cho Chánh Pháp duyên đạo thắm
Chúc các văn nhân sáng tác hay.
Chúc nước non nhà thôi bão tố
Chúc người dân Việt sớm vang danh
Chúc cho tâm đạo ngày tinh tấn
Chúc cho Giáo Pháp mãi trường tồn
Chúc mọi người thân tâm an lạc
Chúc khắp giang sơn cảnh thái bình.

VƯỜN TRẦN

Duyên nghiệp vương mang ở cõi trần
Những mong thanh thản mảnh hồn lâng
Vui khi đất trở muôn màu thắm
Thú lúc trăng lên một giải ngân
Ái ngại thương đời bao cảnh khổ
Xót xa đất nước nạn ngoại xâm
Vườn trần tuy nở ngàn hoa đẹp
Nhưng biết bao giờ mới thực Xuân?

thơ **DIỆU VIÊN**
San Jose, 2020



MỠI KỲ MỘT MÓN CHAY

BÚN RIÊU CHAY

(Vegan riêu noodle soup)



Nguyên liệu: (khoảng 3 phần ăn)

- 1 củ sắn lớn
- 1 củ cải trắng lớn
- 1 củ cà-rốt lớn
- 1 củ su su
- 1 khúc mía lau, khoảng 30 centimét (12 inches)
- 10 tai nấm hương
- 50 gram (1/4 chén) nấm rơm
- 3 trái cà chua
- 1 miếng đậu hủ non
- 2 miếng đậu hủ trắng
- 1 lá nhỏ tàu hủ ky
- Bún tươi cọng nhỏ
- Rau ăn kèm: rau muống bào, bắp chuối bào, rau húng cây, giá

Gia vị:

- Bột nêm chay
- Nước tương
- Tỏi băm
- Đường

Sơ chế:

- Củ sắn, củ cải trắng, cà-rốt, su su, mía lau gọt vỏ, rửa sạch, cắt khúc
- Nấm hương ngâm nước cho nở, cắt bỏ chân nấm rồi thái sợi.
- Nấm rơm rửa sạch, cắt làm đôi.
- 2 trái cà chua xắt múi cam, còn 1 trái bỏ hạt, băm nhuyễn.
- Đậu hủ non bóp nhuyễn, rồi dùng vải mỏng vắt ráo nước.



- 2 miếng đậu hủ trắng cắt quân cờ, đem chiên vàng.
- Lá tàu hủ ky chiên với lửa nhỏ cho vàng giòn.



- Kế đến cho cà chua đã xắt múi cam vào đảo đều cho thấm gia vị.
- Cho nhân đã xào vào tô.

3. Riêu chay:

- Phi thơm 1 muỗng cà-phê tỏi băm với 1 muỗng canh dầu ăn.
- Cho cà chua băm nhuyễn và tàu hủ non bóp nhuyễn vào xào.
- Nêm 1 muỗng cà-phê bột nêm chay, 1 muỗng canh nước tương, 1/2 muỗng canh đường.
- Xào khoảng 2 phút cho đều là xong.
- Múc riêu chay ra tô.

D. Kết hợp:

- Cho nhân đã xào, đậu hủ chiên và riêu chay vào nồi nước dùng, nấu sôi.
- Nêm khoảng 1,5 muỗng canh bột nêm chay là hoàn thành, giữ lửa liu riu cho đến khi dùng.

Thực hiện:

A. Nước dùng:

- Cho củ sắn, củ cải trắng, cà-rốt, su su, mía lau vào nồi với 3 lít nước, nấu sôi rồi hầm với lửa liu riu khoảng 1 giờ cho ra nước ngọt.
- Vớt hết rau củ trong nồi ra (có thể dùng làm phân bón hữu cơ cho cây cối), còn lại khoảng 2 lít nước dùng.

B. Nhân:

- Phi thơm 1 muỗng cà-phê tỏi băm với 1 muỗng canh dầu ăn.
- Cho nấm hương và nấm rơm vào xào sơ.
- Nêm vào 1 muỗng cà-phê bột nêm chay, 1/2 muỗng cà-phê đường, đảo đều.

Thường thức:

- Trung sơ bún trong nước sôi cho nóng, để ráo nước, cho vào tô.
- Múc cà chua, đậu hủ chiên, nấm rơm, nấm hương bày lên mặt bún.
- Chan nước dùng nóng cùng với riêu chay vào tô.
- Bẻ tàu hủ ky chiên giòn từng miếng vừa ăn, cho lên trên.
- Dùng nóng với rau ăn kèm.
- Có thể dùng chung với mắm tôm chay.
- Vắt thêm chanh, ớt băm tùy thích.

Vũ Quỳnh / Việt Nam Ăn Chay
<http://www.vietnamanchay.com>

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muỗng canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muỗng cà-phê), khoảng 5ml.



Chùm tứ cú lục bát

Không

Bừng lên trí tuệ sâu màu
Thậm thâm diệu pháp dập đầu cung nghinh
Ngón từ đắc chứng: lặng thình
Thoát ra chấp trước bóng hình trống không!

Một lần

Em về quê núi hút xa
Đá mềm đất ngủ, ngàn hoa nở mừng
Mùa trăng soi suối sười rùng
Bóng hình khắng khít một lần nhớ nhau.

Bất chợt

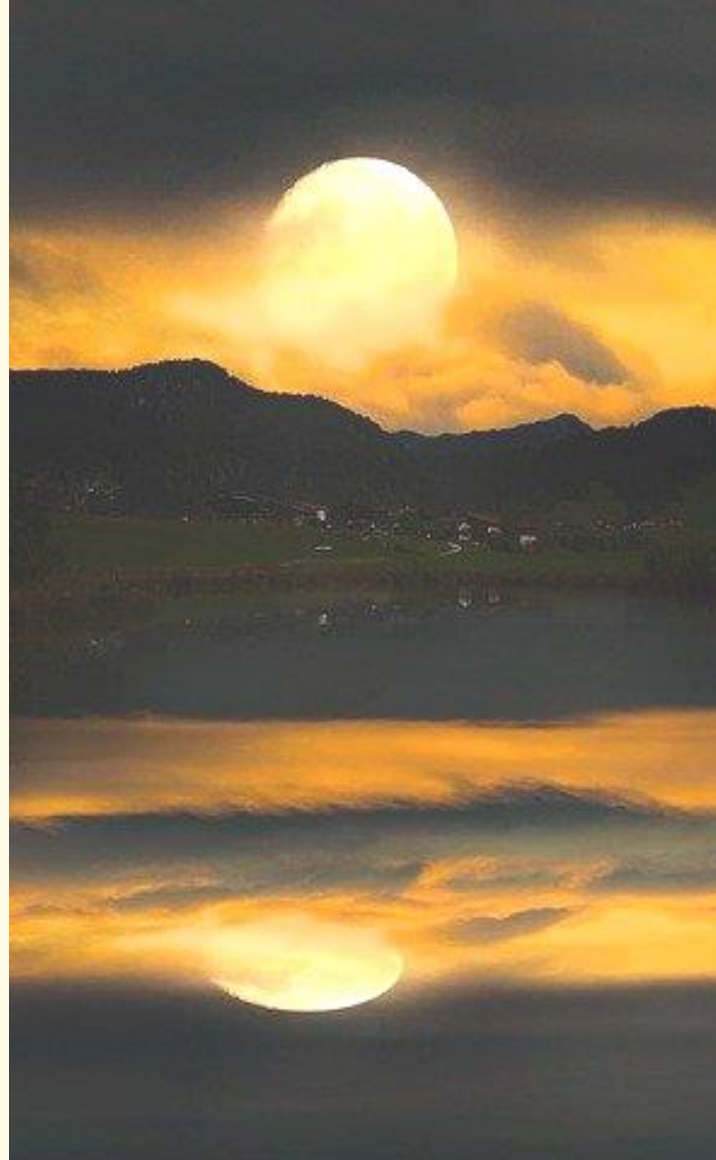
Bóng hình bất chợt xa xăm
Thời gian bất chợt trôi nhanh đêm trường
Tình tôi bất chợt ưu buồn
Thơ tôi bất chợt điên cuồng nhịp âm.

Tầng

Tầng cao có dáng em ngồi
Chôn chân tầng thấp có tôi ngược nhìn
Phố nhà một thuở lạnh tanh
Bây giờ ôn ã bóng hình lên mây.

Ký ức tuổi thơ

Bóng hình chạy trốn nắng trưa
Nhớ thầy nhớ bạn một mùa hạ xanh
Giở trang lưu bút lưu tình
Bâng khuâng nỗi nhớ lặng thình hạ về.



về “Bóng & Hình”



Đỗ dành

*Đêm mưa, sớm nắng, trưa mây
Yêu trong bóng tối trong tay nhau tình
Tôi, em ướt cả bóng hình
Thơ chan dòng nước đỗ dành mưa đêm.*

Về thôi

*Về thôi, có chỗ để về
Về rồi không thấy đập đê chắn bờ
Bóng hình bé bỏng chơ vơ
Mênh mang bề khô đã mờ qua sương.*

Góc khuất

*Tìm trong góc khuất cuộc đời
Anh hùng lập lánh, nụ cười thỉnh thỉnh
Soi trong huyền thoại uy linh
Bản thân chợt thấy bóng hình nghĩa nhân.*

Vọng tưởng

*Nửa đêm ngồi ngắm sao trời
Ba mươi sáu chước của đời quảng đi
Tự mình đó gấp đáp ngay
Bóng hình chớp mắt xéo dây tâm tư.*

thơ TÂM KHÔNG
– VĨNH HỮU

Nàng kỹ nữ Phê Sa

Soạn giả: THÍCH MINH CHIẾU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Ở thành Ma Đồ La, có nàng kỹ nữ sắc đẹp tuyệt trần tên là Phê Sa. Nàng thường để ý đũa thị tỳ của nàng, khi nào đi mua phần sấp gì thì cứ đến nhà một người lái buôn trẻ tuổi tên là Ưu Bà Cấp Da.

Một hôm nàng kêu hỏi:

- Người có tình ý với chàng làm sao, mà mua gì cũng đến đây cả?

Đứa Thị tỳ thưa:

- Chàng người phong nhã, tánh tình thuần hậu, lại là người chí thành theo đạo Phật, mọi người đều kính mến.

Nàng Phê Sa nghe nói liền sai thị tỳ đến mời chàng đến chơi.

Chàng bảo về trả lời:

- Bây giờ chưa phải lúc gặp tôi.

Nàng nghĩ sợ chàng hiểu lầm phải có tiền, nên sai đến nói lại. Chàng cũng vẫn trả lời:

- Bây giờ chưa phải lúc gặp tôi.

Cách ít lâu, nàng Phê Sa muốn bán mình cho một nhà buôn giàu bèn mưu giết người nhân nghĩa cũ. Việc tiết lộ, bị vua Na Đồ La truyền bắt, cắt tay, cắt mũi rồi đày ra ở ngoài bãi tha ma.

Chàng Ưu Bà Cấp Da biết đầu đuôi câu chuyện nghĩ bụng rằng: Khi nàng còn đẹp để sung sướng thì người tu đạo không nên đến làm chi. Nay nàng đã bị cụt tay, cụt chân, đau đớn khổ sở, chính là lúc ta phải đến thăm nàng. Nghĩ xong chàng cùng người hầu cận đi đến thăm. Đứa thị tỳ nay vẫn không rời bỏ nàng, trông thấy chàng đến, liền hốt hoảng vào tin. Nàng Phê Sa vội lấy miếng vải khoác trên thân, khóc lóc tủi thẹn mà nói rằng:

- Thưa chàng, khi người thiếp thơm đẹp như đóa sen bầu thì chàng không đoái hoài đến. Nay thiếp thân tàn ma dại như thế này, chàng còn đến làm gì cho tủi cực lòng thiếp.

Chàng đáp:

- Trước kia tôi không đến vì tôi không có tà tâm, ngày nay nàng bị nạn, tôi đến để thăm nàng và chỉ cho nàng rõ những thảm trạng của sự khoái lạc gây ra ở trong đời.

Rồi chàng đem đạo Phật nói cho nàng nghe, chỉ rõ nhân quả tội phước, khuyến hóa an ủi nàng.

Nàng Phê Sa tự biết tội lỗi của mình, phát lòng sám hối, tâm được an vui nhẹ nhàng. Và từ đó, chỉ thành cải hóa theo lời Phật dạy, nàng luôn luôn làm điều lành, tránh điều ác, mở rộng thân tâm, quên nỗi đau khổ của mình, nghĩ đến đau khổ của người.

Minh Châu

"Người say mê sắc dục như cá nuốt lưỡi câu, như tấm kén tơ, như thiêu thân bay vào đèn, tự dẫn thân vào chỗ chết mà không hay biết."



Minh họa

Núi xanh mây hồng

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG HAI

Thật là lý thú khi chúng ta phát giác ra rằng chúng ta lầm lẫn. Và cũng thật là lý thú khi chúng ta biết rõ mình lầm lẫn mà vẫn cứ để cho sự lầm lẫn đó tiếp tục vận hành của nó, đồng thời coi đó như là ý muốn chính đáng của mình vậy.

Mặt trời đã lên khỏi dãy núi phía Đông. Không khí một ngày mới kích thích niềm vui và mở màn cho nhiều câu chuyện trên tàu. Người ta nói với nhau về những chuyến buồn, về vật giá sinh hoạt, về những vụ công an kinh tế tuôn hàng (tịch thu hàng hóa của dân buôn), về những chuyến đi xa của họ nữa. Qua vài câu chuyện, tôi mới vỡ lẽ rằng đây là chuyến tàu ra Trung chứ không phải vào Nam như tôi và Đức nghĩ. Tôi không mua lộn vé nhưng đã lên lầm tàu. Thế mà nãy giờ tôi cứ mừng tượng ra một cảnh trí Sài Gòn đang chờ đón

mình. Trong trường hợp lầm lẫn một cách ngớ ngẩn như thế, người ta có thể hoảng lên và đòi xuống gấp ở một sân ga nào đó gần nhất. Và sẽ thật là phiền toái nếu người ta mang nhiều hành lý. Tôi thấy có người mang lên tàu bảy cái giỏ, hai thùng mằm và một số đồ linh tinh kèn càng khác. Tôi đứng như thế, im lặng và bình thản, và cảm nghe một nỗi niềm gì đó ngộ ngộ, kỳ thú. May mà không ai hỏi đến tôi. Nếu họ hỏi và tôi trả lời rằng tôi vào Sài Gòn, chắc họ cười dữ. Và cũng may là chuyến đi của tôi hôm nay, tuy cũng nhắm vào Sài Gòn thật đấy, nhưng không nhất thiết phải là Sài Gòn. Đối với tôi, mục đích chuyến đi này là ĐI, chứ không phải là ĐI ĐÁU. Do đó, con tàu có đưa tôi ra Trung thì cũng được thôi. Ngay trong trí tôi lúc đó, sự phản kháng rất là yếu ớt. Tôi để mặc cho cuộc lữ có thể đưa mình đến bất cứ nơi nào. Bằng quyết định đó,

bằng thái độ chấp nhận và không chọn lựa đó, tôi thấy mình thực tự do và hạnh phúc. Bắt đầu từ hôm nay, tôi có thẩm quyền rất lớn về cuộc sống của mình. Bao lâu nay, nhất nhất mọi sự đều do gia đình (khi chưa xuất gia) và thầy bốn sư (lúc đã vào chùa) quyết định. Một chuyến phiêu du không những cho tôi nổi thích thú vì những mới lạ, những bất ngờ đang chờ đón mà còn cho tôi cái cảm tưởng (hay ảo tưởng?) rằng, tôi đã thực sự cởi hết những trói buộc.

Tàu chạy lúc lâu thì ánh nắng chiếu vào giữa toa. Tôi không có chỗ ngồi. Đúng như lời Đức nói, nếu cứ tình trạng mỗi ga mỗi ngừng để rước khách và bốc hàng hóa thì sẽ có triển vọng rằng chốc nữa tôi sẽ đứng một chân cho mà xem.

Đến ga Tuy Hòa, khách chen lên chật cứng. Người ta dẫm lên chân tôi nhiều lần. Kẻ khác bị như vậy hẳn là đã

sùng sộ chửi rủa lên rồi. Như một chị nọ, bị thằng bé bán trà đá dẫm lên chân, chị ta suýt xoa thối chảng khác chi như khi người ta bị đau răng vậy, rồi chị ngắt, véo thằng bé bán trà cho hả giận, trong khi đó, chân chị với đôi guốc gỗ rất là bề thế cứ ngang nhiên nghiêng trên mấy ngón chân ló ra của tôi. Tôi chỉ biết than thầm mà thôi. Có những bàn chân khác mang bunn non làm nhầy nhụa trên dép và lưng bàn chân tôi. Đó là chưa kể hai thùng nước mắt của ai đó đặt trên sàn tàu, phía sau lưng, sát chỗ tôi đứng. Cứ mỗi bận con tàu xốc mạnh hay thăng rít ở một sân ga nào đó thì từ hai miệng thùng được bịt bằng túi nylon có ràng giấy thun, nước mắt lại phỉ ra y như hai thằng khủng vừa sặc cười vừa phun nước miếng vào tôi vậy. Sự kiện này làm tôi thấy phiền ghê gớm, nhưng tôi vẫn cứ im lìm như một pho tượng. Đã vậy, người ta còn lẩn như buộc tôi phải dời gót. Nhớ lời Đức, tôi nghĩ, gì chứ dời gót thì nhất định không được rồi. Mình không nên giành lấn người ta, nhưng ít nhất mình cũng giữ gìn được thể diện của mình. Tôi bèn "xuống tấn," ráng đứng trụ một chỗ, không co chân lên một khắc nào. Hai bắp chân đã từng được tôi luyện mỗi mùa hè bằng cách gánh nước từ dưới xóm leo một trăm hai mươi tám bậc cấp lên chùa Núi, nay được dịp thi thố cái chức năng thô kệch của nó. Nhưng đó là tôi quá lo vậy thôi chứ thực thì tình thế không đến nỗi nghiêm trọng như Đức nói. Lúc tàu sắp rời ga Tuy Hòa, có hai thiếu nữ trạc tuổi tôi từ dưới sân ga nhảy phóc lên cửa sổ ở khoảng giữa toa, ngay chỗ tôi đứng. Họ lẹ làng đưa lên từ dưới hai bao gạo chỉ xanh rồi đẩy ùn đến chỗ tôi. Nhờ vậy mà quanh tôi, người ta dãn ra, rộng được một chút. Nhưng khổ nỗi, một bàn chân tôi đã nằm dưới bao gạo. Thấy nó cũng chẳng khó chịu bao nhiêu nên tôi cứ việc đứng yên.

Tàu chạy. Một trong hai

thiếu nữ đến xốc lại bao gạo và khám phá ra cái bàn chân dơ bẩn và trường kỳ chịu đựng của tôi này giờ bị kẹt ở dưới. Cô ta khẽ xin lỗi: "Sao chú không nói để tôi xịch nó qua một bên!"

Tôi trả lời lúng búng chẳng ra câu, rồi chỉ biết cười nhẹ. Cô ta định nói thêm gì nữa đó nhưng thấy tôi nhìn chỗ khác nên thôi. Một chốc, cô lên tiếng mời tôi ngồi. Tôi ngơ ngác chưa hiểu. Cô ta chỉ lên bao gạo: "Chú ngồi lên đây cho khỏe chân."

Tôi lại lúng túng. Tôi không biết rõ là một tu sĩ ngồi trên bao gạo như thế coi có được không. Thuở bé, còn ở nhà, mấy bao gạo mẹ tôi mua về để ở góc phòng thường là cứ điểm lý tưởng cho những trò chơi của bọn trẻ chúng tôi. Nhưng mỗi khi thấy một đứa trèo lên bao gạo, mẹ tôi đều quát. Bà chỉ cho phép chúng tôi nấp sau bao gạo (để chơi trò cút bắt hay cao bồi bắn súng) chứ không cho dẫm đạp lên nó. Mẹ tôi không nói rõ lý do, chỉ nói rằng làm như thế mang tội nặng lắm và có thể mắc quả báo là không có gạo mà ăn. Chúng tôi không sợ bị đói vì ba mẹ chúng tôi chưa bao giờ để cho chúng tôi phải đói, nhưng chúng tôi rất sợ chữ "mang tội" hay chữ "trời phạt" nên nghe theo răm rắp. Bây giờ, tôi đã hiểu lý do vì sao mẹ tôi cấm. Hạt gạo là của Trời cho, không nên vung vãi phung phí và tỏ ý bất kính mà phải trân quý như những hạt ngọc. Lý do đó không gây cho tôi chút băn khoăn hay sợ hãi tội lỗi trong trường hợp ngày hôm nay nữa. Nhưng liệu rằng khi tôi đồng ý ngồi trên hai bao gạo, những người chung quanh có thầm trách tôi chẳng? Tôi thì tôi cho phép mình ngồi rồi đó (vì tôi đã quá thèm ngồi), còn họ thì sao? Tôi đưa mắt lướt nhanh qua những khuôn mặt gần đó xem thử họ có ý gì phản đối không nếu tôi vén áo dài ngồi xuống. Thật may là vài người khác cũng đồng thanh mời tôi ngồi nổi lờ

thiếu nữ kia. Họ đều có vẻ quan tâm đến tôi, cảm thương cho tôi, một tu sĩ hiền hòa, cảm lạnh và có hơi ngầy ngồ, đứng im từ hồi khuya đến giờ. Thấy họ có vẻ thành thật và ân cần, tôi mới yên tâm ngồi xuống. Hai bao gạo chồng lên nhau cao hơn bằng ghế gỗ trên toa. Tôi có vẻ cao ngất so với những người ngồi quanh.

Và hạnh phúc thay khi được ngồi xuống! Bao gạo mới thật là êm à làm sao! Tôi chợt thấy hạnh phúc là một cái gì thật giản đơn, dễ hiểu như thế thôi. Buồn ngủ mà được ngủ, đói bụng mà được ăn, khát nước mà được uống, mỏi chân mà được ngồi. Hạnh phúc có nghĩa là vậy. Nhưng tôi cũng có thể nhìn thấy trong hạnh phúc và khổ đau, sự cảm nhận cái này không thể tách rời khỏi cái kia. Và cả hai đều có tính cách tương đối. Khi người ta cướp của tôi tất cả gia sản mà tôi đã gầy dựng được, rồi cho tôi lại một ít cơm gạo hay một túp lều nhỏ để sống thì cái hạnh phúc mà tôi có thể có lúc ấy chỉ là một ảo tưởng. Khi người ta bóp cổ tôi, tôi ghệt thở rồi người ta thả tôi, tôi hết ghệt thở; nhưng sự hô hấp bình thường của tôi là cái tôi đã có sẵn chứ không phải là ân huệ của kẻ bóp cổ ban cho tôi. Trong cuộc sống, người ta thường bị lừa lọc đến nỗi có thể an phận và hài lòng vì những hạnh phúc giả tạo còn con tương tự như vậy.

Tôi đang miên man trong những suy tư về hạnh phúc thì thiếu nữ buồn gạo đang đứng gần đây, nghiêng về phía tôi, nói thấp giọng: "Có ai hỏi chú nói gạo chú mua cho chùa nghe. Làm phước cho tôi chú há."

Nói xong, cô ta chen qua toa khác. Tôi chỉ biết than thầm trong bụng chứ chẳng biết phải làm sao. Tôi hiểu rằng đó là cách cô ta trốn thuế. Một tu sĩ mang gạo đi sẽ không bị nghi ngờ là một con buôn và gạo đó có thể được miễn thuế, hoặc khỏi bị trưng thu nếu gặp những nhân viên hòa xa có đức tin. Tôi nghĩ tôi có thể giúp cô ta được



đấy, bằng cách nói dối như cô ta bày. Nhưng tôi chẳng có chút hiểu biết gì về chuyện gạo cơm, buôn bán thì làm sao tôi có thể ứng đối rành rẽ nếu nhân viên quan thuế gặng hỏi một cách kỹ lưỡng, gắt gao! (Chẳng hạn, gạo loại gì? Mua ở đâu? Bao nhiêu tiền một kí? Bao nhiêu kí tất cả? Đem gạo đi đâu? Tuồn gạo lên ngô nào, ga nào mà chưa đóng thuế?) Càng nghĩ, tôi càng lo lắng, bồn chồn.

Sau năm 1975, hình như mọi thái độ chống lại Nhà Nước đều được mặc nhiên công nhận như là những hành vi hợp lý và đạo đức. Giúp cho một người dân qua mặt Nhà Nước để sinh sống bằng cách bao che, nói dối cho họ, tôi nghĩ tôi có thể làm được mà không thấy ray rứt gì bao nhiêu dù rằng hành vi đó khiến tôi bị phạm vào hai giới cấm căn bản của một người theo đạo Phật (trốn thuế thuộc giới thứ hai: ăn cắp; nói dối thuộc giới thứ tư: vọng ngữ). Nhưng không phải đây là việc "làm phước" như thiếu nữ kia nói đó sao! Tuy vậy, điều này cũng làm tôi khổ tâm không ít. Vì tôi, một tu sĩ đang bắt đầu một cuộc lang thang, hành lý đơn giản, sao lại phải cứ mang làm gì hai bao gạo "ác ôn" kia kia!

Nghĩ đi nghĩ lại thấy cũng buồn cười. Lại buồn cười ở chỗ người ta không những không cấm mình ngồi trên bao gạo

mà còn mời mình ngồi trên đó một cách tử tế; không những mời ngồi mà còn nài nỉ mình hãy coi (dù tạm thời) như mình là chủ nhân của hai bao gạo ấy. Đời thật nhiều nỗi rối rắm! Nhưng ta phải chấp nhận vậy.

Ga Diêu Trì ở Bình Định là ga chót của chuyến tàu này. Hai thiếu nữ kia đến, trả tự do cho tôi và xin nhận lại hai bao gạo. Tôi thở phào nhẹ nhõm và cũng trả tự do cho hai bao gạo. Hai cô đều ngỏ lời cảm ơn tôi. Tôi im lặng xuống tàu, nhưng cũng thầm nói rằng: "Cảm ơn hai cô đã cho tôi một chỗ ngồi thật thoải mái. Và nếu hai cô có ý muốn làm ơn làm phước cho tôi thì xin đừng để tôi có cơ hội cảm ơn hai cô lần nữa về những bao gạo khác."

Tôi thức trắng một đêm tại sân ga rồi đáp chuyến tàu khuya ra Đà Nẵng. Từ Đà Nẵng, tôi lại đón xe đi Hội An (Faifoo). Đây là thành phố nhỏ mà quãng đời hành điệu (làm chú tiểu) của tôi đã gắn liền với nhiều kỷ niệm thơ mộng, dễ thương. Tôi vào chùa Long Tường, vì đây là ngôi chùa duy nhất trong tỉnh mà tôi nghĩ rằng thích hợp với tôi hơn cả.

Tôi đã học và sống ở đây ba năm. Lúc đó, chùa Long Tường còn là một Phật Học Viện. Sau biến cố ba mươi tháng Tư, Phật Học Viện giải

tán. Anh em trong lớp chia tay nhau ai về quê nấy. Đầu năm 1976 tôi mới rời nơi này để về Nha Trang tiếp tục tu học. Nơi đây còn lại một vài huynh đệ thường trú ở chùa. Họ là những tu sĩ nhiệt huyết, trong sạch và làm việc đồng áng rất giỏi.

Tôi đến chùa nhằm lúc mọi người trong chùa đều ra ruộng cày. Phải đến trưa tôi mới gặp đủ mặt. Trong số những bạn bè của tôi ở đây, người tôi mong được gặp nhất là Tửu.

Thuở trước, chú là người thân nhất, vừa như anh, vừa như bạn tri âm của tôi vậy. Tuy nhiên, sau thời gian xa cách, chừ gặp lại, tôi thấy Tửu không hợp với tôi như trước nữa. Không hiểu rằng do Tửu thay đổi hay tôi đổi thay mà sự thân mật và thông cảm như xưa không còn. Tôi tạm cho rằng có lẽ chúng tôi đều đã lớn. Tuổi thơ không còn nữa. Tôi đã bắt đầu là một chàng trai có chiều cao, có thể lực và một ít kiến thức về đời sống. Nhưng cũng có thể là do sự so sánh, dù là so sánh một cách vô tình, giữa Tửu và Đức, mà tôi có cảm giác đó. Tửu và Đức ngang tuổi nhau và lớn hơn tôi sáu tuổi. Cả hai đều kết thân với tôi trong tình bạn chứ không phải vai vế anh em. Tôi đã có thể chơi thân với Tửu và Đức, nhưng trên thực tế, tôi thấy Tửu và Đức khác nhau rất xa trong cách cư xử lẫn tính tình. Tửu không hợp với tôi nhiều như Đức. Trong vài khía cạnh khác cũng thế. Tửu thẳng thắn, Đức cũng thẳng thắn, nhưng cái thẳng thắn của Tửu thường làm mất lòng kẻ khác còn sự thẳng thắn của Đức thì được lòng họ. Tửu là người chịu khó, có sức chịu đựng nhưng lại hay than thở (chẳng hạn nhức đầu thì rên hừ hừ khiến kẻ khác phải nhức đầu theo), còn Đức thì chịu đựng trong im lặng. Tửu trung thực bằng thông minh, Đức trung thực bằng tình cảm. Tửu còn khác Đức ở chỗ là mỗi khi người khác muốn trình bày một vấn đề gì, Tửu cũng đồng lúc trình bày vấn đề của Tửu. Tửu hay có

tật nói chung với người khác trong cùng một thời điểm. Nghĩa là khi người ta nói thì mặc người ta, Tửu ít chịu nghe, Tửu thích nói. Thành thử người ta thường cụt hứng ngưng lại để nhường lời cho Tửu. Riêng về Đức, khi người ta nói, Đức lắng nghe hoàn toàn làm cho người nói thêm say sưa mà nói, đồng thời cảm thấy bao nhiêu tâm sự buồn bực, nếu có, được trút đi mất.

Dù sao, tôi cũng không thể quên được bao kỷ niệm buồn vui đã có với Tửu. Trong tôi, tình bạn vẫn còn đó. Người ta có thể thay đổi, có thể quên đi nhiều thứ, nhưng tình bạn và những kỷ niệm của nó thì không làm sao gột rửa. Tửu có một đời sống gian khổ đáng thương đeo bám tửu thuở bé và một tâm hồn vừa cứng rắn, vừa mềm mại tình cảm. Tửu thích âm nhạc, làm thơ hay mà không khoe khoang. Tửu là mẫu người luôn luôn phấn đấu, cầu tiến. Và dù sao, Tửu vẫn hiện hữu trong tôi, dù mờ nhạt hay sáng chói, như một dấu vết thiêng liêng của tình bằng hữu bất tuyệt.

Sống nơi chùa xưa với bạn cũ khoảng một tháng, tôi bắt đầu tính chuyện lên đường, mặc dù tôi rất thương đời sống thiên vị, đạm bạc và lặng lẽ nơi đây. Tôi rời xứ này không phải vì nhàm chán mà vì tiếng gọi hôm nào lại vang lên trong tận cùng đáy tâm tôi. Tửu đưa tôi đi. Lại một lần vẫy tay. Buồn với vợ.

Con đường cát trắng chạy dài. Hàng dương cao vút, gió reo. Ráng chiều, mây trắng và trời xanh bao la nâng hồn tôi đến những mộng tưởng vô cùng đang mở ra trước mắt. Ngôi chùa Long Tuyền lưu dấu trong tôi tất cả những gì êm đẹp và hiền hòa không sao tả xiết. Nhưng phải bỏ lại phía sau. Vì, nước phải trôi vậy.

(đón đọc Chương 3)

TRÀ XUÂN

Mời nhau một chén hoàng trà
Gọi là thương lắm mới mà gọi nhau
Sợ xuân già lắm phai mau
Gửi vào tác dạ đóa màu nguyên xuân
Mai sau vương mãi cũng từng
Một giây thương mãi hương rừng hoa khai
Một thì một đó một ai
Một sao một dạ một hoài viên thông

XUÂN SỚM

Chim kêu riu rít đỉnh màng
Gà tranh giọng gáy dậy vang xóm làng
Non xanh phủ khắp xuân sang
Hoa nào khai nhụy hương ngàn ngát bay
Am tranh chẳng khép xưa nay
Mây chen hương tỏa xuân lay giấc nồng
À em đã đến tận trong
Khe sâu biển vắng một lòng đầy xuân

RỪNG CÔ LIÊU

Rừng tung cửa để kịp nhìn mây chính
Cánh chim trời thất thểu cổ lặng thỉnh
Đôi lá rụng buông mình sâu khoáng vắng
Rừng cô liêu thui thui nhánh rợn mình

Chen thấp thỏm đá chông chân gói mối
Lòng lạnh sao sương nước mờ len lõi
Cành cây buồn nắng sườn cũng theo tan
Ai nhóm lại ánh nhìn qua viên sỏi

TRĂNG

Trăng soi bóng hình em ẩn hiện
Dòng xưa nào trôi dáng xiêu nghiêng
Bờ vai đó tre làng xơ xác
Một chiều tà trăng sớm treo hiên

thơ

LĂNG NGUYỆT

